

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Mức âm tổng cộng: $L_{\Sigma} = 10 \lg \frac{I_1 + aI_1}{I_0} = L_1 + 10 \lg(1 + a)$

Gọi $\Delta L = 10 \lg(1 + a)$ là mức âm gia tăng, như vậy: $L_{\Sigma} = L_1 + \Delta L$

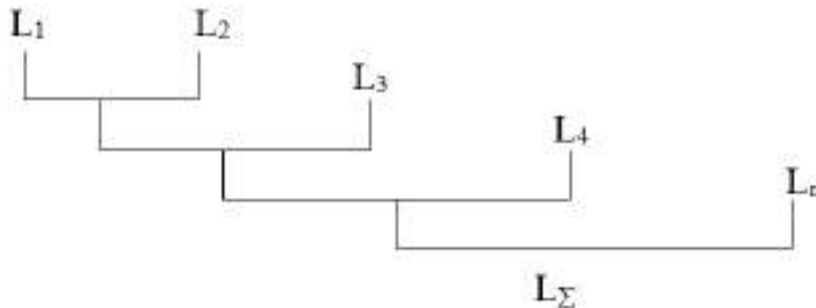
Trị số ΔL phụ thuộc vào độ chênh lệch ($L_1 - L_2$)

$$L_1 - L_2 = 10 \lg \frac{I_1}{I_0} - 10 \lg \frac{aI_1}{I_0} = -10 \lg a$$

Như vậy, nếu 2 mức âm truyền đến bằng nhau, mức âm tổng cộng sẽ bằng giá trị số của một mức cộng thêm 3dB.

➤ **Trường hợp có nhiều mức âm thành phần khác nhau**

Mức âm tổng cộng được xác định bằng cách cộng dồn theo số đồ sau:



Theo cách tính toán trên thì mức âm tổng cộng từ các công trường như sau:

- Ở khoảng cách 10 m: 74,5 dB (Xấp xỉ QCVN 26:2010/BTNMT)
- Ở khoảng cách 50m: 65,8 dB (Thấp QCVN 26:2010/BTNMT)

Như vậy, trong quá trình thi công xây dựng HTKT và các công trình xây dựng dân dụng tại dự án sẽ gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận ở khoảng cách 10m, dự có tiếp giáp các khu vực dân cư do đó, đối với các công tác thi công gần khu dân cư này cần tính toán đến thời gian thi công hợp lý. Tuy nhiên, dự án chỉ tiến hành thi công 8h/ngày, không thi công đêm và các giờ nghỉ trưa nên sẽ hạn chế được tác động do tiếng ồn đối với khu dân cư.

b) Đánh giá, dự báo các tác động do ô nhiễm nhiệt ẩm

Thời gian thi công xây dựng (kể cả san nền) kéo dài 12 tháng nên sẽ diễn ra trong cả mùa Hè và mùa Đông. Vào mùa Hè, với nhiệt độ không khí và độ ẩm cao thì sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, rất dễ gây bệnh sốt, stress,... Thi công trong môi trường có nhiệt độ cao sẽ gây nên những biến đổi về sinh lý và cơ thể con người như mất mồ hôi, kèm theo là mất mát một lượng muối khoáng như: các muối iôn K^+ , Na^+ , Ca^{2+} , I^- , Fe^{2+} ,... Nhiệt độ cao cũng phải làm cơ tim phải làm việc nhiều hơn. Ngoài ra, làm việc trong môi trường nóng thường dễ mắc bệnh hơn so với các điều kiện bình thường, ví dụ bệnh tiêu hóa chiếm tới 15% trong khi điều kiện bình thường chỉ chiếm 7,5%, bệnh ngoài da là 6,3% so với 1,6%.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

Rối loạn sinh lý thường gặp ở một số công nhân làm việc ở nhiệt độ cao là chóng mặt, say nóng và co giật, nặng hơn là choáng nhiệt. Người thường xuyên tiếp xúc với nguồn nhiệt cao là các công nhân vận hành máy, lái xe công trình,...

c) Đánh giá, dự báo các tác động do ô nhiễm rung động

Rung là một yếu tố môi trường, rung động và những ảnh hưởng tới con người, thiết bị máy móc và các công trình xây dựng nói chung đã và đang được quan tâm nghiên cứu giải quyết nhằm không ngừng hạn chế và tiến tới loại trừ hoàn toàn những tác động có hại của rung động tới sức khỏe con người, đảm bảo an toàn cho các công trình xây dựng và cũng như ổn định, phòng tránh các nguy cơ sự cố có thể xảy ra do rung trong quá trình vận hành thiết bị. Các thiết bị máy móc gây rung phải đảm bảo đạt những tiêu chuẩn cho phép như quy định trong QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung. Các thiết bị, máy móc dự án sử dụng phải chịu sự kiểm soát của tiêu chuẩn ô nhiễm rung động là máy trộn bê tông, máy cắt kim loại,...

Bảng sau liệt kê mức rung động của một số máy móc thi công điển hình:

Bảng 53. Mức độ rung động của một số máy móc xây dựng điển hình

TT	Loại máy móc		Mức độ rung động tham khảo (mức độ rung động theo hướng thẳng đứng Z, dB)	
			Nguồn gây rung động (L=2,0 m)	Cách nguồn gây rung động (L=10 m)
1	Máy đào		80	71
2	Máy đầm bánh hơi tự hành		79	69
3	Máy lu 10 T		74	64
4	Máy lu rung 25T		82	71
5	Máy nén khí động cơ diesel		63	55
6	Máy rải 130 - 140CV		81	71
7	Máy rải 50 - 60 m ³ /h		85	73
8	QCVN 27:2010/BTNMT			
8.1	Từ 6h đến 21h	Khu vực thông thường		75
8.2	Từ 21h đến 6h			Mức nền (1)

⇒ Nhìn chung, từ bảng tham khảo mức rung của một số phương tiện thi công trên công trường cho thấy:

- Mức độ rung suy giảm theo khoảng cách. Ở khoảng cách càng gần với máy thi công thì độ rung càng lớn.

-(1): Mức nền là mức gia tốc rung đo được khi không có các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng tại các khu vực được đánh giá. Do tính chất của Dự án chỉ là Hạ tầng khu dân cư thông thường nên Báo cáo ĐTM đã không tiến hành đo đạc rung động nền.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

- Tại khoảng cách $\leq 5\text{m}$ từ máy thi công, mức rung của hầu hết các phương tiện, máy móc thông kê đều cao hơn QCCP.

- Tại khoảng cách $\geq 10\text{m}$ từ máy thi công, mức rung của các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị thi công thông kê đều nằm trong QCCP.

Ngoài ra, việc sử dụng nhiều máy móc, thiết bị thi công cùng lúc trong một khu vực sẽ làm gia tăng rung động do cộng hưởng độ rung từ nhiều thiết bị. Do vậy, nhà thầu thi công cần có kế hoạch thi công máy móc phù hợp với từng khu vực, không thi công nhiều máy móc cùng lúc để hạn chế cộng hưởng độ rung và tiếng ồn, gây ảnh hưởng đến khu dân cư. Các thiết bị máy móc gây rung phải đảm bảo đạt QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Các thiết bị máy móc sử dụng phải được kiểm soát theo tiêu chuẩn ô nhiễm rung động.

Như vậy, công trình dân cư gần nhất với công trường là 100m (4 hộ gia đình hiện hữu) nên sẽ không bị ảnh hưởng bởi độ rung từ hoạt động thi công xây dựng.

d) Tác động đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật, hệ thống kênh mương thủy lợi

(i). Hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật

Khu vực thực hiện dự án: Hiện nay chủ yếu là đất giao thông, đất trồng trọt,... nên khi thực hiện sẽ không thể tránh khỏi những tác động làm thay đổi hệ sinh thái và ảnh hưởng tới môi trường sống của các sinh vật. Các tác động chủ yếu tới hệ sinh thái sẽ bao gồm:

- Phá hủy khoảng diện tích đất nông nghiệp, có thể ảnh hưởng đến các động thực vật sinh sống trong khu vực này.

- Làm mất, giảm và biến đổi lớp phủ thực vật tự nhiên, bao gồm các loại thảm cỏ, tập đoàn cỏ thủy sinh, các lùm cây bụi trên phạm vi toàn công trường.

- Làm thay đổi số lượng các loại chân khớp, thành phần các nhóm giun và hệ côn trùng trong khu vực, đặc biệt là hàm lượng các chất lơ lửng và chất hữu cơ trong thủy vực tăng, mật độ và sinh khối sinh vật nổi tăng, gây hiện tượng phú dưỡng tại các thủy vực.

- Hệ sinh thái tại khu vực dự án chủ yếu là hệ sinh thái nghèo và nhân tạo nên việc thay đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang hệ sinh thái đô thị - nhà ở không gây tác động lớn đến yếu tố này.

⇒ Nhìn chung, với hệ sinh thái nghèo - nhân tạo, việc thi công xây dựng dự án sẽ không gây tác động lớn đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật.

) Tác động đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông

(i). Tác động đến trục đường tiếp giáp

Các tuyến đường dân cư tiếp giáp là tuyến đường được sử dụng để vận chuyển nguyên VLXD phục vụ công trường cũng như đổ thải đất đá dư thừa đến

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

công trường thi công, theo tính toán tại nội dung trên thì tần suất xe tải tăng thêm như sau:

- Giai đoạn san nền: 3 lượt xe/h
- Giai đoạn thi công xây dựng (HTKT và các công trình dân dụng): 3 lượt/h.

Theo tính toán tại phần trên thì trong 156 ngày thi công san nền, lượng xe tải nặng (27 tấn) tăng thêm tới 3 lượt/h để vận chuyển đất san nền và thời gian hoạt động trung bình là 8 h/ngày. Kết hợp với tần suất xe hoạt động trên các tuyến đường tiếp giáp, trong giai đoạn này, hoạt động của các xe tải 27 tấn vận chuyển đất san nền đến các hoạt động giao thông là đáng kể. Các tác động cụ thể bao gồm:

- Ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường tiếp giáp : Các phương tiện hoạt động trên đường này sẽ bị ảnh hưởng do gia tăng lưu lượng, các xe ra vào các cổng của công trường.

- Ảnh hưởng do bụi, nước mưa, nước thải từ công trường tràn ra đường: Các phương tiện sẽ bị ảnh hưởng do bị giảm tầm nhìn do bụi, trơn trượt do bùn đất, nước tràn ra đường.

- Ảnh hưởng đến các đường giao thông xung quanh: Các phương tiện giao thông khi lưu thông qua khu vực này nếu bị dính bám bùn đất vào bánh xe sẽ gây ô nhiễm sang các tuyến đường khác.

Nhìn chung, tuyến đường tiếp giáp đoạn qua dự án sẽ bị ảnh hưởng đến kể nếu như các biện pháp phun rửa xe ra khỏi công trường, vệ sinh phun rửa đường, các biện pháp thoát nước không được thực thi nghiêm túc.

(ii). Tác động do các phương tiện máy móc, thiết bị thi công ra vào công trường

Khu vực công trường khá rộng và nằm sâu bên trong đường tiếp giáp vì vậy, việc phương tiện máy móc thi công ra vào công trường sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của tuyến đường tiếp giáp. Quá trình thi công xây dựng có những ưu điểm là không sử dụng các tuyến đường dân sinh cho quá trình thi công nên sẽ hạn chế các tác động đến những người tham gia giao thông hiện tại.

Mặt khác, khi các tuyến đường trong dự án được hình thành, theo thiết kế quy hoạch các “ô bàn cờ”, nhiều tuyến đường giao thông dọc, ngang được tạo ra và dân cư sẽ có nhiều lựa chọn hơn và tình hình giao thông tại khu vực dự án sẽ được cải thiện hơn.

(iii). Các hoạt động khác

Việc tập trung khoảng 60 công nhân làm việc trên công trường thi công xây dựng HTKT sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xung quanh khu vực dự án và gây sức ép về HTXH (y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội) cho công đồng dân cư xung quanh tại xã A Sào. Do sự khác biệt về tập tính sinh sống giữa dân cư xung quanh và công nhân lao động từ nơi khác đến sẽ dễ nảy sinh những mâu

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

hòa. Đồng thời việc tập trung công nhân sẽ kéo theo sự tập trung các dịch vụ như hàng quán dẫn đến việc nảy sinh các tệ nạn xã hội.

Quá trình thi công xây dựng dự án như đã trình bày ở trên sẽ có một loạt các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường trong đó các hoạt động như vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động đi lại của công nhân sẽ dẫn đến sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường hiện hữu. Sự gia tăng mật độ giao thông sẽ làm tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông, đặc biệt là vào những giờ cao điểm như 6h30 - 8h30 và 16h - 18h30 hàng ngày.

f) Tác động đến người công nhân trực tiếp thi công

Quá trình thi công xây dựng, vận chuyển đất bùn thải ra khỏi công trường và vận chuyển cát về san lấp,... được thực hiện bằng thủ công hoặc bằng cơ giới, có khả năng gây ra những ảnh hưởng đến người lao động nếu không được trang bị đầy đủ các phương tiện BHLĐ. Các tác động có thể tóm tắt như sau:

- Các ảnh hưởng ô nhiễm do bụi, khí thải: Gây ra các bệnh bụi phổi, các bệnh về đường hô hấp, các bệnh về mắt.

- Các ảnh hưởng do tiếng ồn: Ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thính giác và một số cơ quan khác trong cơ thể. Trong quá trình thi công công nhân sẽ được trang bị các thiết bị chống ồn như: nút tai, mũ bảo hiểm,... nên các ảnh hưởng này không lớn.

- Các ảnh hưởng ô nhiễm do nhiệt lên người lao động: Người lao động sẽ bị ảnh hưởng bởi bức xạ nhiệt từ các thiết bị thi công và bức xạ mặt trời. Các bức xạ này sẽ làm cho con người nhanh chóng bị mệt mỏi, khát nước, gây nhức đầu chóng mặt làm giảm năng suất lao động. Các tác động này là không thể tránh khỏi khi thi công vào mùa hè.

- Công trường thi công sẽ có nhiều phương tiện vận chuyển đi lại có thể dẫn tới các tai nạn giao thông.

- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì khả năng xảy ra tai nạn lao động có thể tăng cao, do đất trơn dẫn đến trượt ngã cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn.

g) Tác động đến môi trường từ các bãi tập kết nguyên vật liệu

- Giai đoạn san nền:

- + Đối với hoạt động san tại công trường: Công tác san nền sẽ tiến hành theo hình thức cuốn chiếu, xe ô tô chở đất san nền vận chuyển thẳng đến khu vực cần san, đổ tải và được máy san, lu lèn ngay vào các khu vực trồng, thấp.

- + Đất hữu cơ thừa để trồng cây sẽ được đổ ngay vào các khu vực trồng cây tại các vị trí theo quy hoạch. Đất thừa từ quá trình đào hào sẽ được đổ ngay vào các khu vực san nền lô. Trong quá trình lưu giữ đất này chắc chắn sẽ phát sinh bụi do gió thổi trên bề mặt.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Đất san nền dự thừa được vận chuyển ngay bằng xe oto đến bãi đổ thải, không tổ chức dồn đống tại công trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tại công trường sẽ không bố trí các bãi tập kết nguyên liệu có quy mô lớn. Dự án sẽ không sử dụng lòng đường, vỉa hè hoặc các khu vực khác không được phép để tập kết nguyên vật liệu thi công. Do đó, trên công trường chỉ tồn tại một số bãi tập kết VLXD như: cát, đá, sắt thép,... tác động từ các bãi tập kết VLXD như sau:

+ Bụi: Bụi sẽ phát sinh từ các bãi tập kết đất, cát,... do gió to thổi trên bề mặt cộng với thời tiết hanh khô. Tuy nhiên, thời gian thi công san nền được tiến hành không phải trong mùa khô nên hạn chế được sự phát tán của bụi ra môi trường xung quanh.

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua các bãi tập kết nguyên VLXD sẽ cuốn theo đất, cát xuống hệ thống thoát nước mưa và có khả năng gây tắc nghẽn hệ thống này.

+ Các tác động khác: Việc tập kết các nguyên VLXD tại công trường còn gây ra các tác động khác ngoài mong muốn như:

- + Gây cản trở giao thông và tai nạn giao thông
- + Gây mất mỹ quan khu vực.

3.1.1.2.6. Dự báo, đánh giá các tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

a) Sự cố phản ứng của nhân dân trong việc đền bù và GPMB

Khi thực hiện dự án sẽ phải tiến hành thu hồi diện tích đất lâm nghiệp, nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm,... và trực tiếp thu hồi đất ở của người dân. Quá trình này rất dễ gặp sự phản ứng, chống đối từ dân cư do nhiều nguyên nhân. Mà nguyên nhân chính được xác định là chưa có tiếng nói chung về mức bồi thường. Khi xảy ra sự cố này sẽ dẫn đến các tác động như sau:

- Có thể gây chậm tiến độ thực hiện dự án. Sự chậm tiến độ thi công sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho Chủ dự án khi phải tiêu tốn tiền bạc mà không thu được kết quả của dự án.

- Có thể gây lộn xộn tại khu vực công trường, đường giao thông xung quanh dự án do dân cư tổ chức chống đối, ngăn chặn Chủ dự án và nhà thầu thi công

- Có thể gây ra các vụ ẩu đả dẫn đến thương tích cho công nhân, dân cư từ các mâu thuẫn.

b) Sự cố trong quá trình san nền

Trong giai đoạn thi công san nền có khả năng xảy ra các sự cố với các mức độ tác động cụ thể như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Sự cố về tai nạn giao thông: Khi mà các phương tiện vận chuyển vật liệu san nền gia tăng, đe dọa đến sức khỏe và tính mạng của mọi người tham gia giao thông trên các tuyến đường Tuyến đường tiếp giáp đoạn qua dự án.

- Sự cố ngập lụt: Chủ yếu xảy ra đối với khu vực công trường nếu chảy qua các kênh mương thủy lợi công trường bị tắc, mất khả năng tiêu thoát nước mưa.

c) Đánh giá, dự báo các sự cố tai nạn lao động

Cũng như bất cứ các công trường xây dựng nào, công tác an toàn lao động là vấn đề được đặc biệt quan tâm từ nhà đầu tư cho đến người lao động trực tiếp thi công trên công trường. Các vấn đề có khả năng phát sinh ra tai nạn lao động:

- Sự ô nhiễm môi trường có khả năng làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động trên công trường. Một vài chất ô nhiễm như khói có chứa SO₂, CO, CO₂... tùy thuộc vào thời gian và mức độ tác động có khả năng làm ảnh hưởng đến người lao động, gây choáng váng, mệt mỏi, thậm chí ngất xỉu (thường xảy ra đối với công nhân nữ hoặc người có sức khỏe yếu). Tuy nhiên, nồng độ các loại khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng của dự án không đáng kể. Cho nên, các ảnh hưởng sẽ không nguy hiểm.

- Công trường thi công sẽ có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến tai nạn do xe cộ gây ra;

- Các loại phương tiện cần cầu, thiết bị bốc dỡ, các loại vật liệu xây dựng chất cao có thể rơi đổ gây tai nạn lao động;

- Việc thi công các công trình ở độ cao sẽ làm tăng khả năng gây ra tai nạn lao động do trượt té trên các giàn giáo, do vận chuyển vật liệu xây dựng (xi măng, cát, sắt, thép...) lên các độ cao,...

- Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, gió bão gây đứt dây điện,...;

- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì nguy cơ gây ra tai nạn lao động có thể tăng cao do đất trơn dẫn đến trượt té cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn, đất mềm và dễ lún sẽ gây ra các sự cố cho người và các máy móc, thiết bị thi công,...

d) Đánh giá, dự báo các sự cố do cháy nổ

Quá trình thi công xây dựng một công trình lớn sẽ phát sinh nhiều khả năng gây ra cháy nổ:

- Việc sử dụng các công đoạn gia nhiệt trong thi công cũng có khả năng gây ra cháy;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Các nguồn nguyên liệu (dầu FO, DO) thường được chứa trong phạm vi công trường là một nguồn cháy nổ rất quan trọng. Đặc biệt là khi các kho (bãi) chứa này nằm gần các nơi có gia nhiệt, hoặc các nơi có nhiều người, xe cộ đi lại;
- Sự cố về điện cũng có khả năng gây ra cháy nổ.

e) Đánh giá, dự báo các tác động do sự cố tai nạn giao thông trong và ngoài phạm vi công trường

Hoạt động thi công trên công trường có thể gây tai nạn giao thông khi gia tăng các phương tiện xe máy, ô tô, đặc biệt là các xe có tải trọng lớn ra vào công trình. Tai nạn giao thông có thể xảy ra tại khu vực xung quanh công trường, trong công trường,... Khi xảy ra để lại hậu quả nặng nề cho gia đình và xã hội.

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm ở tất cả các hạng mục của Dự án đã trình bày tại Chương I. Tuy nhiên, các biện pháp cam kết nêu trong hồ sơ báo cáo ĐTM này chủ yếu do các Nhà thầu thi công trực tiếp thực thi. Để đảm bảo các Nhà thầu sẽ thực thi đầy đủ các biện pháp BVMT trong quá trình thi công, Chủ dự án sẽ đưa các nội dung về BVMT theo báo cáo ĐTM này Hồ sơ mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Ngoài ra, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp về tài chính, kỹ thuật,... để đảm bảo và ràng buộc trách nhiệm của các Nhà thầu thi công thực hiện BVMT đã cam kết trong quá trình thi công. Các biện pháp BVMT cụ thể trong giai đoạn này được cam kết cụ thể như sau:

3.1.2.1. Các biện pháp, công trình BVMT đề xuất thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án

a) Các biện pháp thực hiện trong giai đoạn đền bù, GPMB

- Chủ dự án sẽ lắng nghe, phối hợp cùng với chính quyền địa phương, các cơ quan có liên quan để giải quyết thấu đáo, đúng quy định của pháp luật mọi thắc mắc, ý kiến của dân cư trong vấn đề đền bù và GPMB.

- Chủ dự án sẽ kịp thời báo cáo với các cơ quan chức năng về những nguy cơ xảy ra xung đột, các tổ chức cá nhân có các hành vi kích động, xúi giục dân cư biểu tình, gây rối trật tự an toàn xã hội trong quá trình thực hiện dự án.

- Chủ dự án sẽ đề nghị các nhà thầu thi công tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc trong quá trình thi công dự án và sẽ coi yếu tố khi các nhà thầu sử dụng lao động địa phương là một trong những điểm cộng khi lựa chọn nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng.

b) Các biện pháp thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị thi công, thu gom mặt bằng

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

- Chủ dự án sẽ xây dựng hàng rào bao quanh khu đất (10,5ha) dưới dạng thoáng lưới thép mạ kẽm bọc nhựa cao 2-3m. Móng hàng rào bằng bê tông M200 đá 1×2 kích thước B×L×H = 50×50×80cm, lót móng bằng bê tông M100 đá 4×6 dày 10cm, trụ bằng ống thép mạ kẽm D60 δ2mm, khoảng cách 3m/trụ.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ VSMT để thu gom, vận chuyển rác từ quá trình thu dọn mặt bằng đến khu xử lý rác thải chung để xử lý theo quy định. Chủ dự án, các nhà thầu cam kết không đốt lá cây, cành cây và rễ cây, xác thực vật,... dưới bất cứ hình thức nào. Tận dụng chất thải từ quá trình phá dỡ các công trình để san nền các khu không yêu cầu cao về chất lượng vật liệu san lấp.

- Chủ dự án cam kết trong quá trình thu dọn thảm thực vật sẽ không sử dụng bất cứ các loại chất hóa học, chất diệt cây - cỏ,... thuộc loại cấm - không được phép sử dụng để phun lên bề mặt, hủy diệt thảm thực vật.

- Trước khi dự án khởi công xây dựng dự án, Chủ dự án công bố công khai các nội dung sau:

+ Chương trình QLMT của dự án.

+ Phạm vi, quy mô công trình và tính chất của công trình.

+ Tiến độ thi công xây dựng: Cụ thể về thời gian khởi công và dự kiến thời gian kết thúc công việc.

+ Các thông tin về Chủ đầu tư, các nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn thiết kế và nhà thầu giám sát thi công: Địa chỉ, số điện thoại của người chịu trách nhiệm chính.

- Hình thức công bố công khai như sau: Tại khu vực triển khai xây dựng Dự án: Công bố bằng tấm Pano 3×4m, cao khoảng 5m từ mặt đất, công bố tại khu đất dự án.

- Cử người đại diện để phối hợp với chính quyền địa phương, công an địa phương, các đoàn thể và các khu dân cư khu vực xung quanh, tiếp thu các ý kiến phản ánh từ cộng đồng dân cư, cơ quan xung quanh. Yêu cầu các Nhà thầu thi công phải liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, tổ dân phố, cơ quan công an để tiếp nhận các phản ánh về công tác BVMT khi triển khai dự án, kịp thời giải quyết các thắc mắc đó. Chủ dự án hoặc Nhà thầu thi công (nếu được Chủ dự án ủy quyền) sẽ thông báo bằng văn bản cho cộng đồng dân cư xung quanh (gửi đến tổ trưởng tổ dân phố), các cơ quan, tổ chức về kế hoạch thi công, đặc biệt là các công việc phát sinh tiếng ồn, bụi, khói để dân cư có kế hoạch trong sinh hoạt hàng ngày.

- Chủ dự án yêu cầu các nhà thầu thi công bố trí hợp lý các phương tiện máy móc thi công nhằm đáp ứng tiến độ thi công công trình. Nhà thầu thi công sẽ di dời các phương tiện máy móc không sử dụng ra khỏi công trường trong thời gian dài để tạo mặt bằng thi công. Đồng thời tập kết các phương tiện thi công đúng nơi quy định trong hàng rào công trường, không tập kết ngoài đường và các khu vực công cộng. Cử người trông coi và bảo vệ tài sản.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Chủ dự án yêu cầu và chỉ thuê các nhà thầu cung cấp, vận chuyển VLXD có đầy đủ năng lực hoạt động cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm định, BVMT, an toàn lao động.

3.1.2.2. Các biện pháp, công trình BVMT đề xuất thực hiện trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

(i). Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công san nền và vận chuyển đất san nền dư thừa đi đổ thải

- Chủ dự án yêu cầu các nhà thầu vận chuyển đất san nền dư thừa phải rửa sạch phương tiện xe cộ vận chuyển trước khi ra khỏi khu vực công trường cũng như khu vực công trường thi công xây dựng hạ tầng khu dân cư để đảm bảo không gây ô nhiễm bụi, đất đá vương vãi ra đường giao thông trong quá trình vận chuyển.

- Chủ dự án yêu cầu và sẽ thường xuyên giám sát các nhà thầu vận chuyển đất san nền, nguyên vật liệu xây dựng phải chở đúng tải trọng của xe, tải trọng của đường vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải được che phủ kín theo quy định.

- Căn cứ vào tuyến đường vận chuyển đổ bỏ đất thải từ công trường ra bãi thải và tuyến đường vận chuyển đất san nền từ mỏ khai thác về công trường, khung giờ vận chuyển đổ bỏ đất đá thải và đất san lấp về công trường như sau:

+ Giờ vận chuyển buổi sáng: Không vận chuyển trong giờ cao điểm từ 7h00 đến 8h30 hàng ngày.

+ Giờ vận chuyển buổi chiều: Không vận chuyển trong giờ cao điểm từ 16h30 đến 18h00 hàng ngày.

- Do đất san nền có hạt nhỏ nên Chủ dự án yêu cầu các nhà thầu vận chuyển sẽ sử dụng thùng ben kín, đảm bảo không rơi vãi trong quá trình vận chuyển. Trước khi xe vận chuyển đất ra vào khỏi khu vực khai thác, các nhà thầu vận chuyển sẽ tiến hành phun ẩm toàn bộ lớp bề mặt của xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi trong quá trình vận chuyển.

- Ngay khi tự phát hiện ra có hiện tượng đất đá bị rơi vãi từ phương tiện vận chuyển xuống đường, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thi công cắt cử người thu dọn phần đất đá rơi vãi đó, hoàn trả lại mặt đường nguyên trạng ban đầu. Chủ dự án sẽ có trách nhiệm giám sát công tác thu dọn của các đơn vị thi công, có các biện pháp, chế tài xử lý nếu các đơn vị thi công không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc.

- Các biện pháp giảm thiểu bụi cũng như ô nhiễm môi trường khác đối với khu vực nghĩa trang giữ lại:

+ Xung quanh các khu vực này đều được quy hoạch là đất trồng cây xanh cách ly nên ngay trong quá trình thi công san nền ban đầu, bùn nạo vét kênh mương và đất hữu cơ bề mặt đã được đổ tại đây đạt cote thiết kế. Ngay sau khi

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

hoàn thiện đồ đất, chủ dự án sẽ tiến hành trồng cây xanh tại khu vực này để giảm thiểu bụi và ô nhiễm đến các khu vực nghĩa trang này. Chủ dự án sẽ lựa chọn các có thân gốc lớn, khả năng phát triển nhanh thay vì trồng các cây bé.

+ Tăng tần suất tưới ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi tại khu vực xung quanh nghĩa trang và đài tưởng niệm.

+ Ưu tiên thi công trước các tuyến cống thoát nước trong và xung quanh các khu vực nghĩa trang, để đảm bảo tiêu thoát nước trong quá trình san nền, thi công xây dựng;

+ Vận động dân cư để chia xẻ, được thông cảm các tác động môi trường tạm thời trong quá trình thi công dự án.

- Chủ dự án sẽ công bố 01 đường dây nóng cho nhân dân, chính quyền địa phương tại khu vực tuyến đường vận chuyển để kịp thời tiếp nhận các thông tin rơi vãi đất đá san nền. Ngay sau khi nhận được thông tin, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thi công cắt cử người thu dọn phần đất đá rơi vãi đó, hoàn trả lại mặt đường nguyên trạng ban đầu. Chủ dự án sẽ có trách nhiệm giám sát công tác thu dọn của các đơn vị thi công, có các biện pháp, chế tài xử lý nếu các đơn vị thi công không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc.

➤ **Tại công trường**

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công tổ chức tưới ẩm các tuyến đường nội bộ trong khu vực san nền với tần suất 1-2 h/lần để giảm sự phát tán bụi (tần suất tùy thuộc vào mùa: Mùa khô từ tháng 10 đến hết tháng 4 hàng năm: tối thiểu 1 lần/h, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm: tối thiểu 2 h/lần). Trên công trường sẽ luôn được bố trí 02 xe phun nước, công suất 5,0 m³/xe để có thể hoạt động liên tục, đảm bảo không phát sinh bụi.

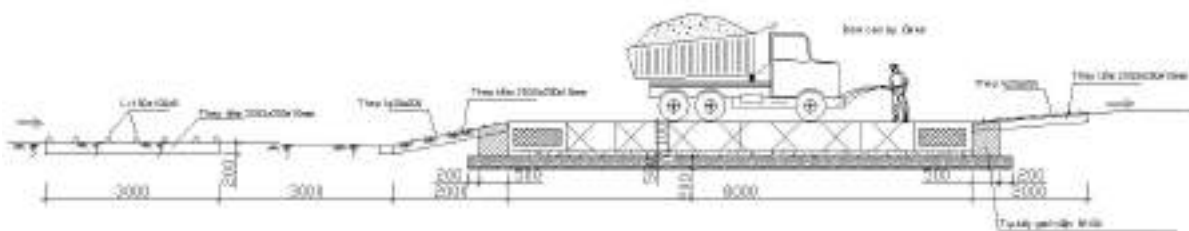
- Các phương tiện vận chuyển đất san nền ra vào công trường sẽ hoạt động với vận tốc thấp (< 15km/h), tránh tăng giảm ga đột xuất làm phát sinh bụi.

- Bịt kín buồng lái đối với các máy xúc, máy ủi làm việc trên công trường thi công san nền.

- Xe vận chuyển đất san nền trước khi đi ra khỏi khu vực công trường sẽ được rửa sạch đất, cát,... ở lốp, bánh và gầm bộ bám xung quanh, tránh phát tán bụi trên các tuyến đường vận chuyển. Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công đầu tư xây dựng 1 trạm rửa xe tại 1 cổng công trường kết hợp hố lắng có thể tích 12m³. Cấu tạo trạm rửa xe tại công trường như sau:

Hình 30. Sơ bộ trạm rửa xe tại công trường xây dựng

Hình 30. Sơ bộ trạm rửa xe tại công trường xây dựng



Trong trường hợp phát hiện ra các xe vận chuyển đất đá san nền, vận chuyển VLXD gây rơi vãi trong quá trình vận chuyển ra đường Tuyến đường tiếp giáp cũng như các tuyến đường xung quanh: Chủ dự án ngay lập tức sẽ thực hiện, hoặc yêu cầu các nhà thầu thi công thực hiện thu dọn, phun rửa và hoàn trả hiện trạng các tuyến đường sạch sẽ, tuyệt đối không để ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông và gây ô nhiễm môi trường.

- Chủ dự án cùng với các nhà thầu thi công lập kế hoạch xây dựng và phân công nhân lực hợp lý để tránh chồng chéo giữa các quy trình thực hiện, áp dụng phương pháp xây dựng hiện đại, các phương tiện thi công tiên tiến, cơ giới hoá và tối ưu hoá quy trình xây dựng.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Các tài liệu về máy móc thiết bị xây dựng được cung cấp đầy đủ, các thông số kỹ thuật được kiểm tra thường xuyên, lắp đặt các đèn báo cháy, đèn tín hiệu và các biển báo cần thiết khác.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm.

- Bãi chứa vật liệu tạm thời (nếu có) là cát hoặc phế thải có thể tích $> 20 \text{ m}^3$ sẽ được vây bằng vải bạt theo ít nhất 3 phía. Bố trí các bãi này cách các tuyến đường thoát nước tạm thời tối thiểu là 200m. Các bãi này sẽ được bố trí tạm tại khu vực xây dựng 2 bãi đỗ xe trong phạm vi dự án.

- Khi bốc xếp VLXD, công nhân sẽ được trang bị BHLĐ cá nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khỏe, Chủ dự án và các nhà thầu sẽ thường xuyên giám sát công tác này.

- Giáo dục ý thức BVMT cho công nhân và người quản lý lao động trên công trường. Cho họ thấy được lợi ích trong việc BVMT lao động trong sạch gắn liền với bảo vệ sức khỏe của chính mình và cộng đồng.

- Xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm qui định.

- Tại cổng ra vào công trường số 1 sẽ tiếp tục duy trì 01 trạm xịt rửa bánh, gầm xe (trạm này đã được xây dựng từ giai đoạn san nền), đảm bảo xe sạch sẽ khi ra khỏi công trường, không gây ô nhiễm bụi bẩn trên đường hoạt động. Tại trạm rửa xe này đều bố trí 01 hố ga lắng đất cát để lắng toàn bộ hố ga, đất cát trước khi tái sử dụng cho hoạt động rửa xe tiếp theo hoặc phun ẩm giảm thiểu bụi trên bề mặt công trường thi công.

- Biện pháp giảm thiểu khi thi công làm sạch bề mặt đường trước khi rải nhựa đường như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ quá trình làm sạch mặt đường trước khi đổ bê tông nhựa asphalt cụ thể như sau:

+ Tưới nước mặt đường

* Mục đích: Giảm bụi bốc lên trong quá trình thi công.

* Cách thực hiện: Sử dụng xe bồn hoặc vòi tưới để phun nước đều lên toàn bộ bề mặt trước khi rải nhựa (Lưu ý: Không tưới quá nhiều gây đọng nước, chỉ cần đủ ẩm để hạn chế bụi).

+ Vệ sinh mặt đường bằng máy hút bụi

* Dùng máy quét hút bụi chuyên dụng để loại bỏ bụi, đất cát và tạp chất trên bề mặt.

* Hiệu quả: Làm sạch hiệu quả hơn phương pháp thủ công, hạn chế tối đa bụi bẩn còn sót.

+ Dọn sạch thủ công: Dùng chổi sắt hoặc chổi đẩy, kết hợp với máy thổi khí (blower) để làm sạch các khu vực không thể tiếp cận bằng máy lớn.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Che chắn và hạn chế phương tiện di chuyển

* Che chắn khu vực thi công bằng bạt hoặc rào chắn để tránh bụi lan rộng.

* Hạn chế xe cộ qua lại trước khi thi công để giữ mặt đường sạch.

+ Thi công vào thời điểm ít gió: Chọn thời điểm trong ngày ít gió để thi công giúp giảm phát tán bụi.

b). Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

(i). Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong giai đoạn san nền

➤ **Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt**

Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu sẽ xây dựng và lắp đặt 3 cụm nhà vệ sinh lưu động (mỗi cụm nhà bố trí tối thiểu 3 buồng vệ sinh cho nam; 03 buồng vệ sinh cho nữ), diện tích khoảng 20m²/nhà trên phạm vi công trường thi công. Nhà vệ sinh lưu động có thể tích bể phốt chứa phân bùn là 5,0 m³/bể dưới hình thức thuê của đơn vị dịch vụ VSMT. Khi bể phốt đầy 5,0 m³ sẽ thuê 01 xe hút có dung tích tương đương đến hút và xử lý theo quy định. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, các nhà vệ sinh công cộng này sẽ được đơn vị dịch vụ VSMT dỡ bỏ và sử dụng trong công trình khác.

➤ **Biện pháp thoát nước mưa**

- Dự án sẽ tổ chức san nền theo hình thức cuối chiếu, tuân thủ đúng quy hoạch và phương án san nền được duyệt về cao độ, hướng dốc.

- Đào các hệ thống thoát nước và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa tạm thời trên công trường thi công san nền. Các tuyến thoát nước mưa tạm thời này sẽ đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình khai thác. Trong giai đoạn mùa mưa lũ sẽ không tổ chức thi công san nền. Các hướng tiêu thoát sẽ hướng về kênh Hải Vân theo quy hoạch.

- Các biện pháp đảm bảo không gây úng ngập trong quá trình thi công san nền đối với diện tích ao, hồ như sau:

+ Đối với các diện tích ao hồ, kênh mương trước khi tiến hành nạo vét bùn, san nền sẽ được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu hướng về kênh tiêu hiện trạng

+ Trước khi nạo vét sẽ bơm hút nước ra thoát ra kênh bằng máy bơm lưu động → Nạo vét bùn → San lấp. Bùn thải được dồn đổ vào khu vực trồng cây xanh (khu vực này không san lấp mặt bằng) bên dưới, đổ đất hữu cơ bề mặt bốc lên trên. Trên thực tế thì trước khi thu hồi đất, các chủ ao sẽ tát ao, thu hồi thủy sản vật nuôi nên về cơ bản, nước trong các ao là không còn.

- Các biện pháp đảm bảo thoát nước, không gây úng ngập cho khu nghĩa trang giữ nguyên trạng cụ thể như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Đảm bảo thi công xây dựng hệ thống thoát nước tại khu vực này trước khi tiến hành san nền (đổ đất để trồng cây), đấu nối với hệ thống thoát nước của khu vực hoặc hệ thống thoát nước tạm trên công trường để đảm bảo tiêu thoát nước, không gây ngập úng.

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra, khơi thông dòng chảy đối với các tuyến cống thoát nước này để đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tình trạng ngập úng đối với khu vực này trong giai đoạn thi công xây dựng để nhanh chóng khắc phục, hoặc bổ sung các biện pháp thoát nước vào thiết kế của dự án (nếu cần) với mục đích các khu vực này không bị úng ngập lâu dài trong mọi trường hợp.

➤ **Biện pháp thoát nước thải xây dựng**

- Theo tính toán tại Chương III thì cần rửa lượt xe ra, tổng cộng là 23 lượt xe/ngày, Lượng nước sạch sử dụng bằng lượng nước thải phát sinh là: $23 \text{ xe} \times 300 \text{ lít/xe/lượt} = 6,9 \text{ m}^3/\text{h}$, nước từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công là 3m^3 .

- Nước thải từ các hoạt động rửa xe và nguyên vật liệu thi công trên công trường sẽ được đưa vào bể lắng cặn đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước. Kích thước của hồ ga lắng bùn tại khu vực cầu rửa xe là: $1 \text{ hồ} \times 12 \text{ m}^3/\text{h}$ (KT: $4 \times 3 \times 1 \text{ m}$), đảm bảo lưu nước từ quá trình rửa xe khoảng 2-3h. Định kỳ 1 ngày tổ chức nạo vét bể lắng tối thiểu 1 lần; nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước tối thiểu là 1 ngày/lần. Tại các hồ ga này có lưới lọc dầu mỡ. Nước từ hoạt động thi công xây dựng sẽ được tái sử dụng cho các hoạt động rửa xe tiếp theo và phun ẩm trên bề mặt công trường để giảm thiểu bụi.

(ii) *Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong giai đoạn thi công xây dựng HTKT và các công trình dân dụng*

➤ **Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt**

- Trong giai đoạn thi công: Chủ dự án tiếp tục sử dụng 03 cụm nhà vệ sinh để đảm bảo phục vụ 60 cán bộ công nhân làm việc trên công trường.

- Các nhà thầu thường xuyên sẽ cắt cử người để kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải, thoát nước mưa với định kỳ trung bình 5 ngày/lần vào mùa khô (vào các tháng 1+2+3+4+10+11+12) và 01 ngày lần vào mùa mưa (vào các tháng 5+6+7+8+9).

- Phân bùn bể phốt từ các cụm WC sẽ do đơn vị dịch vụ đầy đủ chức năng hút, thu gom và xử lý theo định, phụ thuộc vào mức độ sử dụng và phải đảm bảo được hút ngay sau khi đầy, không để nước thải từ bể chứa nước tiêu, phân tràn ra bên ngoài. Chủ dự án, các nhà thầu thi công sẽ lựa chọn đơn vị dịch vụ VSMT có đủ chức năng để ký hợp đồng thu gom và xử lý phân bùn, nước thải từ các nhà vệ sinh.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Chu kỳ hút phân bùn tại các nhà WC lưu động được tính toán như sau:

+ Bể chứa nước tiểu, phân bùn: $5 \text{ m}^3/1 \text{ WC}$

+ Mỗi nhà phục vụ 15-20 người

+ Nhu cầu sử dụng nước trên công trường: 40 lít/người/ngày, trong đó khoảng 20% sử dụng có thải xuống bể chứa nước tiểu, phân: 8 lít/người/ngày

- Nước thải xuống bể chứa 1 ngày: $8 \times 60 = 480 \text{ l/ngày}$ thi công

⇒ Tần suất hút nước tiểu, phân bùn: $5.000 / 480 = 11$ ngày

- Chủ dự án và các nhà thầu cam kết sẽ không xả nước thải từ các nhà WC ra hệ thống cống thoát tạm trên công trường cũng như các khu vực khác.

- Sau khi kết thúc xây dựng, Chủ dự án hoặc các đơn vị thi công sẽ tiến hành hút phân bùn bể phốt, tháo dỡ các cụm WC này và hoàn trả mặt bằng tại các vị trí lắp đặt tạm WC.

➤ **Đối với nước mưa và nước thải thi công**

Biện pháp quản lý nước thải thi công

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa tại công trường thi công. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài công trường.

- Nước thải từ hoạt động thi công sẽ được chảy qua hố ga lắng bùn, cát chung với hố ga rửa xe trước khi tái sử dụng cho hoạt động rửa xe tiếp theo hoặc tưới ẩm bề mặt công trường. Định kỳ trung bình 1 ngày sẽ tiến hành nạo vét các hố ga 1 lần hoặc nhiều lần hơn (tùy thuộc vào mức độ bẩn của các xe, nhằm đảm bảo lắng toàn bộ đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải từ máy móc, thiết bị thi công được xử lý như sau: Dẫn vào hố ga chung về hố ga lắng rửa xe để lắng nước thải từ quá trình thi công, sau đó được tái sử dụng cho các hoạt động phun ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi.

Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần (khoảng cách dưới 100m) hoặc cạnh các tuyến thoát nước mưa để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước mưa, gây tắc nghẽn và úng ngập cục bộ.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước mưa. Tần suất như sau:

+ Mùa khô: 03 ngày/lần (các tháng 1+2+3+4+10+11+12).

+ Mùa mưa: 01 ngày/lần (các tháng 5+6+7+8+9)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

c) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm do phế thải xây dựng và CTRSH trong giai đoạn thi công xây dựng

(i). Chất thải từ quá trình giải phóng và dọn dẹp mặt bằng

Sinh khối phát sinh từ hoạt động giải phóng và dọn dẹp mặt bằng chủ yếu là thân cây cỏ, cây bụi sẽ được Chủ dự án/Nhà thầu thu gom, chuyển giao cho cá nhân, tổ chức đủ năng lực để xử lý theo quy định. Khối lượng bê tông từ hoạt động phá dỡ kênh mương và tuyến đường bê tông sẽ tận dụng cho hoạt động san nền các khu vực không yêu cầu cao về độ đầm chặt như khu vực bãi đỗ xe và khe kỹ thuật sau khi nghiền nhỏ thủ công, cam kết không đổ thải ra ngoài môi trường.

(ii) Biện pháp quản lý và xử lý phế thải xây dựng

- Phế thải xây dựng từ hoạt động thi công chủ yếu là gạch, gạch vỡ,... sẽ được tập kết trong các thùng container có dung tích 4m³. Các ben chứa này được đặt trong phạm vi của 2 bãi đỗ xe do đây là khu vực xây dựng bãi đỗ xe nên thường được đầu tư xây dựng sau khi giao hết đất đất giá cho dân cư và trên đó không có công trình xây dựng.

- Định kỳ 2-3 ngày (theo tính toán khối lượng phế thải xây dựng phát sinh), các xe vận chuyển sẽ đến vận chuyển đổ bỏ phế thải xây dựng theo quy định theo hình thức là thay thế các thùng ben chứa rỗng, mang thùng ben đầy phế thải đi đổ bỏ.

Thông số kỹ thuật của thùng ben chứa phế thải xây dựng như sau:

Bảng 54. Quy cách của container chứa phế thải xây dựng

TT	Nội dung	Thông số	Đơn vị
1	Dài	2.730	mm
2	Rộng	1.530	mm
3	Cao	900	mm
4	Độ dày tấm trước	3,2	mm
5	Độ dày thành bên	2,3	mm
6	Dung tích chứa rác	4	m ²
7	Tải trọng	2	tấn
8	Đường kính bánh xe	200	mm
9	Chất liệu	Thép CT3, hoặc thép có cùng cường độ với CT3	
10	Xuất xứ	Việt Nam	

Tổng cộng tại công trường có 4 thùng ben chứa phế thải xây dựng có thông số kỹ thuật như đã nêu tại bảng trên, mỗi bãi chứa có 2 thùng ben (2 bãi chứa) phía Bắc dự án và phía Nam dự án.

(iii). Biện pháp xử lý CTRSH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, các nhà thầu không tổ chức ăn ở cho công nhân trên công trường nên vị trí đặt các thùng chứa CTRSH cạnh các khu vực văn phòng chỉ huy tạm công trường.

- Trên công trường sẽ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, bố trí 6 thùng chứa CTRSH loại 100 lít/thùng, cụ thể:

+ 02 thùng để chứa chất thải hữu cơ: Chất thải loại này sẽ được tận dụng cho hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong phạm vi hoặc chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức chăn nuôi, hoặc ủ phân xanh cho hoạt động trồng trọt.

+ 02 thùng chứa chất thải có thể tái chế: Lưu giữ CTR có thể tái chế, tái sử dụng từ hoạt động thi công tại kho chứa, sau đó chuyển giao cho cá nhân, tổ chức có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định.

+ 02 thùng chứa chất thải khác: Lưu giữ tại kho chứa, sau đó chuyển giao cho cá nhân, tổ chức có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Các thùng chứa có nắp đậy, bánh xe để dễ dàng di chuyển, hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Kho tạm chứa CTRSH trên công trường có diện tích sử dụng khoảng 5m², mái che tôn, xung quanh quây lưới B40, có cửa ra vào, nền xi măng cao hơn khu vực xung quanh 30cm và các yêu cầu khác về kho lưu giữ CTRSH, biển báo hiệu.

(iv). Biện pháp xử lý CTRTT phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí kho tạm chứa CTRTT trên công trường có diện tích sử dụng khoảng 10m², mái che tôn, xung quanh quây lưới B40, có cửa ra vào, nền xi măng cao hơn khu vực xung quanh 30cm, biển báo và các yêu cầu khác về kho lưu giữ CTRTT.

- Vị trí kho chứa: Xây dựng tạm tại khu vực trạm XLNT tập trung. Kho chứa tạm này có thể được hoàn thiện thêm để tiếp tục sử dụng trong giai đoạn vận hành sau này mà không cần phải xây dựng kho mới (vẫn đảm bảo mái che bằng tôn, cột kèo bằng sắt, nền đổ bê tông cao hơn khu vực xung quanh 30cm, xây dựng thêm tường bao kín xung quanh thay vì quây lưới B40 trong giai đoạn thi công xây dựng,...).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để chuyển giao, xử lý CTRTT theo quy định. Tần suất thu gom phụ thuộc vào lượng CTRTT phát sinh và luôn đảm bảo mọi CTRTT phát sinh đều được lưu giữ trong kho chứa.

d) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm do CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng

- Các loại CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Phương án thi công sơ bộ của các nhà thầu không đề cập đến việc bảo dưỡng thay thế dầu mỡ cho thiết bị máy móc nhưng một số công đoạn khác có thể phát sinh dầu mỡ thải. Vì vậy, sẽ trang bị khoảng 2 thùng đựng dầu mỡ loại 100 lít/thùng tại công trường.

- Về thùng chứa CTNH: Trang bị 10 thùng loại 50 lít/thùng để chứa CTNH tại công trường tương ứng với 08 loại CTNH chủ yếu phát sinh được dự báo tại Chương III và 02 thùng để dự phòng trong trường hợp phát sinh thêm CTNH từ công trường có mã số khác, đảm bảo các loại CTNH được lưu giữ riêng biệt theo quy định.

- Bố trí kho tạm chứa CTNH rên công trường có diện tích sử dụng khoảng 10m², mái che tôn, xung quanh quây lưới B40, có cửa ra vào, nền xi măng cao hơn khu vực xung quanh 30cm, xung quanh xây dựng gờ chắn cao khoảng 10cm để tránh CTNH tràn ra ngoài khi có sự cố, biển báo kho chứa CTNH, bể cát và thiết bị PCCC và các yêu cầu khác về kho lưu giữ CTNH.

- Vị trí kho chứa: Xây dựng tạm tại khu vực trạm XLNT tập trung. Kho chứa tạm này có thể được hoàn thiện thêm để tiếp tục sử dụng trong giai đoạn vận hành sau này mà không cần phải xây dựng kho mới (vẫn đảm bảo mái che bằng tôn, cột kèo bằng sắt, nền đổ bê tông cao hơn khu vực xung quanh 30cm, xây dựng thêm tường bao kín xung quanh thay vì quây lưới B40 trong giai đoạn thi công xây dựng,...).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để chuyển giao, xử lý CTNH theo quy định. Tàn suất thu gom phụ thuộc vào lượng CTNH phát sinh và luôn đảm bảo mọi CTNH phát sinh đều được lưu giữ trong kho chứa từng từng loại riêng biệt, đồng thời thường xuyên tổ chức giám sát các đơn vị được thuê xử lý CTNH trong quá trình xử lý CTNH từ công trường.

e) Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong giai đoạn thi công xây dựng

- Công tác thi công mà gây tiếng ồn lớn sẽ không tiến hành trong giờ nghỉ, cụ thể như sau: Giờ nghỉ trưa: Từ 11h30 đến 13h30 và giờ nghỉ đêm: Từ 22h00 đến 6h30 sáng hôm sau.

- Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công. Đồng thời các phương tiện máy móc thi công phải có giấy phép lưu hành của cơ quan kiểm định.

- Công nhân thi công sẽ được trang bị các thiết bị hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành. Tiêu chuẩn tiếng ồn trong khu vực sản xuất/thi công của Bộ Y tế là 90 dBA cho 4h tiếp xúc và 85dBA cho 8h tiếp xúc.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

- Lập kế hoạch thi công hợp lý để đạt mức độ ồn theo tiêu chuẩn cho phép. Không đề cùng một lúc trên công trường nhiều thiết bị, máy móc thi công có gây độ ồn cùng một thời điểm để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

- Lập trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải hạng nặng, cũng như các thiết bị xây dựng gây ồn (máy đào, máy xúc, máy đóng cọc, xe lu...).

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp đặt các bộ phận tắt chấn động lực.

- Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý là việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc.

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đệm đàn hồi cao su.

f) Các biện pháp giảm thiểu rung động trong giai đoạn thi công xây dựng

Chống rung tại nguồn (chống rung chủ động) là những biện pháp nhằm giảm rung động ngay tại nơi phát sinh trước khi lan truyền sang các chi tiết khác trong máy và biện pháp này được áp dụng chủ yếu đối với trường hợp rung động là các kích động lực điều hòa hoặc tuần hoàn. Chống rung chủ động là những biện pháp chống rung triệt để và tích cực, nhưng đồng thời cũng là biện pháp gặp nhiều khó khăn nhất do tính chất phức tạp, đa dạng của máy móc thiết bị về kết cấu cũng như về công dụng. Vì vậy, cho tới nay cũng chưa có một phương pháp chung, tổng quát cho vấn đề này. Tuy nhiên, dựa vào kinh nghiệm và trên cơ sở thực tế của từng loại thiết bị máy móc cụ thể người ta có thể giải quyết chống rung chủ động bằng những biện pháp như:

- Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại; thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí; thay đổi chế độ tải làm việc,...

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực,...

Chống rung trên đường truyền (chống rung thụ động) để giảm tác động của rung động đối với con người và môi trường. Các biện pháp được áp dụng gồm:

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bộ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế; hoặc có loại được lắp cố định trên máy và được xem như là một bộ phận hoặc chi tiết của máy: ghế lái giảm rung, tay nắm cách rung; có loại lại luôn luôn độc lập và nằm ngoài máy như sàn cách rung, tay kẹp giảm rung,...

- Sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung,... mà cơ sở của những biện pháp này được dựa trên nguyên tắc làm suy giảm năng lượng rung trong quá trình lan truyền và sao cho rung động khi truyền tới cơ thể con người cũng như môi trường xung quanh là ở mức cho phép. Trong quá trình xây dựng, đối với những hạng mục công trình nằm cạnh công trình khác sẽ có các biện pháp đào hào, đổ cát xung quanh khu vực đóng cọc để hạn chế sự lan truyền chấn động.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Không tổ chức vận chuyển đất đá san nền, VLXD về công trường trong các khung giờ cao điểm và giờ nghỉ của nhân dân, cụ thể không hoạt động trong các khung giờ sau: Trưa từ 11h30 đến 13h30, tối từ 22h30 đến 6h30 ngày hôm sau.

g) Công tác đảm bảo an toàn giao thông trong giai đoạn thi công xây dựng

(i) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi công trường và xung quanh

Chủ dự án sẽ phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương có liên quan để thực hiện các công việc sau:

- Không sử dụng các tuyến đường dân sinh, đường làng, ngõ xóm cho hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển vật liệu san nền cũng như nguyên VLXD.

- Tổ chức cấm biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường ...

- Không để các máy móc, thiết bị, vật liệu lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, phạm vi an toàn của các đường giao thông xung quanh.

- Bố trí người hướng dẫn giao thông ở cổng công trường và các đường giao thông có liên quan để tổ chức, sắp xếp và hướng dẫn giao thông;

- Nhân viên điều chỉnh giao thông phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ, nắm được luật lệ giao thông và khi làm nhiệm vụ phải có đầy đủ còi, cờ, phù hiệu thống nhất như điều lệ báo hiệu đường bộ đã quy định.

- Đảm bảo các phương tiện trước khi ra khỏi công trường phải được làm sạch bánh xe, gầm xe và các vị trí khác nếu bám đất cát, bụi bẩn để đảm bảo các phương tiện này không được gây ô nhiễm bụi, ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Đảm bảo không chiếm dụng lòng đường, vỉa hè để tập kết phương tiện máy móc thi công, vật liệu thi công xây dựng,... ảnh hưởng đến tầm nhìn, hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Đảm bảo không để đất đá, bùn bả, ... tràn xuống lòng đường giao thông, hoặc nếu bị sự cố phải tiến hành thu dọn khẩn trương, đảm bảo an toàn cho các phương tiện giao thông hoạt động.

(ii) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông ngoài công trường

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công, nhà thầu vận chuyển VLXD cho công trường phải tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông đường bộ;

- Chủ dự án sẽ chỉ ký hợp đồng với các nhà thầu đảm bảo phương tiện vận chuyển có thùng chuyên chở kín, không được để rơi vãi ra đường, trong trường hợp làm rơi vãi ra đường sẽ tiến hành dọn sạch ngay.

- Chủ dự án sẽ cùng với các nhà thầu thi công công bố số điện thoại liên lạc của Đơn vị để kịp thời tiếp nhận mọi thông tin về việc rơi vãi nguyên vật liệu trên

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

đường chuyên chở và sẽ xử lý ngay nhằm hoàn trả mặt đường, tránh tối đa ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông khác và sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu tuyên truyền, nhắc nhở, quy định lái xe ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ, đồng thời, có các biện pháp khen thưởng - kỷ luật đối với lái xe vi phạm luật giao thông đường bộ.

- Thời gian không vận chuyển đất đá san nền và vận chuyển VLXD về công trường như sau để đảm bảo an toàn giao thông:

+ Buổi sáng: Không vận chuyển trong giờ cao điểm từ 7h00 đến 8h30

+ Buổi chiều: Không vận chuyển trong giờ cao điểm từ 16h30 đến 18h00.

h) Các biện pháp đảm bảo an ninh tại công trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu quản lý công trường tốt, người ra vào công trường phải có thẻ để kiểm soát, yêu cầu các nhà thầu thi công quản lý chặt chẽ lao động. Thực hiện khai báo tạm trú tạm vắng với chính quyền địa phương để thực hiện quản lý tốt nhân khẩu.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu xây dựng và ban hành nội quy trên công trường.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu phổ biến quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với người dân xung quanh.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cờ bạc, nghiện hút và các tệ nạn xã hội khác trong đội ngũ công nhân lao động.

- Chủ dự án sẽ phân công lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

- Chủ dự án sẽ chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với công an địa phương để có biện pháp hạn chế và xử lý kịp thời các trường hợp có dấu hiệu vi phạm và các trường hợp vi phạm.

i) Các biện pháp giảm thiểu tác động khác

(i). Các biện pháp dọn dẹp mặt bằng sau khi kết thúc quá trình xây dựng

Sau khi kết thúc toàn bộ quá trình thi công xây dựng HTKT và các công trình xây dựng, Chủ dự án sẽ tổ chức dọn dẹp mặt bằng công trình và khu vực xung quanh dự án sạch sẽ, tạo bộ mặt khang trang cho đơn vị. Các công trình phục vụ cho quá trình thi công sẽ được phá dỡ bao gồm:

- Nhà chỉ huy công trường, kho chứa CTRTT, CTRTT và CTNH tạm tại công trường (trong trường hợp không tiếp tục sử dụng cho giai đoạn vận hành).

- Khu vực trạm rửa xe và các hố ga lắng đất cát.

- Khu vực lưu giữ CTRSH, phế thải xây dựng.

- 03 cụm WC lưu động và các bể chứa phân bùn.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Các hạng mục khác: Hệ thống cấp và thoát nước tạm

(ii) Các biện pháp giảm thiểu khác

- Trường hợp công trình xây dựng gây ô nhiễm môi trường khu vực lân cận, để vật tư, vật liệu và thiết bị thi công gây cản trở giao thông công cộng thì phải ngừng thi công xây dựng; Chủ dự án, nhà thầu thi công xây dựng sẽ có biện pháp khắc phục hậu quả; việc thi công xây dựng sẽ chỉ tiếp tục khi chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và bảo đảm không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực lân cận.

- Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công quản lý chặt chẽ lao động.

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công sẽ khai báo tạm trú tạm vắng với địa phương để thực hiện quản lý tốt nhân khẩu.

- Phổ biến quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với người dân xung quanh.

- Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cờ bạc, nghiện hút trong đội ngũ công nhân.

- Chủ dự án kiến nghị và hỗ trợ địa phương tăng cường cán bộ quản lý an ninh, trật tự tại địa phương.

- Phân công lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công báo cáo các cơ quan chức năng nếu tìm thấy bất kỳ tài sản khảo sát hoặc tài sản văn hóa (tìm thấy tình cờ) trong lòng đất.

- Những biện pháp giảm thiểu sẽ được đưa vào những tài liệu chính thức cho các nhà thầu thi công và cuối cùng vào hợp đồng xây dựng, các tài liệu này sẽ là những yêu cầu bắt buộc cho các nhà thầu khi tiến hành thi công xây dựng.

- Đảm bảo trách nhiệm và nghĩa vụ của các nhà thầu xây dựng trong việc BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

l) Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của giai đoạn thi công xây dựng

(i). Sự cố trong công tác rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót

- Chủ dự án sẽ thuê các đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng hoặc quân sự tỉnh Thái Bình để tiến hành cho công tác này.

- Phối với các đơn vị này và chính quyền địa phương để đảm bảo công tác an toàn trong quá trình rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót.

- Khi xảy ra sự cố sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Tổ chức cứu chữa người.

+ Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấm người ra vào hiện trường.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

+ Phối hợp các với cơ quan chức năng trong việc khắc phục hậu quả.

(ii) *Các biện pháp giảm đảm bảo an toàn lao động trên công trường*

➤ **Yêu cầu chung đối với công trường xây dựng**

- Tổng mặt bằng công trường xây dựng phải được thiết kế và phê duyệt theo quy định, phù hợp với địa điểm xây dựng, diện tích mặt bằng công trường, điều kiện khí hậu tự nhiên nơi xây dựng, đảm bảo thuận lợi cho công tác thi công, an toàn cho người, máy và thiết bị trên công trường và khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng của thi công xây dựng.

- Vật tư, vật liệu phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đúng theo thiết kế tổng mặt bằng được phê duyệt. Không được để các vật tư, vật liệu và các chướng ngại vật cản trở đường giao thông, đường thoát hiểm, lối ra vào chữa cháy. Kho chứa vật liệu dễ cháy, nổ không được bố trí gần nơi thi công và lán trại. Vật liệu thải phải được dọn sạch, đổ đúng nơi quy định. Hệ thống thoát nước phải thường xuyên được thông thoát bảo đảm mặt bằng công trường luôn khô ráo.

- Trên công trường phải có biển báo theo quy định tại Điều 74 - Luật Xây dựng. Tại cổng chính ra vào phải có sơ đồ tổng mặt bằng công trường, treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường như đường hào, hố móng, hố ga phải có rào chắn, biển cảnh báo và hướng dẫn để phòng tai nạn; ban đêm phải có đèn tín hiệu.

➤ **Sự cố sụt lún công trình thủy lợi**

Sự cố sụt lún công trình thủy lợi: Thi công đúng thiết kế, phạm vi dự án; kiểm tra mức rung của các máy móc thiết bị (xe tải, máy lu, đầm...) và đưa ra phương pháp giảm rung phù hợp; phối hợp với đơn vị quản lý các công trình thủy lợi để theo dõi sụt lún, rạn nứt các công trình, khi xảy ra sụt lún mà nguyên nhân được xác định là do hoạt động của dự án thì tạm dừng thi công, có phương án khắc phục và đảm bảo điều kiện tiêu thoát nước khu vực, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan có thẩm quyền, cơ quan vận hành khai thác công trình thủy lợi. Trường hợp xảy ra sự cố sụt lún, nứt, đổ các công trình của người dân, Chủ dự án phối hợp với các bên liên quan tiến hành đánh giá mức độ thiệt hại, đền bù thỏa đáng cho người dân nếu thiệt hại gây ra được xác định là do hoạt động thi công của dự án.

Trong quá trình thi công, dự án có chiếm dụng tuyến kênh Rặng Dừa. Tuyến kênh theo quy hoạch là đất mặt nước cho khu vực dự án, khi thi công đảm bảo giữ nguyên hiện trạng và sẽ thi công kè đá học tuyến kênh đảm bảo không sụt lún, sạt lở, giữ nguyên mục đích sử dụng của tuyến kênh để tiêu thoát nước cho khu vực dân cư hiện trạng cũng như khu vực dự án khi đi vào hoạt động.

➤ **An toàn về điện**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng trên công trường phải riêng rẽ; có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực thi công;

- Người lao động, máy và thiết bị thi công trên công trường phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng

- Những người tham gia thi công xây dựng phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.

➤ **An toàn về cháy, nổ**

- Tổng thầu hoặc Nhà đầu tư (trường hợp không có tổng thầu) sẽ thành lập ban chỉ huy phòng chống cháy, nổ tại công trường, có quy chế hoạt động và phân công, phân cấp cụ thể;

- Phương án phòng chống cháy, nổ sẽ được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Nhà thầu sẽ tổ chức đội phòng chống cháy, nổ, có phân công, phân cấp và kèm theo quy chế hoạt động;

- Trên công trường sẽ bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy sẽ có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo khi xảy ra cháy kịp thời phát hiện để ứng phó.

➤ **Giải quyết sự cố nếu xảy ra tai nạn lao động**

Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố mất an toàn lao động hoặc do sự cố công trình phải được giải quyết như sau:

- Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố mất an toàn lao động gây ra:

+ Nhà thầu phải bằng mọi biện pháp sơ, cấp cứu người bị tai nạn lao động, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế để xử lý;

+ Nhà đầu tư, nhà thầu và các đơn vị có liên quan phải báo cáo kịp thời với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra theo quy định để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

+ Việc khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê, báo cáo; quy trình xử lý sự cố; giải quyết các chế độ khi xảy ra tai nạn lao động được thực hiện theo quy định hiện hành;

+ Sau khi lấy dấu hiện trường, được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và Nhà đầu tư, nhà thầu thực hiện việc dọn dẹp nơi xảy ra sự cố và tiếp tục thi công.

- Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố công trình xây dựng:

+ Nhà thầu phải bằng mọi biện pháp sơ, cấp cứu người bị tai nạn lao động, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế để xử lý;

+ Chủ dự án, nhà thầu và các đơn vị có liên quan phải báo cáo kịp thời với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra theo quy định để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Việc khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê, báo cáo; quy trình xử lý sự cố; giải quyết các chế độ khi xảy ra tai nạn lao động được thực hiện theo quy định hiện hành;

+ Sau khi lấy dấu hiện trường, được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu thực hiện việc dọn dẹp nơi xảy ra sự cố; đồng thời kiểm tra, đánh giá mức độ ổn định của công trình hoặc công việc đang thi công theo quy định, nếu đảm bảo an toàn thì báo cáo Chủ dự án cho phép tiếp tục thi công.

(iii) Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội và chống lây lan dịch bệnh trên công trường

➤ **Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên công trường**

Để đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên công trường, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các đơn vị thi công khai báo đầy đủ về tình hình công nhân tham gia thi công trên công trường, công tác tạm vắng, tạm trú cho chính quyền và công an địa phương.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công tổ chức quản lý công nhân chặt chẽ, tuân thủ pháp luật,...

- Tổ chức yêu cầu các công nhân xây dựng ký cam kết không tham gia vào các tệ nạn xã hội.

- Tổ chức giáo dục, tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến từng công nhân xây dựng.

➤ **Các biện pháp phòng chống lây lan dịch bệnh**

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các đơn vị thi công tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để phun phòng chống dịch bệnh tại khu vực công trường.

- Đảm bảo bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng cho công nhân, qua đó tăng cường sức khỏe cho công nhân xây dựng, hạn chế lây nhiễm dịch bệnh.

- Khi có hiện tượng dịch bệnh xảy ra tại khu vực công trường, đơn vị thi công và Nhà đầu tư sẽ nhanh chóng báo cáo cho các cơ quan chức năng và thực hiện theo đúng các yêu cầu về phòng chống, ứng cứu khi xảy ra sự cố dịch bệnh.

(iv) Các biện pháp khác

- Lắp đặt thiết bị chữa cháy theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm (TCVN 2622 - 95) tại khu vực có nguy cơ cháy nổ.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất..).
- Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat..) và có biện pháp thay thế kịp thời.
- Xây dựng các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, đơn vị vi phạm.
- Trong khu vực công trường sẽ có người bảo vệ thường xuyên đề hạn chế trộm cắp và giải quyết các vấn đề như trộm cắp tài sản, tai nạn giao thông,...
- Tuần tra thường xuyên, có những quy định nghiêm cấm tệ nạn xã hội tại khu vực lân cận.
- Yêu cầu các đơn vị thi công phải khai báo tạm trú, tạm vắng với công an địa phương theo quy định của pháp luật.
- Tuyên truyền, giáo dục công nhân xây dựng đấu tranh và tố giác tội phạm.

3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành dự án

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường không khí

a) Khí thải từ hoạt động giao thông

Để có thể tính được tải lượng ô nhiễm do phương tiện ra - vào công trình gây ra, căn cứ vào quy mô của công trình để dự tính số lượng xe ở giờ cao điểm như sau:

- Số người tập trung tại thời điểm cao nhất: Dân cư: 1.700 người

⇒ Số xe ra vào dự án (xe tiêu chuẩn tính toán là xe 4 chỗ) chiếm 30% tổng dân số và khách: giả sử sẽ tập trung trong 2h cao điểm trong ngày ⇒ 36 lượt/phút (làm tròn). Trong đó xe máy chiếm phần lớn ước tính hơn 80% và còn lại 20% là xe ô tô.

- Tốc độ chạy bình quân trong khu vực là 30 km/h = $8,3.10^{-3}$ km/s.

- Theo tài liệu “*Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution*” của WHO hệ số ô nhiễm của ô tô - xe máy được thể hiện trong sau:

Bảng 55. Hệ số ô nhiễm từ xe hơi và xe máy

TT	Khí thải	Hệ số ô nhiễm			
		Xe hơi		Xe máy	
		g/km	kg/tấn NL	g/km	kg/tấn NL
1	SO ₂	1,27S	20S	0,76S	20S
2	NO _x	1,50	23,75	0,3	8

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Khí thải	Hệ số ô nhiễm			
		Xe hơi		Xe máy	
		g/km	kg/tấn NL	g/km	kg/tấn NL
3	CO	15,73	248,3	20	525
4	VOC	2,23	35,25	3	80

(*) Nguồn: *Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution - WHO, 1993.*

Trong đó: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu (%),

- Theo tài liệu của Petrolimex, hàm lượng lưu huỳnh có trong xăng là 0,05%.

- Tải lượng ô nhiễm do xe các loại xe được xác định theo công thức sau:

$$L \text{ (g/s)} = \text{Số lượng xe} \times 8,3.10^{-3} \times \frac{\text{Hệ số ô nhiễm}}{1.000} \times 1.000$$

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm được trình bày trong bảng sau :

Bảng 56. Tải lượng ô nhiễm từ xe hơi và xe máy

TT	Tải lượng ô nhiễm	SO ₂	NO _x	CO	VOC
1	Xe hơi 4 chỗ (g/s)	0,194	1,534	102,256	15,338
2	Xe máy 2 chỗ (g/s)	0,139	3,287	34,468	4,886

b) Khí thải từ hệ thống thoát nước thải

Tại dự án, nước thải sinh hoạt đen (từ hố xí, chậu tiểu) sẽ được xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn ở mỗi công trình, sau đó được thu gom cùng với nước thải sinh hoạt xám (nước thải thoát sàn) về tuyến cống thu gom và chảy ra trạm XLNT tập trung ở trung tâm dự án. Do đó, quá trình vận chuyển, bơm nước thải có thể phát sinh ra mùi hôi thối, tuy nhiên hệ thống cống xây dựng ngầm nên mùi sẽ không phát sinh trong quá trình thu gom.

Trong phạm vi thực hiện dự án có xây dựng trạm XLNT tập trung công suất **255 m³/ngày.đêm** nên sẽ phát sinh mùi từ hoạt động xử lý nước thải này.

Thành phần chất ô nhiễm không khí từ hệ thống thu gom nước thải và hoạt động xử lý nước thải tại tất các bể xử lý (bể gom, bể tách mỡ, lắng cát, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể trung gian, bể khử trùng và bể chứa bùn) gồm các loại khí: NH₃, H₂S, Clorua, CH₄... các khí này có khả năng gây mùi nên có thể sẽ gây ảnh hưởng đến các khu vực trong phạm vi dự án. Tuy nhiên, lượng khí này phát sinh không nhiều, mặt khác hệ thống thoát nước của khu vực được thiết kế kín nên khả năng ảnh hưởng đến môi trường là không đáng kể.

c) Khí thải từ khu tập kết tạm thời CTR

Đơn vị dịch vụ VSMT đủ năng lực sẽ tổ chức thu gom rác thải tại các hộ gia đình theo hình thức thu gom bên lề đường theo khung giờ cố định. Tại khung giờ

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

cố định đó, xe thu gom cơ giới của đơn vị sẽ đến từng tuyến phố để thu gom. Vì vậy, tại khu vực dân cư không có điểm tập kết rác thải tạm thời trên đường phố. Các xe thu gom này sẽ được đổ lên xe ép rác để vận chuyển đi xử lý.

Rác thải đường phố: Sau khi dự án được bàn giao lại cho chính quyền địa phương, các đơn vị dịch vụ vệ sinh đủ năng lực sẽ được lựa chọn để thực hiện nhiệm vụ công ích, trong đó có dịch vụ thu gom rác thải và vệ sinh đường phố. Khi đó, đơn vị dịch vụ sẽ tổ chức thu gom, hút rác thải bằng phương tiện cơ giới hoặc thủ công tùy theo năng lực của từng nhà thầu.

Tuy nhiên, CTRSH sau khi được thu gom từ các hộ gia đình, từ các hoạt động quét dọn đường phố, khu vực công cộng có thể phải trải qua một khoảng thời gian chờ phương tiện đến vận chuyển mang đi xử lý. Quá trình lưu trữ tạm thời CTRSH khi đợi ô tô chuyên dụng của đơn vị dịch vụ VSMT sẽ phát sinh các khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ (chủ yếu là CTR sinh hoạt). Thông thường, chất thải rắn sẽ bắt đầu phân hủy sau một ngày (24h) lưu trữ. Thành phần các khí chủ yếu sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ bao gồm: CO₂, NH₃, H₂S, CO... Trong đó, các khí gây mùi chủ yếu là NH₃, H₂S.

Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ quá trình phân hủy kỵ khí nước thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 57. Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ quá trình phân hủy kỵ khí khi lưu giữ rác thải

TT	Các hợp chất	Công thức	Mùi đặc trưng	Ngưỡng phát hiện (ppm)
1	Allyl mercaptan	CH ₂ =CH-CH ₂ -SH	Mùi tỏi - cafe mạnh	0,00005
2	Amyl mercaptan	CH ₃ -(CH ₂) ₃ -CH ₂ -SH	Khó chịu, hôi thối	0,0003
3	Benzyl mercaptan	C ₆ H ₅ CH ₂ -SH	Khó chịu, mạnh	0,00019
4	Crotyl mercaptan	CH ₃ -CH=CH-CH ₂ -SH	Hôi hám	0,000029
5	Dimethyl sulfide	CH ₃ -S-CH ₃	Thực vật thối rữa	0,0001
6	Ethyl mercaptan	CH ₃ CH ₂ -SH	Bắp cải thối	0,0019
7	Hydrogen sulfide	H ₂ S	Trứng thối	0,00047
8	Propyl mercaptan	CH ₃ -CH ₂ -CH ₂ -SH	Khó chịu	0,000075
9	Sulfur dioxide	SO ₂	Hăng, gây dị ứng	0,009
10	Tert-butyl mercaptan	(CH ₃) ₃ C-SH	Hôi hám	0,00008
11	Thiophenol	C ₆ H ₅ SH	Thối, mùi tỏi	0,000062

d) Khí thải từ hoạt động nấu nướng

- Khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu sử dụng trong hoạt động nấu nướng cũng là một nguồn phát thải có thể gây ô nhiễm. Dự báo tại Dự án sẽ sử dụng nguồn nhiên liệu là gas cho các hoạt động nấu nướng. Khí thải phát sinh từ quá trình đốt gas phục vụ cho nấu nướng sẽ phát sinh khí : NO₂, CO₂, CO... và trong

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

quá trình chế biến thức ăn sẽ phát sinh hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC).

- Tổng lượng gas tiêu thụ tại dự án là 1,4 tấn/tháng (ước tính 1 người sử dụng 1kg gas/tháng). Tuy nhiên, hoạt động nấu ăn tại các hộ gia đình là độc lập, không sử dụng hệ thống bếp gas công nghiệp, cùng với việc phát triển hiện nay nhiều hộ gia đình cũng đã có xu hướng chuyển sang sử dụng bếp điện thân thiện và an toàn với môi trường nên ảnh hưởng của khí thải từ hoạt động nấu nướng là không đáng kể.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường nước

a) Đánh giá, dự báo các tác động do NTSH

(i) Nguồn phát sinh và lưu lượng NTSH

➤ **Nguồn gốc**

Nguồn ô nhiễm nước chủ yếu trong quá trình hoạt động của dự án này là:

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, trường học, khu thương mại dịch vụ, giải trí, các khu nhà ở xã hội...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án.

- Nước thải từ hoạt động xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung

Nước thải sinh hoạt được chia thành các loại sau:

- Nước thải sinh hoạt đen: Nước thải từ hố xí và chậu tiểu.

- Nước thải sinh hoạt xám:

+ Nước thải từ phòng tắm, lavabo trong các nhà vệ sinh,

+ Nước thải từ nhà bếp.

➤ **Tính toán lưu lượng nước thải từ hoạt động xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung**

- Hoạt động xử lý khí thải tại trạm XLNT sử dụng dung dịch NaOH nên sau 1 quá trình sử dụng sẽ phải thay thế dung dịch này để đảm bảo khả năng hấp thụ khí thải.

- Bồn chứa dung dịch NaOH này có thể tích là 2m³ theo quy trình hoạt động thì định kỳ 30 ngày sẽ tiến hành thay thế 3/4, tức là khoảng 1,4 m³/lần thay thế (30 ngày).

- Nước thải từ quá trình thay thế này chủ yếu có pH cao nên sẽ được thu gom về bể điều hoà của trạm XLNT để xử lý.

→ Như vậy, với lượng nước thải phát sinh từ hoạt động này không lớn (1,4 m³/30 ngày) nên nằm trong hệ số k=1,3 khi tính toán lưu lượng nước thải lớn nhất cần được xử lý trong phần tính toán tiếp theo.

➤ **Tính toán lưu lượng NTSH**

1- Căn cứ xác định NTSH phát sinh

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ, tại Điều 39. Xác định khối lượng nước thải, mục 1 có quy định “*Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước*”. Quy định này nằm trong “*Chương V - Giá dịch vụ thoát nước*” nên có thể sử dụng là căn cứ tính toán lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Mặt khác, theo QCVN 01:2021/BXD, mục 2.11.1 có quy định: “*Lưu lượng nước thải phát sinh được dự báo dựa trên chuỗi số liệu hiện trạng, mức độ tiện nghi của đô thị, điểm dân cư hoặc công nghệ sản xuất đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp nhưng phải đảm bảo chỉ tiêu phát sinh nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước tương ứng*”. Theo quy định này thì có thể tính tối thiểu nước thải bằng 80% lượng nước sạch sử dụng. Tuy nhiên, phải tính đến hoàn cảnh cụ thể của dự án.

- Xét cụ thể tại dự án: dự án nằm ở xã A Sào, tỉnh Hưng Yên, được xác định là khu dân cư mới tiện nghi và thân thiện với môi trường. Nước thải từ Dự án sẽ được xả ra kênh tiêu sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/ BTNMT, cột A, tại trạm xử lý nước thải tập chung.

⇒ Vì vậy, trong dự án và Báo cáo ĐTM này sẽ tính toán nước thải bằng 100% lưu lượng nước sạch sử dụng theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP (mức nước thải phát sinh cao nhất), để từ đó có thể tính toán công suất trạm XLNT tương ứng, an toàn ở mức cao nhất, hạn chế thấp nhất các sự cố trong quá trình vận hành.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch đã trình bày tại Chương I, các căn cứ tính toán nước thải phát sinh nêu trên, dự báo lưu lượng NTSH từ dự án cụ thể như sau:

NTSH phát sinh cần xử lý chỉ từ hoạt động: nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm của các lô đất, khu đất nhà văn hóa và trạm xử lý nước thải. Lượng nước thải được xác định bằng 100% lưu lượng nước cấp. Tổng lưu lượng 193,2 m³/ngày.đêm. Nước cấp cho hoạt động tưới cây, rửa đường không cần phải xử lý, nước sẽ tự ngấm đất hoặc thoát theo hệ thống thoát nước mưa.

Theo mục 5.2 TCVN 13606:2023 Hệ số không điều hòa $k = 1,2 \div 1,4$, báo cáo lựa chọn $k=1,3$ (hệ số trung bình) để tính toán lưu lượng nước thải phát sinh của dự án. Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của dự án là:

$$193,2 \times 1,3 = 251,18 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Toàn bộ nước thải này được thu gom về trạm XLNT tập trung của dự án ở để xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A. Công suất trạm xử lý là 255 m³/ngày.đêm.

(ii). Đặc trưng ô nhiễm của NTSH

Nguồn nước thải chảy vào hệ thống xử lý nước thải xuất phát từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của con người trong dự án.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

Nguồn thải chủ yếu là từ các khu vệ sinh, nước thoát sàn, nước thải nhà bếp, ... và được thể hiện thông qua các chỉ số ô nhiễm sau: BOD₅, Amoni (NH₄⁺), Phosphat (PO₄³⁻), chất rắn lơ lửng (TSS), Coliform.

Bảng 58. Thông số của nước thải sinh hoạt

TT	Các đại lượng	Tải lượng phát sinh (g/người.ngày)	Tiêu chuẩn thải nước (lít/người.ngày)	Khối lượng qui đổi (g/m ³ hay mg/l)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	65	120	163
2	BOD ₅ của nước thải đã lắng	35	120	219,4
3	Nito Amoni (NH ₄ -N)	10.5	120	65,8
4	Tổng Photpho (TP)	2.2	120	13,8

Ghi chú:

- BOD₅ của nước thải đã lắng được coi như BOD₅ của nước thải sau bể tự hoại.

- Tạm thời coi lượng nước thải phát sinh từ khu đất văn hóa và trường mầm non có thông số ô nhiễm như nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, vì lượng nước thải từ 2 nguồn này chiếm 1 phần nhỏ trong tổng lưu lượng nước thải phát sinh của dự án.

- Tải lượng phát sinh (Cột 3) theo Bảng 21, trg 35 TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.

Đối với nước thải đô thị sau bể tự hoại của từng hộ:

- Hiệu quả xử lý SS từ 30% đến 55%, Lựa chọn giá trị: 55%

- Hiệu quả xử lý BOD₅ từ 30% đến 45%. Hoặc chọn bằng giá trị BOD₅ nước thải đã lắng

- Hiệu quả xử lý Tổng Photpho (TP) từ 25% đến 35%. Chọn bằng 25%

- Hiệu quả xử lý Nito Amoni (NH₄-N) của bể tự hoại tạm thời chọn bằng 0%

Căn cứ vào bảng trên cho thấy thông số của nước thải sinh hoạt và kinh nghiệm thiết kế các trạm xử lý nước thải đô thị có quy mô dân số và tính chất thải nước tương tự, đề xuất thông số ô nhiễm của nước thải đầu vào cho hệ thống xử lý nước thải của dự án như sau:

Bảng 59. Bảng thông số chất lượng nước thải cơ bản tính toán thiết kế hệ thống

TT	Thông số	Đơn vị	Thông số ô nhiễm nước thải đầu vào trạm xử lý	Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14: 2025/ BTNMT Cột A
1.	pH		6,5 -8,5	6 - 9
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	219,4	≤30
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	163	≤50
4.	Sunfua (S ₂ -)	mg/l	6	≤0,2

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

5.	Amoni (tính theo N)	mg/l	65,8	≤ 4
6.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	40	≤ 10
7.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	≤ 3
8.	Tổng phốt pho	mg/l	9,4	≤ 4
9.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	10^9	≤ 3.000

Xét tại bảng trên cho thấy, NTSH thường có hàm lượng chất ô nhiễm cao, nhiều chỉ tiêu vượt GHCP theo QCVN 14:2025/BTNMT, cột A nếu như không được xử lý. Hơn nữa, với lượng NTSH khá lớn từ dự án ($Q_{thải\ max} = 193,2\ m^3/ngày\ đêm$) nên có khả năng gây ô nhiễm môi trường tại các nguồn tiếp nhận nếu không được xử lý triệt để.

(iii). *Tác động của NTSH từ dự án đến môi trường và sức khỏe*

➤ **Ảnh hưởng của chất hữu cơ đến sinh vật thủy sinh**

Chất hữu cơ dễ bị phân huỷ sinh học và các chất tiêu thụ oxygen trong nước thải sinh hoạt làm suy kiệt hàm lượng oxy hoà tan trong nước do trong nước thải sinh hoạt bị ô nhiễm hữu cơ đòi hỏi một lượng oxy cao cung cấp cho vi khuẩn để tự làm sạch. Điều này dẫn đến hệ sinh thái dưới nước bị ảnh hưởng. Tôm, cá bị thiếu oxy sẽ chết làm giảm sản lượng đánh bắt. Ngoài ra, sản phẩm từ sự phân huỷ các chất hữu cơ còn có thể là chất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Dựa vào đặc điểm dễ bị phân huỷ do vi sinh vật có trong nước thải sinh hoạt, có thể phân các chất hữu cơ như sau:

- Chất hữu cơ dễ bị phân huỷ: Đó là các hợp chất protein, hydratcacbon, chất béo,... Trong thành phần các chất hữu cơ từ nước thải sinh hoạt có khoảng 40 - 60% protein, 25 - 50% hydratcacbon, 10% chất béo. Các hợp chất này chủ yếu làm suy giảm oxy hoà tan trong nước.

- Chất hữu cơ khó bị phân huỷ: Các chất này thuộc các chất hữu cơ có vòng thơm, các chất đa vòng ngưng tụ, các hợp chất clo hữu cơ, phospho hữu cơ,... Trong số các chất này, có nhiều hợp chất là chất hữu cơ tổng hợp. Hầu hết chúng có tính độc đối với sinh vật và con người. Chúng tồn lưu lâu dài trong môi trường và cơ thể sinh vật gây độc tích lũy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống.

➤ **Ảnh hưởng của vi khuẩn trong nước thải sinh hoạt đối với con người**

Trong nước thải sinh hoạt rất giàu các chất hữu cơ, gồm 3 nhóm chất: protein (40 - 50%), hydratcacbon (50%), chất béo (10%). Protein là polime của acid amin, là nguồn dinh dưỡng chính cho vi sinh vật. Hydratcacbon là các chất đường bột và xenlulozơ. Tinh bột và đường rất dễ bị phân huỷ bởi vi sinh vật, còn xenlulozơ bị phân huỷ muộn hơn và tốc độ phân huỷ chậm hơn nhiều. Chất béo ít tan và vi sinh vật phân giải với tốc độ rất chậm. Số lượng vi sinh vật, chủ yếu là vi khuẩn, có trong nước thải rất lớn (khoảng $10^5 - 10^9$ tế bào/ml). Ngoài việc chúng đóng vai

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

trò phân huỷ các chất hữu cơ, cùng với các chất khoáng khác dùng làm chất nuôi tế bào vi khuẩn và đồng thời làm sạch nước thải, chúng còn có một số vi sinh vật gây bệnh (ecoli, coliform,...). Các loài vi sinh vật gây bệnh hiện hữu trong nước thải đưa ra sông góp phần làm cho các bệnh, đặc biệt là các bệnh đường ruột (thương hàn, tả, lỵ,...) gia tăng do lây lan qua con đường ăn uống và sinh hoạt.

Trong phân người có chứa nhiều loại vi trùng gây bệnh (như vi trùng tả, lỵ, thương hàn và trứng giun sán). Trong thực tế là không thể xác định tất cả các loại vi trùng này đối với từng mẫu nước vì phức tạp và tốn thời gian. Do đó thông thường trong nghiên cứu ô nhiễm ta không xác định các loại vi trùng gây bệnh mà xác định mẫu nước có bị ô nhiễm phân không. Muốn vậy, chỉ cần xác định một vài vi sinh chỉ thị cho ô nhiễm phân. Có 3 nhóm vi sinh chỉ thị ô nhiễm phân:

- Nhóm coliform đặc trưng là *Escherichia coli* (Ecoli)
- Nhóm streptococci đặc trưng là *Streptococcus faecalis*
- Nhóm clostridia khử sulfat đặc trưng là *Clostridium perfringens*

Sự có mặt của các vi sinh này chỉ ra rằng nước bị ô nhiễm phân, như vậy có ý nghĩa là có thể có vi trùng đường ruột trong nước và ngược lại nếu không có các vi sinh chỉ thị có ý nghĩa là có thể không có vi trùng gây bệnh đường ruột.

➤ Ảnh hưởng của chất dinh dưỡng trong NTSH

Hàm lượng Nitơ (ΣN), Phospho (ΣP) trong NTSH là khá cao. Các chất này có trong quá trình chế biến thức ăn hay có trong thức ăn dư thừa. Đây là chất dinh dưỡng của các loài thủy sinh. Khi các chất dinh dưỡng này quá nhiều sẽ thúc đẩy sự phát triển của các vi sinh vật như: vi khuẩn, nấm nước, tảo, thực vật nổi. Hậu quả đầu tiên là sự tăng trưởng phiêu sinh thực vật cấp thấp, tăng trưởng đáng kể sinh khối hệ phiêu sinh. Tăng trưởng đáng kể các loại tảo que, tảo xanh, tảo độc. Tăng nồng độ Chllorophyll sẽ đẩy mạnh quá trình phân huỷ chất hữu cơ trong nước. Suy giảm nghiêm trọng hàm lượng oxy hoà tan là yếu tố cơ bản trong quá trình tự làm sạch nguồn nước, giảm đáng kể độ trong của nước. Những điều này gây hậu quả nghiêm trọng là một loài cá có giá trị kinh tế cao bị tiêu diệt do thiếu dưỡng khí và ăn phải các loài tảo độc. Một số loài cá khác thích ứng được với điều kiện sinh trưởng mới thường là các loài cá không tốt và không ngon. Sự thiếu dưỡng khí làm giảm khả năng tự làm sạch nguồn nước cùng với sự phân huỷ chất hữu cơ làm nước bị nhiễm bẩn có mùi khó chịu, pH của nước bị giảm.

b) Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do nước mưa

Công thức tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn đã được trình bày tại mục trên. Lượng nước mưa trên mặt bằng dự án khi đi vào hoạt động là ($S = 10,2$ ha) được tính toán như sau:

$$Q = q \times F \times \beta \times \psi \quad (1)$$

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

q- Cường độ mưa tính toán (L/s.ha); $q = 172,09$ l/s.ha

F- Diện tích lưu vực mà tuyến cống phục vụ (ha); $F = 10,5$ (ha) diện tích thực hiện dự án

β - Hệ số phân bố mưa, xác định theo Bảng 4; $\beta = 1$ diện tích lưu vực < 500 ha;

ψ - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P , xác định theo Bảng 3. Do khu vực dự án khi hoạt động là mái nhà, mặt phủ bê tông và chu kỳ tính toán mưa là 2 năm nên giá trị $\psi = 0,75$

$$Q = 172,09 \times 10,5 \times 1 \times 0,75 = 1.303,5 \text{ l/s}$$

⇒ Như vậy, trung bình lưu lượng thoát nước mưa từ diện tích $S = 10,2$ ha là 1.303,5 l/s, lượng nước mưa này sẽ phụ thuộc vào thời gian mưa. Đối với các bề mặt khác nhau thì lượng nước mưa sẽ phát sinh khác nhau. Trong giai đoạn vận hành, do chủ yếu là mặt bằng bê tông, mái tôn,... nên lượng nước mưa ngấm xuống đất ít mà sẽ được thu gom và xả ra các cửa xả. Dự án đã thiết kế các cửa xả dự kiến và thoát ra kênh hiện trạng tiếp giáp khu vực dự án.

3.2.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do CTRSH

Dân cư sinh sống thường xuyên tại dự án là 1.700 người sẽ là căn cứ để tính toán dự báo lượng CTRSH phát sinh với định mức phát sinh trung bình là 0,8 kg/người/ngày đêm (Định mức theo QCVN 01:2021/BXD với đô thị loại V). Dự báo khối lượng CTR phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 60. Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh trong giai đoạn vận hành

TT	Hạng mục	Quy mô	Tiêu chuẩn	Lượng chất thải rắn (kg/ng.đêm)
1	Rác thải từ khu dân cư	1.700 người	0,8 kg/người/ng.đêm	1.280
2	Giao thông, cây xanh, nhà văn hóa	60.768,6 m ²	0,01 kg/ngày/m ²	607,68
Tổng				1.887,68

→ Như vậy tổng lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành dự án là khoảng 1,88tấn/ngày đêm.

Loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,... nếu không được thu gom xử lý thích hợp sẽ ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, gây mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi; các loại rác hữu cơ làm ô nhiễm đất, rác thải sinh hoạt là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn gây bệnh.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

3.2.1.4. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do bùn thải từ hệ thống cống thoát nước mưa, thoát nước bẩn, hố ga

a) Bùn thải tại hệ thống thoát nước mưa

Căn cứ vào lượng chất bẩn tích tụ trong nước mưa được tính toán tại nội dung trên là 135,2 kg/15 ngày $\Rightarrow$ Lượng bùn thải trong hệ thống thoát nước mưa và các hố ga tối thiểu sẽ là 135,2 kg/15 ngày hay tương đương 9,01 kg/ngày. Ngoài ra, bùn thải còn phát sinh trong quá trình nước mưa chảy tràn cuốn theo đất cát, lá cây,... xuống hệ thống thoát nước mưa và tạo ra bùn thải.

b) Bùn thải tại hệ thống thoát nước bẩn

Nước thải từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể phốt tự hoại ngăn. Do đã được xử lý tại bể phốt nên bùn cặn trong dòng nước không nhiều. Ước tính ban đầu khối lượng bùn thải này như sau:

- Số hố ga trên hệ thống thoát nước thải: 65 hố

- Lượng bùn thải trong hố/1 tháng: 3 kg (bùn khô) (Lượng bùn thải từ hệ thống thoát nước bẩn này tham khảo các kết quả thống kê thực nghiệm).

Khối lượng bùn thải từ hệ thống thoát nước thải: $65 \times 3 = 195$ kg/1 tháng hay trung bình 6,5 kg/ngày.

c) Bùn thải từ trạm XLNT công suất 255 m³/ng.đêm

- Phần bùn (dạng lỏng) từ hệ thống xử lý nước thải 255 m³/ng.đêm. Tham khảo **Công thức 13-1 tài liệu “Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải” – TS. Trịnh Xuân Lai**. Tổng khối lượng bùn cặn thu được trong bể lắng theo trọng lượng cặn khô là:

$$G_{\text{bùn nước}} = Q \times [0,8 \times \text{TSS} + 0,3 \times S_o]$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải đi xử lý, m³/ngày, $Q = 255$ m³/ngày.đêm

TSS: Hàm lượng cặn có trong nước thải, g/m³;

$TSS = TSS \text{ đầu vào} - TSS \text{ đầu ra} = 250 - 50 = 200$ g/m³

S_o: Hàm lượng BOD₅ của nước thải, g/m³;

$S_o = BOD_5 \text{ đầu vào} - BOD_5 \text{ đầu ra} = 200 - 30 = 170$ g/m³

Thay các giá trị trên vào công thức, được: $G_{\text{bùn}} = 91,78$ kg/ngày.

d) Bùn thải từ các bể tự hoại 3 ngăn

Theo **Giáo trình tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải – Trịnh Xuân Lai**, thể tích lượng bùn thải phát sinh được tính toán theo công thức:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

$$W_c = [aT(100 - W_1)bc] N / [(100 - W_2) \cdot 1000] (*)$$

Trong đó:

a: Lượng bùn trung bình của 01 người thải ra trong 01 ngày: 0,15 l/ngđ

T: Thời gian giữa 02 lần lấy bùn: 360 ngày.

W₁: Độ ẩm bùn tươi vào bể: 0,95%

W₂: Độ ẩm của bùn khi lên men: 0,9%

b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích bùn khi lên men: 0,7

c: Hệ số kể đến việc phải giữ lại một phần bùn: 1,2

N: Số người mà bể phục vụ: 1.700 người

W_c: lượng bùn thải phát sinh từ bể tự hoại

→ Từ công thức (*) tính được $W_c = 63,5 \text{ m}^3$

Theo báo cáo “*Công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu công nghiệp*” tháng 4/2009 của Viện KHKT Môi trường – ĐH Xây dựng Hà Nội thì tỷ trọng điển hình của cặn lắng đáy bể dạng bùn là 1,4 – 1,5 tấn/m³. Khi đó lượng bùn tại bể tự hoại cần thải bỏ định kỳ khoảng $P_{\text{bùn}} = 63,5 \times 1,5 = 95,25 \text{ tấn/365 ngày} \approx 0,26 \text{ kg/ngày}$.

e) Tổng hợp khối lượng bùn thải phát sinh từ hoạt động của dự án

Tổng hợp khối lượng bùn thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thống kê trong bảng sau:

Bảng 61. Tổng lượng bùn thải phát sinh từ hoạt động của dự án

TT	Thành phần	Khối lượng	Đơn vị
1	Bùn thải nạo vét từ các hố ga của hệ thống thoát nước mưa	9,01	kg/ng.đêm
2	Bùn thải nạo vét từ các hố ga của hệ thống thoát nước thải	6,5	kg/ng.đêm
3	Bùn thải từ hoạt động của trạm XLNT tập trung	91,78	kg/ng.đêm
4	Bùn thải từ các bể tự hoại	0,26	kg/ng.đêm
5	Tổng cộng	107,55	kg/ng.đêm

Như vậy, lượng bùn thải từ hoạt động của dự án phát sinh khoảng 107,55 kg/ng.đêm và không có tính nguy hại. Bùn thải được thu gom và xử lý như CTRSH phát sinh hàng ngày tại dự án: Chuyển giao cho đơn vị chức năng để thu gom và xử lý theo quy định tại Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Thái Bình về “*Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình*”

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

3.2.1.5. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do CTNH trong giai đoạn khai thác, vận hành dự án

Trong CTRSH phát sinh từ các khu dân cư sẽ có một lượng CTNH phát sinh như: Bóng đèn, các thùng sơn, bình acquy, pin các loại, dầu nhớt dư và giẻ lau dính dầu trong quá trình sửa chữa và bảo dưỡng công trình, thuốc tân dược hết hạn sử dụng,... Lượng chất thải này không nhiều và có lẫn trong CTRSH. Chủ đầu tư sẽ có các biện pháp quản lý chặt chẽ để không gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường.

Dự báo khối lượng CTNH phát sinh tại dự án cụ thể như sau:

Bảng 62. Tóm tắt các loại CTNH phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH theo TT 02:2022	Khối lượng phát sinh
I	<i>Chất thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư</i>			547,2 kg/tháng
1	Hộp chứa mực in (Loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	rắn	08 02 04	3.040 kg/ngày × 0,6% = 18,24 kg/ngày, hay 547,2 kg/tháng
2	Pin, ắc quy thải	rắn	16 01 12	
3	Các loại dầu mỡ thải	lỏng	16 01 08	
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	rắn	16 01 13	
II	<i>Chất thải nguy hại phát sinh từ trạm xử lý nước thải, công suất 255 m³/ngày.đêm</i>			16,0
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), ghẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	3,0	18 02 01	3,0
6	Các loại dầu mỡ thải	2,0	16 01 08	2,0
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	1,0	16 01 13	1,0
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	10,0	18 01 01	4,0
III	Tổng cộng (I+II)			563,2

3.2.1.6. Đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường do tiếng ồn và nhiệt ẩm

a) Dự báo ô nhiễm tiếng ồn

Các hoạt động từ dự án phát sinh mức ồn chủ yếu do tiếng ồn từ các phương tiện GTVT, công trình thương mại dịch vụ và chỉ diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Trong quá trình lan truyền trong không khí, tiếng ồn sẽ tắt nhanh theo khoảng cách (theo hàm Logarit). Thông thường, chênh lệch mức ồn khi có các phương tiện GTVT hoạt động và khi không có là 5-10 dBA. Tuy nhiên, một số

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

hoạt động vui chơi giải trí của một số hộ kinh doanh dịch vụ như: karaoke, điện tử, vi tính,... cũng phát sinh tiếng ồn, náo nhiệt do tập trung đông người nhưng mức độ không lớn.

Trạm XLNT tập trung tại khu vực dự án được bố trí nằm trong khu vực cây xanh cách ly rộng lớn, khoảng cách gần nhất đến khu dân cư là 104(m) và được trồng kín cây xanh trong khoảng cách cách ly này nên tác động do tiếng ồn và rung động từ hoạt động của trạm XLNT đến các khu vực xung quanh là không lớn.

b) Dự báo ô nhiễm nhiệt ẩm

Hoạt động của dự án sẽ phát sinh ra các khí nóng, gây ô nhiễm môi trường từ khu vực xung quanh:

- Khí nóng từ dàn nóng của các máy điều hòa riêng lẻ trong mỗi hộ gia đình.
- Khí nóng từ khu vực nấu bếp trong mỗi công trình.

Các nguồn nhiệt trên nhìn chung là sẽ gây tác động tiêu cực đến đời sống của cộng đồng dân cư ở mức thấp, không đáng kể.

3.2.1.7. Đánh giá, dự báo các tác động đến các yếu tố KT-XH

a) Hiệu quả xã hội khi thực hiện dự án

Thực hiện dự án KDC An Đồng – giai đoạn 2 sẽ có lợi ích về mặt KT-XH như sau:

- Thực hiện dự án sẽ góp phần vào quá trình phát triển đô thị cho xã A Sào nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung, đáp ứng nhu cầu nhà ở hiện tại và tương lai, nâng cao chất lượng sống cho nhân dân trong các khu đô thị mới, đồng bộ về HTKT và đầy đủ về HTXH.

- Đầu tư xây dựng KĐT đồng bộ, văn minh, hiện đại, đầy đủ các công trình HTKT và HTXH, phù hợp với quy hoạch chung của khu vực.

- Thực hiện dự án sẽ cụ thể hóa các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, HTKT và HTXH, các yêu cầu về không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị và những yêu cầu khác đối với từng khu vực đô thị;

- Tăng khả năng hấp dẫn môi trường đầu tư bất động sản, tạo nguồn thu ngân sách tỉnh Hưng Yên thông qua các khoản thuế, phí, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

b) Tác động tiêu cực đến HTXH

Dự án đi vào hoạt động sẽ thu hút thêm 1.600 dân cư mới đến sinh sống trên địa bàn xã A Sào, tỉnh Hưng Yên. Việc gia tăng mật độ dân số tại khu vực sẽ có các tác động sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

- Gia tăng sức ép đến hệ thống HTXH của khu vực bao gồm: Bệnh viện, trường học, văn hóa,... cũng như các công trình phúc lợi xã hội khác.

- Gia tăng sức ép đến hệ thống HTKT bao gồm: Gia tăng các phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường xung quanh, cụ thể là tuyến đường Tuyến đường tiếp giáp, gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch và thoát nước thải, gia tăng nhu cầu về điện. Tuy nhiên, các đơn vị hiện đang cung cấp các yếu tố này đều đảm bảo nhu cầu sử dụng của công trình nên vấn đề này không đáng lo ngại.

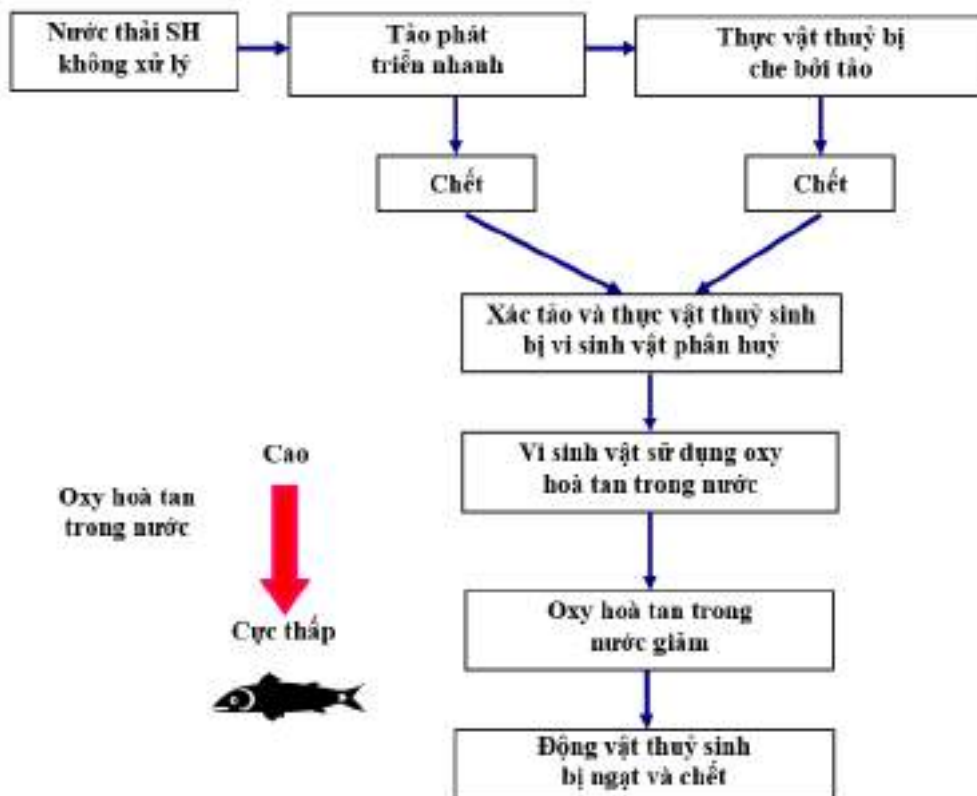
3.2.1.8. Đánh giá, dự báo các tác động đến hệ sinh thái

NTSH từ dự án nếu chỉ được xử lý sơ bộ bằng bể phốt tự hoại 3 ngăn đối với nước thải đen, nước thải xám không qua xử lý mà thoát thẳng hệ thống cống và xả các khu vực suối tự nhiên (điển hình là ô nhiễm hữu cơ), ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nước mặt, và từ đó ảnh hưởng đến các mục tiêu sử dụng nước của các suối.

Ô nhiễm hữu cơ - phú dưỡng (Eutrophication) hay còn gọi là hiện tượng nở hoa thực vật nổi (Algal bloom), đặc biệt là nhóm tảo Lam (Cyanophyta) như: Mircocystis, Oscillatoria spp,... hoặc tảo Lục như Spirulina spp,... thường xảy ra, gây ra mùi khó chịu và sẽ làm chết tôm cá và các nhóm thủy sinh khác tại nơi tiếp nhận.

Quá trình ô nhiễm phú dưỡng nguồn tiếp nhận được trình bày trong hình sau:

Hình 31. Quá trình phú dưỡng nguồn nước do NTSH không được xử lý



⇒ Nhìn chung, các chất ô nhiễm trong NTSH nếu không được xử lý sẽ làm thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho môi trường sinh sống của các loài

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

sinh vật và dẫn đến suy thoái môi trường tại nguồn tiếp nhận trong khi số liệu khảo sát, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại dự án (Nêu tại chương II) đã có dấu hiệu bị ô nhiễm.

3.2.1.9. Đánh giá, dự báo các tác động đến tình hình giao thông và an ninh khu vực tại khu vực khi dự án đi vào vận hành

a) Đánh giá, dự báo các tác động đến tình hình giao thông

Khi dự án đi vào hoạt động, số xe ra vào dự án (xe tiêu chuẩn tính toán là xe 4 chỗ) là 17 lượt/phút. Trong đó xe máy chiếm phần lớn ước tính hơn 60% và còn lại 40% là xe ô tô do chất lượng của dự án là khá cao, dân cư trong phạm vi dự án sẽ có xu hướng sử dụng ô tô nhiều hơn các khu vực dân cư khác. Như vậy, dự án đi vào hoạt động sẽ làm gia tăng lưu lượng xe máy, ô tô tham gia giao thông. Tuy nhiên, cùng với sự ra đời của dự án thì sẽ tăng thêm diện tích đường giao thông mới các mặt cắt rộng. Vì vậy, tình trạng tắc đường do dự án đi vào hoạt động là không đáng ngại. Dự án này được đánh giá sẽ tạo ra hệ thống đường giao thông liên hoàn, tạo thêm nhiều cơ hội lưu thông cho dân cư địa phương hiện nay.

⇒ Như vậy, với những phân tích ở trên cho thấy hoạt động của dự án tác động đến tình trạng ùn tắc giao thông trên các tuyến phố xung quanh ở mức thấp.

b) Đánh giá, dự báo các tác động đến tình hình an ninh trật tự

Tiến độ hoàn thiện và đưa công trình vào sử dụng xây dựng hoàn toàn phụ thuộc vào từng chủ nhà và có thể kéo dài qua nhiều năm. Nhiều khu đô thị/khu dân cư có tình trạng nhiều nhà xây thô, nhiều lô đất để trống xen kẽ với các nhà đã ở. Nếu dự án chưa có đầy đủ lực lượng bảo vệ tuần tra tốt nên các đối tượng trộm cắp, tệ nạn xã hội thường lợi dụng để hoạt động.

Mặt khác, quá trình triển khai thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình thường kéo dài, tình hình lao động phức tạp, dân cư mới chưa đăng ký tạm vắng, tạm trú,... nên công tác quản lý địa bàn của các lực lượng công an cũng khó hơn.

3.2.1.10. Tác động do dịch bệnh lây lan

Hoạt động của công trình sẽ thu hút 1.700 người sinh sống mới thường xuyên, chưa kể nhiều khách và nhân viên làm việc tại khu dịch vụ và khu công cộng. Trong nhiều năm hiện nay, tình hình diễn biến dịch bệnh lây lan từ người sang người khá phức tạp và rất khó kiểm soát ⇒ Vì vậy, việc gia tăng dân cư và khách tập trung tại công trình có khả năng lây lan các dịch bệnh đến khu vực công trình hoặc ngược lại.

3.2.1.11. Tác động do hoạt động của các trạm biến áp

Trong phạm vi của dự án sẽ có các trạm biến áp. Tác động từ hoạt động của các trạm biến áp này tới môi trường và sức khỏe cộng đồng như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Gây tiếng ồn: Hoạt động của trạm biến áp cũng gây tiếng ồn, mặc dù không lớn nhưng sẽ tạo ra cảm giác khó chịu cho những hộ gia đình sống gần đó.

- Nguy cơ cháy nổ: Các trạm biến áp có khả năng bị cháy nổ trong quá trình hoạt động, đặc biệt vào mùa hè khi nhu cầu sử dụng điện lớn. Vì vậy, hoạt động của các trạm biến áp này có khả năng gây cháy nổ cho các đối tượng gần đó.

3.2.1.12. Tác động do quá trình trồng và chăm sóc cây xanh

Mặc dù tác dụng của cây xanh khá lớn trong việc BVMT, tạo cảnh quan thiên nhiên song công tác trồng và chăm sóc cây xanh cũng có những tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng như sau:

- Quá trình chăm sóc cây xanh, thậm chí có thể phải sử dụng nhiều thuốc trừ sâu, phân bón,... Việc lạm dụng các loại hóa chất này có thể gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm tại dự án.

- Bao bì chứa thuốc trừ sâu, diệt cỏ, phân bón,... thuộc loại CTNH nên nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

- Việc trồng các loại cây không phù hợp với điều kiện khí hậu, đặc điểm thổ nhưỡng cũng như không phù hợp với chức năng đô thị có thể gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, các công trình xây dựng,...

- Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng các cây xanh đã được Đơn vị tư vấn và Nhà đầu tư lựa chọn chủng loại tối ưu, phù hợp với địa phương. Đơn vị thi công trồng, chăm sóc cây xanh có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn đảm bảo vệ sinh môi trường. Việc đó hạn chế được các ảnh hưởng đến môi trường.

3.2.1.13. Tác động xã hội từ dự án

Với đặc điểm là một khu dân cư mới, thu hút tới 1.700 người và một số khách của chủ nhà nên có thể gây ra các tác động xã hội, cụ thể như sau:

- Việc gia tăng dân cư sinh sống mới cũng sẽ gây áp lực cho chính quyền, công an địa phương khi mà đối tượng quản lý gia tăng đáng kể. Trong khi nhân lực, vật lực của chính quyền địa phương không được đáp ứng tương xứng.

- Sau khi chuyển giao đất cho các hộ gia đình, tùy vào điều kiện, nhu cầu sử dụng mà họ có thể chưa hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Các đối tượng tệ nạn xã hội thường hay lợi dụng các công trình xây dựng thô, không có người trông nom làm tụ điểm tập trung. Có những trường hợp hộ gia đình xây dựng thô, chưa hoàn thiện và cho các đối tượng thuê mặt bằng để rửa xe, làm hàng quán, tập kết phế thải, phế liệu. Các hoạt động này sẽ gây tác động, khó chịu cho các hộ gia đình xung quanh. Đôi khi mâu thuẫn có thể xảy ra và gây mất trật tự xã hội và tiềm ẩn nhiều nguy cơ khác.

- Chủ dự án khi phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản

3.2.1.14. Đối tượng và quy mô bị tác động trong giai đoạn vận hành

Đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành Dự án bao gồm:

- Ảnh hưởng đến các hộ gia đình khác sinh sống và kinh doanh dọc các tuyến đường xung quanh do đây cũng là tuyến giao thông cho các phương tiện ra vào công trình. Ảnh hưởng chính là bụi, tiếng ồn và sự cố tai nạn giao thông.
- Tuyến đường Tuyến đường tiếp giáp qua dự án: Bị tăng mật độ hơn do công trình thu hút nhiều ô tô, xe máy do dân cư tập trung sinh sống.

⇒ Nhìn chung, đối tượng và quy mô bị tác động trong giai đoạn vận hành của công trình thấp hơn so với giai đoạn thi công xây dựng.

3.2.1.15. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố trong giai đoạn hoạt động của dự án

a) Hỏa hoạn

Quá trình hoạt động của Dự án có khả năng xảy ra các vụ hỏa hoạn có thể gây ra những thiệt hại về người và tài sản rất nặng nề, để lại những hậu quả lâu dài. Các thiệt hại và ảnh hưởng nếu xảy ra hỏa hoạn như sau:

- Thiệt hại tới sinh mạng con người: Hầu như năm nào cũng xảy ra những vụ cháy nhưng có những vụ cháy rất lớn nhưng không gây thiệt hại về người. Con người là tài sản quý giá nhất, vì thế thiệt hại sinh mạng con người sẽ dẫn đến rất nhiều các tác động về mọi mặt kinh tế, xã hội thậm chí chính trị. Việc ngăn ngừa thiệt hại về người có ý nghĩa xã hội hết sức sâu sắc.

- Thiệt hại về của cải: Không có vụ cháy nào không gây thiệt hại về tài sản. Khi công trình bị cháy, nhẹ nhất là phải sửa chữa lại, nặng thì phải làm lại từ đầu. Do đó tổn kém nhìn thấy được trước hết là phí tổn cho công tác sửa chữa, xây dựng. Thứ hai, đó là tổn thất về tài sản của người ở trong công trình, gồm đồ dùng, các tài sản công cộng như mạng đường điện thoại, điện lưới, các hệ đường cấp nước, thoát nước, các khu vực vui chơi giải trí công cộng,...

- Ảnh hưởng tới môi trường: Ảnh hưởng trực tiếp của các đám cháy là khói bụi, ảnh hưởng gián tiếp là nước thải do công tác chữa cháy. Nước thải mang theo các hoá chất do quá trình cháy, hoá chất lưu giữ trong công trình, ngoài ra còn mang theo tro bụi, đất cát. Nước được chảy tràn xuống kênh mương, ao hồ gây ô nhiễm nguồn các nguồn nước. Trường hợp như thế này được gọi là ô nhiễm sự cố. Các ảnh hưởng này có thể ngắn hạn. Đó là các ô nhiễm do khói bụi của đám cháy, sự bắn tóe, đổ nát của công trình. Sau khi dọn dẹp xong là tạm ổn nhưng ảnh hưởng của nước thải gây ra có thể sẽ lâu dài, nếu đám cháy lớn và lượng nước tiêu thụ nhiều. Do vậy cần có các biện pháp đề phòng, ngăn giữ nước do cứu hoả thải ra.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

⇒ Vì vậy, một công trình trong dự án nếu không có phương án PCCC hoàn chỉnh, cũng trang thiết bị phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn, đủ khả năng đối phó với những tình huống xấu, thì nguy cơ cháy thậm chí cháy sẽ luôn thường trực và có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào.

b) Sự cố tai nạn và ùn tắc giao thông

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ có nhiều phương tiện ra vào, ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện GTVT hoạt động trên các tuyến đường xung quanh. Tai nạn giao thông hoàn toàn có khả năng xảy ra, thiệt hại về người và tài sản. Do đó, tại các điểm giao cắt giao thông này nếu không có các biện pháp tổ chức và quản lý giao thông tốt sẽ làm gia tăng sự cố giao thông và tai nạn giao thông.

c) Sự cố do thiên tai, bão lũ và dịch bệnh

- Các sự cố do thiên tai như: bão, lũ lụt, trượt lở đất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Dự án, để lại các hậu quả về con người và tài sản, đặc biệt là chất lượng của các công trình xây dựng.

- Dự án đối ứng đi vào hoạt động sẽ tập đông người. Khi xảy ra dịch bệnh như: cúm, tiêu chảy cấp, sốt xuất huyết,... sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng, tăng khả năng lây lan nhanh do tập trung đông người.

d) Tác động do sự cố hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước

- Trong trường hợp hệ thống cấp nước bị hư hỏng, chưa kịp thời sửa chữa sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của các hộ gia đình, ảnh hưởng đến hoạt động của trường học, nhà trẻ,...

- Nếu hệ thống thu gom nước mưa bị vỡ, hoặc bị tắc cũng như gặp các sự cố hư hỏng khác sẽ gây ngập úng, nước mưa sẽ tràn ra mặt đường, sân hè hoặc thậm chí gây ngập lụt.

- Trường hợp hệ thống thu gom nước thải bị hư hỏng, nước thải sẽ tràn ra lòng đường, vỉa hè, các khu vực trũng, gây mùi hôi thối, mất cảnh quan đô thị và gây ô nhiễm môi trường.

e) Tác động do sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung

Một số sự cố có thể xảy ra đối với trạm xử lý nước thải tập trung như sau:

Bảng 63. Một số sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân
Tủ điện	Cháy, chập pha	Do chập mạch
	Cháy thiết bị	Bơm, khuấy bị kẹt rác, mất pha.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân
Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc lên yếu.	Bơm ngược chiều
		Nghẹt rác
	Bơm không hoạt động	Cháy bơm, mất pha, CB tắt hoặc quá dòng.
	Nhảy role nhiệt và báo lỗi	Dòng định mức nhỏ hơn công suất bơm
		Bơm ngược chiều
		Nghẹt rác, đóng van hoặc đường ống hỏng
	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều
		Khô dầu mỡ
		Hỏng bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều
		Hỏng van
	Không hoạt động	Máy hỏng
		Quá dòng
Bơm hút, bơm rửa	Không hoạt động	Máy hỏng
		Quá dòng
Phao điện	Đóng mở không đúng thực tế	Phao hỏng
Không hoạt động	Sự cố mất điện	Do bảo trì hệ thống điện lực khu vực.

Các sự cố trên nếu xảy ra đều khiến cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án không hoạt động bình thường, các công đoạn xử lý nước thải sẽ không đạt các quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận cũng như môi trường không khí xung quanh. Ảnh hưởng tới các công nhân vận hành cũng như khu vực dân cư sinh sống trong khu vực dự án và các khu vực dân cư hiện trạng tiếp giáp dự án.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Sau khi kết thúc các nội dung nêu trên, Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao HTKT của dự án cho đơn vị chức năng để quản lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành dự án (sau khi Chủ đầu tư bàn giao HTKT cho đơn vị chức năng) như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Đối với các công trình đất ở sau hoàn thiện, Chủ dự án chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân để tiến hành tự xây dựng theo quy hoạch. Trong lĩnh vực BVMT, các hộ gia đình khi hoàn thiện nhà ở riêng lẻ sẽ không phải lập hồ sơ môi trường song vẫn cần phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoàn thiện.

- Riêng đối với hạng mục trạm XLNT tập trung nằm trên phạm vi dự án, trách nhiệm xây dựng thuộc về Chủ dự án. Sau khi đầu tư xong, và hoàn tất các thủ tục môi trường Chủ đầu tư cũng tiến hành bàn giao hệ thống HTKT của dự án cho đơn vị chức năng quản lý, vận hành, bao gồm cả trạm XLNT.

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

a) Biện pháp giảm thiểu mùi hôi, thối từ hệ thống thoát nước và rác thải

(i). Khống chế mùi hôi, thối từ các khu vực chứa rác thải

- Tại các khu vực công cộng thuộc trách nhiệm đầu tư, Chủ dự án bố trí đủ các thùng thu gom rác thải. Các thùng rác thải có dung tích 100 lít, hình dáng và kích thước phù hợp với kiến trúc đô thị, bố trí dọc các đường giao thông, khoảng cách 100 m/thùng. Hệ thống thu gom rác thải đảm bảo hoạt động ổn định trước khi được bàn giao cho chính quyền địa phương cùng với hệ thống HTKT.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với cơ quan QLNN tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức BVMT cho các đơn vị kinh doanh và các đối tượng có liên quan trong dự án.

- Trách nhiệm quản lý rác thải trên địa bàn: Sau khi xây dựng xong dự án, Chủ dự án bàn giao HTKT cho chính quyền địa phương nên công tác quét dọn, thu gom rác thải tại các khu vực công cộng do chính quyền địa phương đảm nhiệm thông qua hình thức đấu thầu đơn vị cung cấp dịch vụ VSMT.

(ii). Khống chế mùi hôi, thối từ hệ thống thoát nước thải

- Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

- Đậy kín các bể có khả năng gây mùi hôi thối cao và bể chứa bùn thải bằng cách đậy kín bằng các tấm đan bê tông.

- Tại khu vực trạm xử lý nước thải bố trí diện tích đất cây xanh bao xung quanh khu vực trạm xử lý nước thải. Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Phương án đề xuất sử dụng: Đối với hệ thống xử lý nước thải tại của dự án, với đặc thù trạm xử lý nằm trong khu vực có cư dân sinh sống, và đặc trưng nước thải chỉ là nước thải sinh hoạt nên sẽ áp dụng phương án xử lý hóa lý hấp phụ bằng than hoạt tính cho vấn đề xử lý mùi. Kết hợp với hệ thống bể kín (các bể xử lý xây ngầm), tạo ra khả năng thu gom triệt để tất cả các loại mùi phát sinh trong công trình. Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý hấp phụ mùi bằng than hoạt tính từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo đúng quy định pháp luật.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

b) Biện pháp thu gom, xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung

(i). Sơ đồ quy trình xử lý

- Các bể xử lý nước thải được đậy kín bằng tấm đan bê tông cốt thép hoặc nắp tôn, trừ bể hiếu khí và bể khử trùng.

- Tại các bể xử lý có phát sinh mùi hôi thối sẽ bố trí miệng thu gom khí thải trên tường bể (bố cách mép nước khoảng 15cm) để thu gom khí thải. Nước không có khả năng tràn vào miệng thu gom khí thải do được cài đặt van phao cảm biến tự động.

(ii). Thuyết minh quy trình xử lý

Thuyết minh quy trình xử lý khí thải bằng biện pháp hấp phụ bằng than hoạt tính được mô tả như sau:

- Khí thải từ các bể của trạm XLNT tập trung được hút lên hệ thống xử lý khí thải nhờ hệ thống quạt hút, qua các ống dẫn khí và đi vào phía dưới của tháp hấp phụ, theo chiều lực hút khí thải sẽ di chuyển từ phía dưới tháp lên đỉnh của tháp. Khí thải được xử lý bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

- Khi khí thải đi qua lớp vật liệu hấp phụ, các phân tử VOCs, phân tử chất vô cơ bị giữ lại trên bề mặt vật liệu thông qua cơ chế hấp phụ vật lý hoặc hóa học. Do đặc tính xốp của vật liệu, diện tích bề mặt có thể đạt 0,5-2 m²/g đối với vật liệu có lỗ xốp thô. Thậm chí, diện tích bề mặt có thể đạt 10-400 m²/g đối với loại có lỗ xốp bé.

- Tái sinh vật liệu hấp phụ: Sau một thời gian sử dụng, vật liệu hấp phụ có thể được tái sinh bằng cách đốt nhiệt hoặc sử dụng khí hoàn nguyên (như hơi nước nóng), giúp phục hồi khả năng hấp phụ.

- Đường kính ống khí sau tháp khử mùi là ống D140 mm, chiều cao khoảng 5(m) so với mặt nền.

(iii). Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi tại trạm XLNT

Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý mùi tại trạm XLNT tại dự án được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 64. Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý mùi tại trạm XLNT tại dự án

TT	Đặc điểm	Đơn vị	Số lượng
1	Tháp khử mùi - Kích thước: D1500xH3000 (mm) - Vật liệu: SUS304 - Hệ thống đệm phân phối	cái	1,0

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHU**

TT	Đặc điểm	Đơn vị	Số lượng
2	Quạt hút ly tâm: - Điện áp: 380v, - Lưu lượng khí: $Q = 200\text{m}^3/\text{h}$, - Áp suất $H=600\text{-}400\text{pa}$. - Vật liệu khung: Thép CT3	cái	1,0

b) Giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh hoạt động giao thông

- Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án là nguồn không tập trung. Hơn nữa, khu vực Dự án được quy hoạch thông thoáng, diện tích cây xanh được bố trí hợp lý xung quanh Dự án sẽ góp phần làm sạch môi trường. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm và che chắn tiếng ồn, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Xây dựng các biện pháp quản lý giao thông như: sẽ bố trí các bãi đỗ xe hợp lý, khoa học (bãi đỗ xe theo quy hoạch được duyệt), lắp đặt các biển báo hạn chế tốc độ, xây gờ giảm tốc độ,... trên các tuyến đường giao thông nội bộ.

- Xung quanh các tuyến đường ô tô ra - vào, bãi đỗ xe đều được trồng cây xanh để chống bụi và giảm thiểu tiếng ồn. Cây xanh được trồng ven đường giao thông, dải phân cách giữa đường, khoảng cách 4-5 m,...

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án cũng phát sinh lượng bụi như: Xe tải nhỏ, xe gắn máy, xe taxi, sẽ được khắc phục bằng cách vệ sinh sân bãi thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát sinh.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong giai đoạn vận hành dự án

a) Biện pháp thu gom và thoát nước mưa tại dự án

(i). Nguồn tiếp nhận

Nước mưa từ dự án sẽ thoát từ bên trong lô đất và các công trình xây dựng ra ngoài rãnh nắp đan đặt hai bên lề đường, có độ dốc theo độ dốc hiện có của đường giao thông, thoát về tuyến kênh hiện trạng tiếp giáp.

(ii). Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước sử dụng tại dự án là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, trong đó nước mưa được thu gom vào một hệ thống đường ống riêng biệt với nước thải. Nước chảy trong cống theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa của toàn bộ khu vực được phân tán dựa vào hệ thống mặt nước và các vệt tự thủy tự nhiên trong khu vực.

- Hướng thoát nước chính: Nước mưa thoát từ bên trong lô đất và các công

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

trình xây dựng ra ngoài rãnh nắp đan đặt hai bên lề đường có độ dốc lấy theo độ dốc hiện có của đường giao thông.

- Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa dọc theo các tuyến giao thông quy hoạch. Toàn bộ khu vực nghiên cứu là một lưu vực lớn, hướng thoát nước về phía các mặt nước quy hoạch trong khu vực.

- Đoạn rãnh cắt ngang qua đường được thay thế bằng cống tròn có kích thước phù hợp để tạo cảnh quan và giao thông êm thuận;

- Các ga thăm được bố trí tại các vị trí giao cắt của mạng lưới thoát nước, các vị trí thay đổi kích thước, độ dốc và các vị trí chuyển hướng của mạng lưới thoát nước;

- Các hố thu nước được bố trí trên mặt các rãnh và ga thu đảm bảo thu nước từ mặt đường.

- Nắp ga thu, thăm bằng gang cầu hoặc composite thân thiện với môi trường.

- Cống thoát nước mưa được bố trí dưới lòng đường, chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,7m tính từ cao độ mặt đường đến đỉnh cống. Cống thoát nước mưa được bố trí dưới vỉa hè, chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,5m tính từ cao độ mặt hè đến đỉnh cống.

- Bố trí hệ thống ga thu thăm kết hợp để thu nước mưa vào hệ thống cống chính, khoảng cách ga từ 30-50m tùy theo đường kính cống, ngoài ra ga thăm còn được bố trí tại những vị trí cống chuyển hướng.

b) Biện pháp thu gom và thoát nước thải

(i). Nguồn tiếp nhận

- Tuyến kênh tiếp giáp dự án, đang phục vụ mục đích tiêu thoát nước.

(ii). Hệ thống thu gom nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng khỏi hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải từ các hộ dân, các công trình trong khu vực dự án được thu gom và xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn theo hệ thống thoát nước thải riêng và chảy vào tuyến cống chính của dự án để dẫn về trạm xử lý nước thải chung.

- Hệ thống đường cống thoát nước có đường kính thiết kế độ dốc cống $\geq 1/d$, bố trí dọc theo tuyến giao thông để tiện cho quản lý và bảo dưỡng. Độ dốc dọc các tuyến cống thoát nước thải đảm bảo vận tốc tối thiểu rửa trôi của đường cống thoát nước thải.

- Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m đối với cống đặt dưới hè và 0,7m đối với cống đặt dưới đường.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Bố trí ga thăm trên tuyến với khoảng cách tối đa là 30m. Ngoài ra ga thăm còn được bố trí tại những vị trí công đổi hướng hoặc tại 1 số vị trí đặc biệt cần đặt ga thăm để thu nước thải.

- Cống thoát nước thải dưới hè sử dụng cống HDPE gân xoắn 2 lớp.

(iii) Các công trình xử lý sơ bộ nước thải

➤ **Bể tự hoại 3 ngăn**

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn như sau:

- Nước thải qua bể tự hoại 3 ngăn được lắng cặn và lên men cặn lắng (chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ lại trong bể 12 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí, cặn được phân hủy thành các chất khí và khoáng hòa tan. Bùn cặn lên men sẽ định kỳ được chuyển đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30 - 35% theo BOD và 50 - 55% đối với cặn lơ lửng.

- Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua bể lắng 1 sẽ tiếp tục qua bể lắng 2 và 3 trước khi đưa sang hệ thống xử lý tập trung của dự án.

Nguyên lý hoạt động của bể phốt tự hoại 3 ngăn được trình bày tại hình sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Hình 32. Nguyên lý hoạt động của bể phốt tự hoại 3 ngăn



➤ **Tính toán thể tích bể phốt tự hoại điển hình cho mỗi lô đất ở**

Do tính chất của công trình nên bể tự hoại được đặt ở trong mỗi công trình ở. Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$$W_b = W_1 + W_2 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

W_1 - dung tích phần lắng của bể tự hoại

$$W_1 = a \times N \times T_1 / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

a - tiêu chuẩn nước thải của một người trong một ngày lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp, lượng nước sử dụng cho hồ xí, chậu tiểu chỉ bằng 30% lưu lượng sử dụng hàng ngày: $120 \times 0,3 = 40 \text{ l/ng.ngày}$

T_1 - thời gian nước lưu lại trong bể (5 ngày)

N - số người mà bể phục vụ tính trung bình là 4 người

$$W_1 = 40 \times 4 \times 5 / 1.000 = 0,8 \text{ (m}^3\text{)}$$

W_2 - dung tích phần chứa và lên men cặn

$$W_2 = b \times N \times T_2 / 1.000 \text{ (m}^3\text{)}$$

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể của một người trong một ngày = 0,08

T_2 - Thời gian giữa 2 lần hút cặn lấy bằng 720 ngày

$$W_2 = 0,08 \times 4 \times 800 / 1.000 = 0,25 \text{ m}^3$$

Thể tích bể tự hoại tối thiểu (Thể tích bể càng lớn thì càng tốt):

$$W = 0,8 + 0,25 = 1,05 \text{ (m}^3\text{)}$$

➤ **Tham khảo kết quả tính toán**

Kết quả tính toán kích thước bể tự hoại theo số người được nêu trong Giáo trình cấp thoát nước trong nhà và công trình – Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội 2020 như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Bảng 65. Bảng tra kích thước tối thiểu của bể tự hoại xử lý nước thải đen theo số người sử dụng

Số người sử dụng N, người	Chiều cao lớp nước HU, m	Chiều bề rộng bể B, m	Chiều dài ngăn thứ nhất L1, m	Chiều dài ngăn thứ hai L2, m	Dung tích uớt VU, m ³	Dung tích đơn vị, m ³ / người
5	1,2	1,7	1,2	0,6	1,5	0,30
10	1,2	1,0	1,6	0,7	2,8	0,28
15	1,2	1,0	2,7	0,7	4,1	0,27
20	1,4	1,0	2,9	1,0	5,4	0,27
25	1,4	1,4	2,4	1,0	6,8	0,27
30	1,4	1,4	3,1	1,0	8,1	0,27
35	1,4	1,4	3,8	1,0	9,5	0,27
40	1,6	1,4	3,4	1,4	10,8	0,27
45	1,6	1,4	4,0	1,4	12,2	0,27
50	1,6	1,8	3,3	1,4	13,5	0,27
75	1,8	2,0	3,7	1,4	18,5	0,25
100	2,0	2,0	4,4	1,6	24,0	0,24
125	2,0	2,0	5,9	1,6	30,0	0,24
150b	1,8	2 × 2,0	3,7	1,4	36,9	0,25
200	2,0	2 × 2,0	4,1	1,6	45,6	0,23
250	2,0	2 × 2,0	5,2	1,6	54,0	0,22
300	2,5	2 × 2,0	4,3	2,0	63,0	0,21

Nguồn trích dẫn: Giáo trình cấp thoát nước trong nhà và công trình – Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội 2020

Ghi chú: Kích thước bể tự hoại nêu trong bảng là kích thước tối thiểu, không kể kích thước tường và vách ngăn, được tính với lượng nước đen từ khu vệ sinh chảy vào bể tự hoại 30 lít/người/ngày, nhiệt độ trung bình của nước thải là 20°C, chu kỳ hút cặn 3 năm/lần.

⇒ Như vậy, trong mỗi một công trình ở sẽ phải xây dựng bể phốt có thể tích tối thiểu là 1,5-1,6 (m³). Tùy thuộc vào thiết kế của mỗi công trình mà kích thước các bể tự hoại có thể thay đổi song vẫn đảm bảo tối thiểu 1,5m³.

➤ **Tổng hợp các bể tự hoại của các công trình ở**

Tổng hợp các bể tự hoại của các công trình ở (nhà liền kề) được thống kê trong bảng sau:

Bảng 66. Thống kê các các bể tự hoại tại các công trình ở

Hạng mục	Số lượng
Đất nhà ở liền kề	355 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích tối thiểu: 2 m ³ /bể)

➤ **Các biện pháp nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước mưa, nước thải,**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**
các cửa xả

Chủ dự án hoặc đơn vị được bàn giao quản lý hệ thống HTKT của dự án sẽ có trách nhiệm trong công tác nạo vét, khơi thông cống rãnh trên thoát nước mưa, nước thải như sau:

- Tổ chức nạo vét, khơi thông cống rãnh trước mùa mưa hàng năm và định kỳ 1 tháng/lần trong mùa mưa.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra để duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời các hư hỏng của hệ thống thoát nước mưa, nước thải và các cửa xả ra các kênh mương tiếp nhận nước thải từ dự án.

c) Trạm xử lý nước thải tập trung

(i). Lựa chọn công suất

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ 421 lô đất ở và đất nhà văn hóa, được xác định trên cơ sở lưu lượng nước cấp.

♣ Trạm xử lý nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải phải xử lý: $193,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Chọn hệ số không điều hòa của dự án là $k=1,3$ lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của dự án là:

$$193,2 \times 1,3 = 251,18 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Lý do chọn $k=1,3$ như sau:

- Theo mục 5.2 TCVN 13606:2023 Hệ số không điều hòa $k = 1,2 \div 1,4$, báo cáo lựa chọn $k = 1,3$ (hệ số trung bình) để tính toán lưu lượng nước thải phát sinh của dự án.

- Tính chất của dự án là đất ở dân cư lâu dài nên lựa chọn $k=1,3$ là hợp lý do vùng dự án sẽ về sau được nâng cấp đô thị, đời sống dân cư ngày một tăng cao dẫn đến nhu cầu sử dụng nước sẽ tăng lên.

→ Vì vậy, áp dụng hệ số $k=1,3$ cũng để dự phòng cho trạm XLNT của dự án trong tương lai mà không cần phải mở rộng, tăng công suất.

Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải công suất $Q = 255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Trạm XLNT được chia thành 02 line tại công đoạn xử lý sinh học (Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR1 → Bể hiếu khí + MBBR2 → Bể lắng) với công suất mỗi line là: 125 và 130 $\text{m}^3/\text{ng.đêm/line}$. Việc đầu tư 02 line xử lý trong công đoạn xử lý sinh học sẽ đảm bảo xử lý nước thải trong giai đoạn đầu khi ít dân cư đến sinh sống không bị non tải khi đầu tư 01 module xử lý lớn cho toàn bộ công suất 255 $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Quá trình dân cư lấp đầy sẽ vận hành tiếp 01 line xử lý còn lại, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án

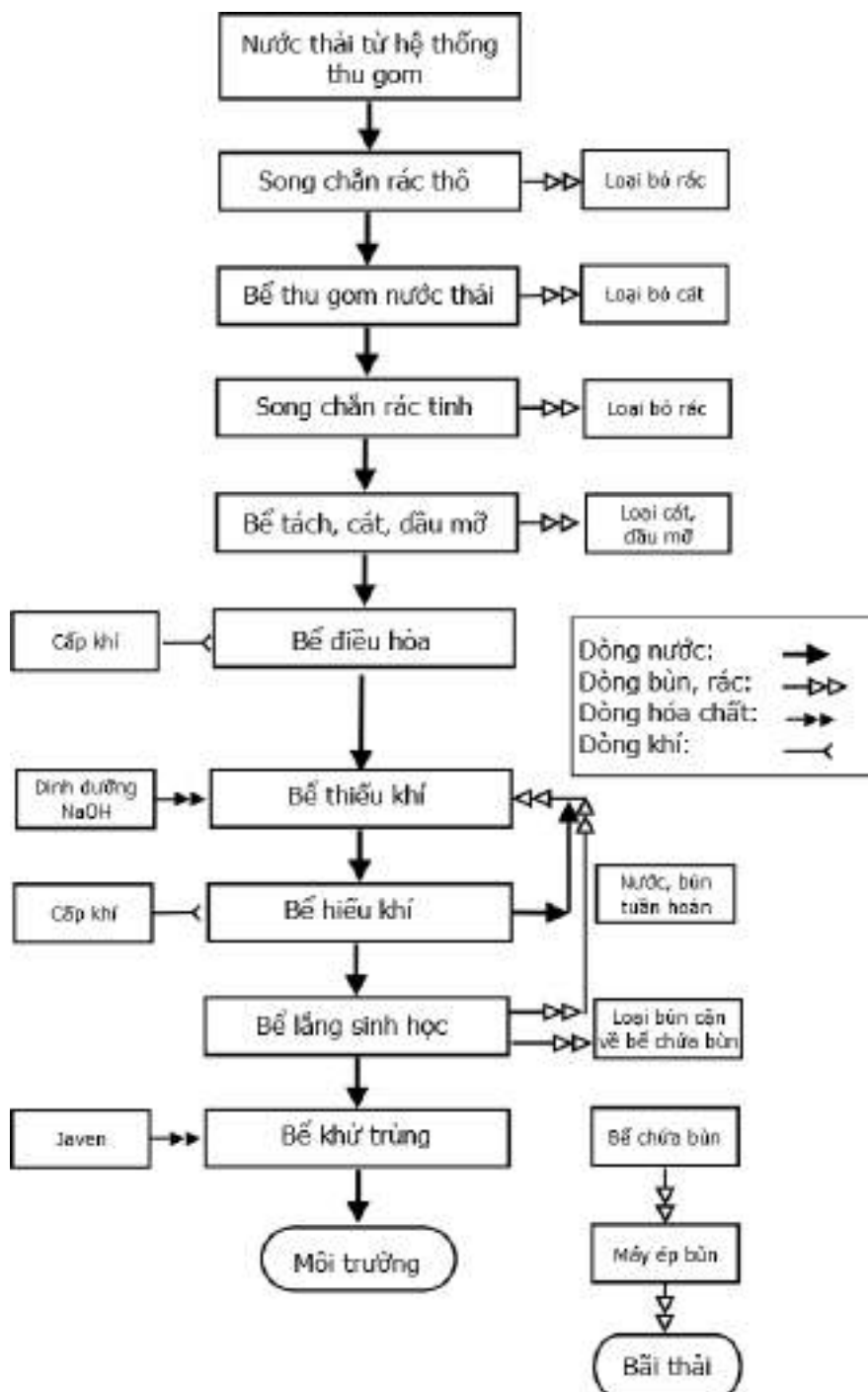
Công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt đã được xử lý sơ bộ qua tự hoại được đưa về trạm xử lý nước thải sử dụng công nghệ Anoxic Oxid (AO) kết hợp giá thể MBBR.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

(ii). Quy trình công nghệ XLNT sinh hoạt

Quy trình công nghệ xử lý được mô tả trong hình sau:

Hình 33. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải



Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

Với đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học; thành phần bã thải lớn; thành phần dinh dưỡng N, P cao; các chất kìm hãm quá trình phát triển của vi sinh vật thấp. Dựa trên các yếu tố đó công nghệ được xây dựng tập trung vào các công đoạn xử lý chính đó là: Xử lý thiếu, hiếu khí bằng bùn hoạt tính và khử trùng.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

Qua đó, quy trình công nghệ đưa ra như hình 1 dựa trên các quá trình cơ bản sau:

- + Quá trình bùn hoạt tính (diễn ra trong ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí kết hợp đệm vi sinh MBBR);
- + Quá trình lắng bùn (diễn ra trong ngăn lắng);
- + Quá trình phá huỷ tế bào vi sinh vật gây hại (diễn ra tại bể khử trùng).

Tại bể thu gom nước thải được tác rác thô, rồi bơm chuyển qua quá trình tách rác tinh, tách cát, tách dầu mỡ trước khi chảy vào bể điều hòa.

Tại bể điều hòa các nguồn nước thải được trộn lẫn ổn định lưu lượng, thành phần trước khi đưa vào hệ thống xử lý xử lý sinh học tiếp theo. Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trong bể có đặt 2 bơm chìm để bơm nước sang bể thiếu khí. Ngoài ra, trong bể còn đặt phân phối khí để thổi khí khuấy trộn đều lượng nước trong bể cũng như xử lý sơ bộ các chất hữu cơ. Máy thổi khí cấp cho bể điều hòa dùng chung cả hệ thống xử lý hiếu khí. Nước thải từ bể điều hòa được bơm công nghệ đưa sang bể xử lý vi sinh, đây là công đoạn quan trọng nhất trong quá trình xử lý nước thải.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí, nhờ vi sinh vật hô hấp thiếu khí mà các chất hữu cơ trong nước thải được phân hủy một phần, đặc biệt là N, P; sau đó nước thải được chảy sang bể hiếu khí kết hợp MBBR.

Tại bể thiếu khí: Khử nitơ tổng thông qua quá trình thiếu khí, ở đây NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được nitơ trong Nước thải. Bể được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí. Nước tuần hoàn và bùn hoạt tính sẽ được bơm về bể thiếu khí bổ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết.

Tại bể bể hiếu khí có giá thể vi sinh MBBR để giảm được nồng độ chất hữu cơ, nước thải được xử lý hiếu khí trong bể MBBR. Trong bể có đặt hệ thống giá thể vi sinh di động làm chỗ cho các vi khuẩn hiếu khí dính bám, sinh trưởng và tiêu thụ chất hữu cơ có trong nước thải. Để quá trình này diễn ra, các vi khuẩn cần được cung cấp Oxy liên tục bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí. Bể được cấp khí bằng hệ thống máy thổi khí. Dàn ống phân phối khí hạt mịn vật liệu màng sẽ cung cấp oxy cho các vi sinh vật. Không khí bọt mịn đi qua đĩa phân phối khí tinh và đi từ dưới lên. Nước thải sau khi đi qua lớp giá thể vi sinh di động, vi khuẩn dính bám sẽ tiêu thụ chất hữu cơ có trong nước và làm sạch nước. Bể hiếu khí có giá thể vi sinh di động (bể MBBR) sẽ xử lý các chất hữu cơ và nitơ có trong nước thải. Giá thể vi sinh, là nơi các vi khuẩn trú ngụ, phát triển và tiêu thụ các chất dinh dưỡng có trong nước thải. Trong bể còn có các thiết bị phân phối khí tạo điều kiện cho các vi khuẩn hiếu khí hoạt động. Dòng nước sau khi được xử lý ở bể MBBR, amoni trong nước thải đã được chuyển hóa hoàn toàn thành NO_3^- , sẽ được tuần hoàn về đầu bể thiếu khí để khử Nitơ.

Sau khi qua bể MBBR, nước thải vẫn còn hàm lượng chất rắn lơ lửng. Vì vậy, nước thải sẽ được dẫn qua bể lắng. Bể lắng lamen được thiết kế bao gồm hệ

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

thống tấm lắng lamen giúp tăng hiệu quả lắng. Tại đây, nước thải được xáo trộn với các vi sinh vật hiếu khí nhờ hệ thống cấp không khí. Quá trình này tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Trong quá trình tiếp xúc đó, vi sinh vật hiếu khí lấy các chất ô nhiễm có trong nước thải (COD, BOD, Nitơ, photpho, kim loại nặng,...) làm thức ăn của chúng, làm tăng sinh khối và kết thành các bông bùn. Quá trình oxy hóa $\text{NH}_4 \rightarrow \text{NO}_3$ diễn ra tại ngăn này.

Tại đây dưới sự tác động của sinh vật hiếu khí, và hệ thống phân phối khí trong bể các chỉ tiêu COD, BOD được xử lý hiệu quả 92 – 98% làm tăng chỉ số oxy hòa tan trong nước (DO). Mức duy trì chỉ số DO trong ngăn Oxid luôn ở mức 1,5 – 2 mg/l.

Giai đoạn xử lý hiếu khí là công đoạn xử lý triệt để các thành phần hữu cơ có trong nước thải. Hệ thống sục khí không chỉ có nhiệm vụ cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động mà còn có vai trò khuấy trộn dòng nước tăng khả năng tiếp xúc của bùn hoạt tính. Ngoài ra, để tăng khả năng tiếp xúc giữa bùn hoạt tính với nước thải và giảm thể tích khối bể xử lý; tại đây được bổ sung vật liệu mang vi sinh. Vật liệu mang được lựa chọn có bề mặt nhám của đệm vi sinh là 350-410m²/01m³ đảm bảo diện tích bề mặt, khả năng dính bám của vi sinh vật được phát huy tối đa và có độ bền cơ học trong môi trường nước thải cao.

Sau khi qua các ngăn xử lý bằng bùn hoạt tính, nước lẫn bùn được phân phối vào ngăn lắng; tại đây, nhờ trọng lực của bông cặn, hỗn hợp thải được phân ly ra làm ba pha riêng biệt (pha bùn cặn, pha huyền phù, pha nước trong). Do đó, việc phân tách hoàn toàn thể rắn và nước trong ra hai pha tách biệt; các hạt huyền phù, bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ dễ dàng lắng xuống đáy.

Nước thải sau khi được phân tách phần nước trong tiếp tục được đưa sang bể khử trùng. Tại đây, nước thải được châm clo khử trùng để loại bỏ vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform, để loại trừ khả năng lan truyền các vi sinh gây hại ra ngoài môi trường. Trong bể khử trùng có các tường ngăn hướng dòng làm cho dòng nước bị xáo trộn.

Hóa chất khử trùng là dung dịch Javen, liều lượng Javen cho vào nước để khử trùng là 3g/m³.

Nước thải sau khử trùng hoàn toàn đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn thải ra môi trường (QCVN14:2025/BTNMT).

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung nên hoàn toàn phù hợp.

Vị trí đặt trạm xử lý tại khu đất XLNT theo quy hoạch tổng mặt bằng dự án khu đất, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo điểm d số thứ tự 2 bảng 2.22 là 15m (*Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom, xử lý mùi*) tại QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng là 15m.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Khi dự án mới đi vào hoạt động, do lượng nước thải phát sinh ít khi đó hệ thống sẽ hoạt động ở mức non tải để phù hợp với lượng nước thải phát sinh đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn. Quy trình thực hiện như sau:

- Bước 1: Người vận hành kiểm tra ghi chép lưu lượng nước thải đầu vào ($\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$), lưu lượng nước thải sẽ được điều tiết ổn định tại bể điều hòa.

- Bước 2: Bơm bể điều hòa hoạt động theo tín hiệu của phao định mức và lựa chọn cho chế độ hoạt động đủ công suất. Vì vậy người vận hành phải mở van xả hồi lưu nước thải đảm bảo thời gian hoạt động của máy bơm; Máy thổi khí vẫn phải hoạt động luân phiên, liên tục để cung cấp lượng oxy cho vi sinh vật (trừ hệ thống xử lý nước thải có thiết kế thiết bị đo DO, máy thổi khí sẽ hoạt động theo tín hiệu của thiết bị đo DO); Đường bùn hồi lưu về bể chứa bùn thời gian đầu sẽ được đóng hoàn toàn để bổ sung vi sinh từ bể hiếu khí về bể thiếu khí;

- Bước 3: Bổ sung hóa chất tính toán theo lưu lượng bơm bể điều hòa sang bể thiếu khí;

- Bước 4: Hằng ngày lấy mẫu, kiểm tra hàm lượng vi sinh tại bể hiếu khí, chỉ số SV30 tại bể lắng.

- Bước 5: Định kỳ lấy mẫu nước thải sau xử lý để phân tích để có hiệu chỉnh kịp thời.

- Bước 6: Ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

* Vận hành hệ thống xử lý nước thải ở chế độ đủ tải:

+ Vận hành theo hướng dẫn vận hành của đơn vị thi công hệ thống xử lý sau khi xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

+ Thời gian đầu trong giai đoạn 1 của dự án dân số ít chỉ thiết kế 1 module sẽ vận hành theo thiết kế của trạm, thu gom nước thải và vận hành theo hướng dẫn.

+ Quá trình vận hành 2 module: Cài đặt bơm và phao định mức để bơm nước thải về 2 module lần lượt song song đảm bảo 2 module luôn được vận hành song song.

Do đặc thù dự án phát triển hạ tầng khu dân cư nên thời gian đầu lượng dân cư về khu vực dự án có thể ít, chưa tập trung số lượng lớn nên việc đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải tổng công suất là $255 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ là lãng phí, khó vận hành hay phải vận hành non tải. Để giải quyết vấn đề trên hệ thống xử lý nước thải sẽ được thiết kế 2 line tại công đoạn xử lý, đảm bảo vừa thu gom xử lý nước giai đoạn đầu chưa tập trung dân cư, vừa dễ dàng vận hành và bảo trì khi hệ thống gặp sự cố.

(iii). Phương án quản lý bùn thải từ trạm XLNT

Do tính chất của công trình là dự án là khu đô thị nên nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt và vì vậy, bùn thải từ trạm XLNT sẽ không phải là CTNH. Công tác quản lý bùn thải loại này sẽ được thực hiện tương tự như CTR thông thường. Bùn thải sau khi tách nước sẽ được chuyển sang bể chứa bùn. Đơn

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

vị vận hành quản lý sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải cũng như bùn thải từ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*hệ thống cống thu gom thoát nước mưa và cống thu gom thoát nước thải*).

3.2.2.3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do CTR

a) Các biện pháp phân loại rác tại nguồn

Để phục vụ cho công tác phân loại rác thải nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020, Dự án sẽ áp dụng các biện pháp phân loại rác tại nguồn như sau:

Công tác phân loại CTRSH phát sinh từ hoạt động của Dự án sẽ được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 2/11/2023 của Bộ TNMT. CTRSH được nhận diện và phân loại chi tiết như sau:

Hình 34. Hướng dẫn nhận diện và phân loại CTRSH tại dự án

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
Nhóm 1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế			
1.1	Giấy thải		
1.1.1	Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy.		- Loại bỏ nước, dung dịch chứa bên trong. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.1.2	Sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết,...; Thùng, bìa carton; Lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,...; Các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.		- Loại bỏ thực phẩm, sản phẩm chứa đựng ban đầu. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.2	Nhựa thải		
1.2.1	Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có		- Tháo nắp, loại bỏ nước, dung dịch hoặc sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
	thành phần nguy hại).		
1.2.2	Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; Ly, cốc nhựa.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong.
1.3	Kim loại thải		
1.3.1	Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gom, giảm kích thước, thể tích.
1.3.2	Đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, đĩa,...; Các loại vật dụng kim loại thải khác.		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.4.	Thủy tinh thải		
1.4.1	Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn, hạn chế va đập, gây vỡ.
1.4.2	Bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; tái sử dụng với đồ vật còn nguyên vẹn.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
1.4.3	Thủy tinh thải khác.		Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.5	Vải, đồ da		
1.5.1	Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,...(không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tái sử dụng đối với các đồ vật sạch. - Thu gọn.
1.6	Đồ gỗ		
1.6.1	Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,...bằng gỗ.		- Tái sử dụng đối với vật dụng còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với các vật dụng đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.	Cao su		
1.7.1	Đồ chơi bằng cao su.		- Tái sử dụng đối với đồ chơi còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với đồ chơi đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.2	Săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.		Bó gọn.
1.8	Thiết bị điện, điện tử thải bỏ		

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
1.8.1	Các thiết bị điện, điện tử nhỏ như: máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính toán cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,...		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
1.8.2	Các thiết bị điện, điện tử lớn như: máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,... Tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,...		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
Nhóm 2: Chất thải thực phẩm			
2.1	Thức ăn thừa; Thực phẩm hết hạn sử dụng.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,...kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
2.2	Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,...kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
Nhóm 3. Chất thải rắn sinh hoạt khác			
3.1	Chất thải nguy hại		

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.1.1	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,...từ hoạt động sinh hoạt; Sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); Găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; Kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh.	  	- Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì... để an toàn, tránh phát tán CTNH ra ngoài môi trường. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.2	Các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải.		- Không đập vỡ. - Trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.3	Các loại pin, ắc quy thải.		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
3.2.	Chất thải cồng kềnh		
3.2.1	Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng,...	 	Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.2.2	Tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.
3.2.3	Cành cây, gốc cây,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3	Chất thải khác còn lại		
3.3.1	Vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu,...từ hoạt động sinh hoạt. Chiếu cói; chiếu tre, trúc; gối mây, tre,...; Lông gia súc, gia cầm,...; Bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, lõi ngô (cùi bắp),...; Chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3.2	Phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,...		Chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.3.3	Tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khăn trang,...; Các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,...; Bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ răng; Vỏ thuốc,...		Thu gom, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.4	Giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; Bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,...; Các loại nhựa thải khác.		Bó gọn.
3.3.5	Vỏ cứng các loài thủy hải sản; Xi than từ hoạt động sinh hoạt,...; Gốm, sành, sứ thải...		Thu gom, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.6	Các loại chất thải còn lại.		Bó gọn.

- Chất thải thực phẩm: Bố trí thùng màu xanh, có sơn hướng dẫn trên thùng tại các vị trí dễ nhìn. Thùng này sẽ thu gom rác thải ở các loại sau: rau, củ, hoa quả, thức ăn thừa. Rác thải từ thùng này có thể sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc xử lý như CTR sinh hoạt.

- CTR có thể tái chế, tái sử dụng (không nguy hại): Bố trí thùng màu vàng, lưu giữ các loại rác gồm: cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa, nilon,... Rác thải từ thùng này có thể bán các đại lý thu gom, các cơ sở tái chế nhựa, giấy hoặc ký hợp đồng với các đơn vị được cấp phép tái chế.

- CTRSH khác: Bố trí thùng màu cam/màu đỏ và ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để thu gom và xử lý chất thải này.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Phổ biến cho người dân khu vực dự án thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị cho công tác phân loại rác thải tại nguồn như: Thùng đựng rác có ký hiệu riêng, bảng hướng dẫn, nội dung. Tuy nhiên, mục đích phân loại rác thải tại nguồn như trên là rất khó thực hiện. Kết quả này phụ thuộc chính là ý thức của dân cư.

b) Biện pháp thu gom và xử lý CTRSH

Lượng chất thải này chứa chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, sẽ không gây nguy hại với môi trường nếu có biện pháp xử lý thích hợp. CTRSH của Dự án được chứa trong thùng nhựa có nắp đậy kín được bố trí ngay tại các nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp) và sẽ được thu gom.

- Đối với các trục đường chính hoặc nơi công cộng đặt các thùng rác nhỏ, trên đường các thùng rác cách nhau khoảng $100 \div 150$ m để thuận tiện bỏ rác. Dự báo sẽ sử dụng 50 thùng rác có dung tích 300 lít và 50 thùng rác công cộng loại 40 lít cho toàn dự án.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng hoặc đề nghị đơn vị chức năng ký hợp đồng với từng hộ gia đình, chủ thể phát sinh rác thải để vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt tại nơi quy định.

- Tần suất thu gom CTR sinh hoạt: Tối thiểu 1 ngày/lần.

c) Thu gom CTR từ khu vực công cộng

Ở các khu vực công cộng như: công viên, đường nội bộ,... sẽ trang bị các thùng rác cục bộ, tùy theo lượng người và lượng rác thải có thể bố trí các thùng rác chuyên dụng, thùng rác phải đúng qui định, có nắp đậy để tránh gây vung vãi rác, thuận tiện cho việc bỏ rác vào cũng như lấy rác đi, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân vệ sinh thu gom hàng ngày.

d) Điểm tập kết CTR

- Áp dụng hình thức thu gom bên lề đường theo khung giờ cố định nên tại khu vực dự án, không bố trí các điểm tập kết rác thải.

- Các xe thu gom đầy tay khi đầy sẽ được đổ thẳng lên các xe vận chuyển rác thải chuyên dụng và chuyển thẳng ra khu xử lý tập trung.

- Điểm đổ rác thải từ các xe đầy tay sang các xe chở rác chuyên dụng có thể linh hoạt lựa chọn tùy theo hiện trạng đảm bảo các yêu cầu: cách xa khu vực dân cư/cơ quan,.. đảm bảo không gây tắc nghẽn giao thông.

3.2.2.4. Biện pháp quản lý CTNH

- Do đặc thù của dự án chỉ là đầu tư xây dựng các công trình HTKT, các công trình xây dựng dân dụng nên biện pháp quản lý CTNH như sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

+ Đối với khu dân cư: Rất khó để yêu cầu dân cư phân loại CTNH khi vứt rác thải. Chủ dự án cùng với chính quyền địa phương sẽ tuyên truyền, vận động dân cư phân loại CTNH, không vứt cùng với CTRSH. Biện pháp quản lý CTNH trong khu dân cư cũng sẽ được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

+ Đối với các công trình công cộng: Các Nhà đầu tư thứ cấp có trách nhiệm quản lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật về phân loại, lưu giữ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có đủ chức năng. Trong phạm vi mỗi công trình sẽ có kho lưu giữ CTNH theo quy định.

- Biện pháp quản lý CTNH từ các hoạt động chăm sóc cây xanh: Công tác quản lý hệ thống HTKT (có hạng mục cây xanh) cho chính quyền địa phương (hoặc đơn vị khác) quản lý thì công tác quản lý CTNH từ hoạt động chăm sóc cây xanh cũng do chính quyền địa phương hoặc đơn vị được giao chăm sóc cây xanh thực hiện. Phương án quản lý được trình bày như sau:

+ Thu gom: Đề thu gom rác thải nguy hại, Dự án có thùng chứa đặt tại khu vực lưu giữ rác thải nguy hại của dự án để những người làm nhiệm vụ chăm sóc cây dễ dàng đem các vỏ chai lọ, bao bì thuốc BVTV bỏ vào các thùng này. Vị trí này sẽ được đặt tại kho lưu giữ CTNH của khu đặt trạm XLNT của dự án.

+ Chất thải nguy hại trong quá trình vận hành Trạm xử lý nước thải cũng được thu gom về kho chứa CTNH trong phạm vi trạm xử lý nước thải.

+ Lưu giữ: Kho chứa CTNH tại trạm xử lý nước thải bằng các thùng chứa kín, có nắp đậy đóng mở dễ dàng, bên ngoài có ghi dán nhãn theo đúng quy định, có diện tích là 12m², có gờ cao 30cm để phòng tràn đổ CTNH lỏng ra bên ngoài, có trang thiết bị PCCC, tường bao, mái che mưa, biển báo nguy hại và nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ lại gần.

+ Vận chuyển, xử lý: Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chăm sóc cây xanh (có thể là chính quyền địa phương hoặc đơn vị khác) sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH để đến thu gom các vỏ chai lọ, bao bì thuốc BVTV từ các thùng rác này đưa đi xử lý theo đúng quy trình xử lý CTNH theo định kỳ hoặc theo thời vụ tùy vào khối lượng.

3.2.2.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến các yếu tố KT-XH

a) Các biện pháp giảm thiểu các tác động xã hội

Dự án khi đi vào vận hành sẽ thu hút đông người đến ở (1.700 người) và một lượng lớn khách vãng lai đến nên công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài dự án sẽ được coi trọng. Để đạt được mục tiêu trên, Chủ dự án hoặc đơn vị được bàn giao quản lý sẽ thực hiện biện pháp sau:

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - bảo vệ môi trường
- ứng xử văn hóa trong phạm vi dự án.

- Tổ chức đội bảo vệ để giữ gìn an ninh trật tự, hướng dẫn người điều khiển các giao thông, cấm bán hàng rong,...

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.
- Không lấn chiếm, tận dụng vỉa hè cho các mục đích đỗ xe, kinh doanh, quảng cáo,...

b) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Không tổ chức lấn chiếm lòng đường, vỉa hè để đỗ xe, trông giữ xe.
- Tổ chức lực lượng đảm bảo an toàn và hướng dẫn giao thông tại khu vực dự án và khu vực xung quanh bằng hệ thống các biển hiệu. Nghiêm cấm việc để xe không đúng nơi quy định, gây ùn tắc giao thông.

3.2.2.6. Biện pháp trồng và chăm sóc cây xanh

Nhà đầu tư sẽ thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án đã được phê duyệt tại quy hoạch

3.2.2.7. Tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự cho toàn bộ các hộ dân cư và cán bộ, nhân viên trong Dự án.

- Chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý tại khu vực Dự án.
- Quy định nội quy rõ ràng tại khu vực Dự án.
- Liên hệ chặt chẽ với công an khu vực để phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực Dự án.

3.2.2.8. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn vận hành

a) Phòng chống sự cố cháy nổ

- Dự kiến bố trí các họng cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư và gần các công trình công cộng tạo điều kiện thuận lợi cho xe cứu hỏa lấy nước khi cần thiết, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính D100 mm và khoảng cách trung bình giữa các họng cứu hỏa khoảng 150 mm.
- Các họng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường quy hoạch.
- Bên trong các công trình cần được thiết kế phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.

b) Phòng chống tai nạn giao thông

- Quy hoạch các điểm đầu nối hợp lý.
- Phân luồng giao thông, sắp xếp thời gian hoạt động của các xe cộ ra - vào

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

hợp lý, tránh tập trung đông tại một thời điểm,

- Xây dựng quy trình kiểm tra, phối kết hợp giữa các cơ quan QLNN.

c) Biện pháp phòng chống và ứng cứu khi sự cố vỡ hệ thống thu gom nước thải

- Ống vận chuyển nước thải bản sẽ sử dụng ống nhựa HDPE. Ống nhựa HDPE có khả năng chịu nhiệt, chịu va đập rất tốt và có tuổi thọ rất cao.

- Chính quyền địa phương hoặc đơn vị được giao quản lý hệ thống thoát nước thải này sẽ cắt cử người thường xuyên kiểm tra hoạt động của tuyến ống.

d) Sự cố vỡ đường ống cấp nước

- Đường ống dẫn nước sẽ có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là thường xuyên phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý kịp thời.

e) Sự cố các trạm biến áp

- Khi lắp đặt trạm biến áp phải đảm bảo khoảng cách an toàn đến công trình và các đối tượng xung quanh.

- Chủ dự án sẽ bàn giao các trạm biến áp cho ngành điện quản lý và vận hành.

- Đơn vị quản lý trạm biến áp vận hành theo đúng quy trình riêng của ngành điện, kịp thời sửa chữa, thay thế

f) Sự cố trạm XLNT tập trung

(i). Các biện pháp phòng ngừa

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố có thể xảy ra, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Cắt cử nhân viên giám sát chặt chẽ hoạt động của HTXLNT.

- Bố trí cán bộ chuyên môn phụ trách và tuân thủ nghiêm ngặt trình tự vận hành hệ thống, cụ thể:

- + Chuẩn bị trước khi vận hành: Trước khi vận hành hệ thống, yêu cầu cán bộ phụ trách kiểm tra đầy đủ các điều kiện sau đây:

- + Kiểm tra nguồn điện cấp cho tủ điện, nguồn điện cấp cho các thiết bị.

- + Kiểm tra độ an toàn của thiết bị: loại bỏ các vật thể có thể làm ảnh hưởng tới quá trình hoạt động của thiết bị.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

+ Kiểm tra hoạt động của các thiết bị bảo vệ...

+ Hiểu rõ nguyên lý, chức năng hoạt động của các hạng mục công trình và các thiết bị có trong hệ thống XLNT.

- Công tác vận hành:

- Kiểm tra hệ thống tủ điện điều khiển. Nếu thấy đèn báo lỗi và còi báo sự cố phải xử lý ngay.

+ Kiểm tra nguồn điện cấp cho tủ điện điều khiển và hệ thống các đèn báo hiệu trên tủ điện. Đảm bảo các đèn báo hiệu hệ thống tủ điện hoạt động bình thường.

+ Kiểm tra hóa chất tại hệ thống bồn hóa chất. Nếu đã hết cần pha bổ sung.

+ Kiểm tra phao và bơm.

+ Kiểm tra tình trạng của các thiết bị bao gồm: Máy thổi khí, máy bơm nước thải, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy.

+ Kiểm tra tình trạng các van điều khiển trên hệ thống đường ống cấp nước thải, đảm bảo các van đóng/mở bình thường.

+ Kiểm tra tình trạng các van điều khiển trên hệ thống đường ống cấp khí, đảm bảo các van đóng/mở bình thường.

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống để kịp thời phát hiện những thiết bị có khả năng bị hỏng hóc, cụ thể như sau:

- Vệ sinh hệ thống

+ Hàng ngày, cần thực hiện vệ sinh thiết bị của hệ thống. Các thiết bị cần vệ sinh chủ yếu là các thiết bị như bơm nước thải, máy thổi khí, bơm hút, bơm rửa, phao mực nước và tủ điện...

+ Vệ sinh các thiết bị máy móc: chủ yếu là lau chùi bụi trên các thiết bị, giữ cho thiết bị được sạch sẽ, khô ráo.

+ Vệ sinh các phao mực nước: công việc kiểm tra là xem các phao có bị đứt dây hoặc bị rối không. Nếu có, cần sửa chữa kịp thời để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt.

+ Toàn bộ mặt bằng hệ thống luôn đảm bảo sạch sẽ và an toàn.

- Bảo trì thiết bị

Công tác bảo trì thiết bị của hệ thống XLNT tập trung được trình bày trong bảng sau:

Bảng 67. Công tác bảo trì thiết bị của hệ thống XLNT tập trung

TT	Thiết bị	Công việc thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phao tín hiệu	Vệ sinh phao	1 tuần/lần
2	Đồng hồ áp	Vệ sinh	1 tuần/lần
3	Bơm chìm	Vệ sinh, kiểm tra cánh bơm	Khi giảm lưu lượng

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Thiết bị	Công việc thực hiện	Thời gian thực hiện
		Kiểm tra dầu nổi dây điện vào bơm	1 tháng/lần
4	Máy thổi khí	Vệ sinh bên ngoài	2 ngày/lần
		Thay nhớt máy (40-SAE hoặc 50-SAE)	3 tháng/lần
		Thay dây cua roa	6 tháng/lần
5	Bơm hút, bơm rửa	Vệ sinh bên ngoài bơm	2 ngày/lần
6	Thiết bị trên tủ điện	Vệ sinh bề mặt tủ điện	3 ngày/lần
		Kiểm tra tất cả các thiết bị gắn trên tủ điện	3 ngày/lần
		Thay thế thiết bị hỏng	Chỉ thay thế khi phát hiện sự cố trên tủ điện

ii) Các biện pháp ứng phó khi có sự cố

➤ **Sự cố về máy móc thiết bị**

Các sự cố máy móc thiết bị có thể xảy ra trong quá trình vận hành trạm XLNT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 68. Tóm tắt các sự cố máy móc thiết bị có thể xảy ra

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
Tủ điện	Cháy, chập pha	Do chập mạch	Tắt khẩn khi xảy ra chập pha.
	Cháy thiết bị	Bơm, khuấy bị kẹt rác, mất pha.	Tắt thiết bị, đo điện, nếu bình thường, bật thiết bị trở lại và đo dòng hoạt động, điều chỉnh role nhiệt thích hợp. Nên chỉnh role nhiệt gần đúng giá trị thực tế vận hành để bảo vệ thiết bị.
Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc lên yếu.	Bơm ngược chiều	Đổi pha và kiểm tra dòng Ampe
		Nghẹt rác	Vệ sinh bơm
	Bơm không hoạt động	Cháy bơm, mất pha, CB tắt hoặc quá dòng.	Kiểm tra và sửa chữa, thay thế
	Nhảy role nhiệt và báo lỗi	Dòng định mức nhỏ hơn công suất bơm	Tăng giá trị trên role nhiệt
		Bơm ngược chiều	Đổi pha
		Nghẹt rác, đóng van hoặc đường ống hỏng	Kiểm tra các van đã mở chưa, vệ sinh bơm thường xuyên

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra và khắc phục
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều	Đổi pha
		Khô dầu mỡ	Bổ sung dầu mỡ
		Hỏng bạc đạn	Thay bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều	Đổi pha
		Hỏng van	Kiểm tra van và thay thế
	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
		Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.
Bơm hút, bơm rửa	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
		Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.
Phao điện	Đóng không đúng thực tế	Phao hỏng	Thay phao
Không hoạt động	Sự cố mất điện	Do bảo trì hệ thống điện lực khu vực.	Bố trí 01 máy phát điện dự phòng đảm bảo khả năng chịu tải và vận hành của HTXL nước thải.

- Trong trường hợp bị mất điện, đơn vị vận hành trạm XLNT sẽ thuê máy phát điện dự phòng có công suất 30Kw để vận hành trạm XLNT.

g) Lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Chủ dự án sẽ thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.3.1. Danh mục các công trình xử lý môi trường

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện khi thực hiện Dự án được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 69. Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
I	<i>Giai đoạn san nền và thi công xây dựng</i>	
1	Trang bị 03 nhà WC lưu động phục vụ công trường (Bể chứa nước tiểu, phân bùn 5 m ³)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
2	Xây dựng 01 trạm rửa xe công trường tại 1 cổng ra vào chính của công trường (kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
3	Xây dựng kho chứa CTRTT trên công trường (diện tích 20m ² , nền xi măng, rãnh thu gom nước mưa xung quanh, tường bao bằng lưới B40, mái tôn)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
4	Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại tạm trên công trường (diện tích 12m ² , rãnh thu gom nước mưa xung quanh, tường bao bằng lưới B40, mái tôn)	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
5	Xây dựng 01 bể lắng đất cát: 01 bể có dung tích 12m ³ để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe và để lắng nước thải thi công	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
6	Đặt 3 thùng ben để thu gom phế thải xây dựng	Xây dựng và sử dụng trong quá trình thi công từ quý I/2026 đến quý IV/2026 (12 tháng) (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng nếu công trình bị kéo dài thời gian thi công)
II	<i>Giai đoạn vận hành</i>	
1	Xây dựng các bể 3 ngăn xử lý NTSH tại các công trình xây dựng và các bể tách dầu mỡ tại khu vực bếp	- Giai đoạn vận hành khi các hộ dân tự triển khai xây dựng sau khi đã đấu giá các lô đất và đi vào xây dựng để ở.
2	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
3	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027
4	Trạm XLNT tập trung, công suất 430 m ³ /ng.đêm ; kèm theo hệ thống thu gom và xử lý mùi đồng bộ	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027
5	Trồng cây xanh	- Xây dựng xong trước tháng 12/2026 - Vận hành thử nghiệm từ tháng 1/2027 đến hết tháng 6/2027 - Vận hành chính thức từ tháng 7/2027

3.3.2. Tóm tắt kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

3.3.2.1. Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT

Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT khi thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 70. Kinh phí thực hiện các công trình bảo vệ môi trường (Tạm tính)

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
I	Giai đoạn thi công xây dựng Dự án (A)	đồng	160.000.000
1	Trang bị 03 nhà WC lưu động phục vụ công trường (Bể chứa nước tiểu, phân bùn 5 m ³)	đồng	80.000.000
2	Xây dựng 01 trạm rửa xe công trường tại cổng của công trường (kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát)	đồng	20.000.000
3	Xây dựng kho chứa CTRTT trên công trường	đồng	10.000.000
4	Xây dựng kho chứa tạm chất thải nguy hại trên công trường	đồng	10.000.000
5	Xây dựng 01 bể lắng đất cát để lắng nước thải từ hoạt động rửa xe và để lắng nước thải thi công	đồng	20.000.000
6	Đặt 3 thùng ben để thu gom phế thải xây dựng	đồng	10.000.000
II	Giai đoạn vận hành (B)		23.000.000.000
8	Xây dựng các bể 3 ngăn xử lý NTSH tại các công trình xây dựng và các bể tách dầu mỡ tại khu vực bếp	đồng	Các hộ gia đình tự xây dựng
9	Hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa	đồng	10.000.000.000
10	Hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải	đồng	10.000.000.000
11	Trạm XLNT tập trung; kèm theo hệ thống thu gom	đồng	2.000.000.000

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHU**

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
	và xử lý mùi đồng bộ		
12	Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại trong khu vực trạm XLNT	đồng	10.000.000.000
13	Trồng cây xanh	đồng	1.000.000.000
III	Tổng cộng (A) + (B)	đồng	23.160.000.000

Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT khi thực hiện dự án là 23.160.000.000 đồng, trong đó nhiều hạng mục thuộc chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật như: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải, trồng cây xanh,...

3.3.2.2. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

Kinh phí vận hành các công trình BVMT tại Dự án được tính toán trong bảng sau:

Bảng 71. Kinh phí vận hành các công trình BVMT khi thực hiện dự án (Tạm tính)

TT	Công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Thành tiền
I	Giai đoạn thi công xây dựng		35.000.000
1	Chi phí quản lý rác thải thông thường	đồng/ tháng	5.000.000
2	Chi phí quản lý rác thải nguy hại		10.000.000
3	Chi phí quản lý môi trường khác		20.000.000
4	Kinh phí giám sát môi trường định kỳ	đồng/lần	30.000.000
II	Giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành (2 giai đoạn này có tính chất tương tự nhau)		60.000.000
5	Chi phí chăm sóc cây xanh	đồng/ tháng	5.000.000
6	Chi phí quản lý và vận hành trạm XLNT tập trung		20.000.000
7	Chi phí thuê xử lý rác thải thông thường		10.000.000
8	Chi phí thuê xử lý chất thải nguy hại		5.000.000
9	Các biện pháp khác		10.000.000

3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

3.4.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo này, các kỹ thuật, công nghệ áp dụng, đánh giá môi trường được thể hiện như sau:

- Khi thực hiện Dự án từ giai đoạn thiết kế, công trình đã tiến hành khảo sát, thiết kế theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và Quốc tế, đã đề ra các phương án thiết kế tối ưu, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tối đa khối lượng đất đá phải đào đắp và thải ra ngoài môi trường; giảm thiểu thiệt hại tài sản của người

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

dân. Số liệu khảo sát, thống kê về đất và các công trình bị ảnh hưởng đảm bảo độ tin cậy.

- Tài liệu thu thập được gồm:

+ Tài liệu về môi trường sinh thái, khí tượng, thủy văn, địa chất, địa hình, đất đai đã được các chuyên gia chuyên ngành thực hiện tại khu vực công trình, kết hợp với nhiều nguồn dữ liệu đã có để tổng hợp, phân tích và đánh giá.

+ Tài liệu về chất lượng môi trường không khí, nước và đất: Báo cáo ĐTM đã tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu đất, nước và không khí theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các số liệu được thực hiện tại các vị trí khác nhau, có tính đặc trưng cho công trình. Các số liệu này đã được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường nền và dự báo sự biến đổi chất lượng môi trường khi có công trình.

+ Các số liệu, kết quả tính toán, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành của công trình được so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Các tác động được đánh giá khi thực thi dự án trong các giai đoạn chuẩn bị dự án, thi công và vận hành lần lượt được đánh giá các nguyên nhân gây tác động, nguyên nhân hình thành, tính chất ảnh hưởng, khả năng phát thải, ước tính định lượng,...

- So sánh với hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành về môi trường không khí, nước, đất,...

Tuy nhiên, do các đánh giá dựa trên hồ sơ dự án đầu tư (giai đoạn thiết kế cơ sở) nên nhiều nội dung vẫn chưa được đầy đủ, chi tiết như: bố trí các hạng mục trong công trường, các vị trí tập kết tạm thời đất đá loại, phân chia gói thầu và tổ chức thi công chi tiết. Thông thường các nội dung này chỉ được chi tiết trong bước thiết kế kỹ thuật và bước bản vẽ thi công của Dự án. Do vậy, nhiều nội dung được đánh giá, dự báo dựa trên kinh nghiệm tham gia các nội dung về môi trường trong các bước của Dự án và các ý kiến, dự kiến của kỹ sư thiết kế đóng góp trong quá trình cộng tác nên mức độ đầy đủ, chi tiết còn chưa cao.

3.4.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của báo cáo được đánh giá trên các dữ liệu, thông tin, số liệu... cung cấp và tính toán. Khả năng, mức độ tin cậy của đánh giá thể hiện:

- Tính hiện thực và phổ dụng: các ý kiến thu thập thực tế phỏng vấn, điều tra người dân tại khu vực dự án;

- Tính chính xác, đặc trưng, đồng bộ của số liệu: các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin về khu vực dự án;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

- Tính trung thực và chính xác: Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

- Tính tin cậy: So sánh theo các thông số môi trường trong bộ tiêu chuẩn về môi trường quy định

- Tính hợp lệ: tuân thủ theo các quy định chung về ĐTM cho dự án theo c:

+ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do Quốc hội ban hành;

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về “*Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*”;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*”;

Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*”;

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như những tác động chính đến môi trường của dự án.

Phương pháp thống kê, liệt kê hay nghiên cứu, khảo sát thực địa đã mô tả được hiện trạng môi trường vùng dự án một cách định lượng. Hệ thống thông tin địa lý cho ta thấy được bức tranh hiện trạng cũng như những tác động tiềm ẩn trong vùng khi thực hiện dự án. Bằng phương pháp chuyên gia cũng cho ta thấy được những tác động tiềm ẩn không lượng hoá hay thống kê được qua kinh nghiệm của các dự án tương tự....

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của dự án ở từng giai đoạn dự án, dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ vào áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

Vậy: có thể đánh giá báo cáo ĐTM cho dự án là đầy đủ, đặc trưng, chính xác về số liệu, thông tin liên quan và phương pháp đánh giá. Do vậy, báo cáo có độ tin cậy cao và hợp lệ về mặt pháp lý. Đây là cơ sở để Chủ đầu tư, Cơ quan QLNN và BVMT thực thi dự án theo đúng các quy định về môi trường, giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường xung quanh và con người.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Chương IV:

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ thuộc loại hình dự án xây dựng công trình dân dụng, không phải dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Do vậy, theo Mẫu số 04, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*”, dự án không phải thực hiện nội dung này.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

**CHƯƠNG V:
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Chương trình QLMT của KDC An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ sẽ được thực hiện theo bảng sau:

Bảng 72. Tóm tắt chương trình QLMT của dự án

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I. GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG						
1	<u>Tác động đến môi trường không khí</u> - Hoạt động của máy móc thi công xây dựng - Các hoạt động thi công trên công trường xây dựng	- Suy giảm môi trường không khí do bụi, khí độc, tiếng ồn,... từ công trường xây dựng - Tác động đến sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế	- Thi công xây dựng theo đúng phương án thi công đã trình bày - Các phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải - Không chở hàng hóa, VLXD vượt tải trọng - Các phương tiện được làm sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường, - Không vận chuyển VLXD vào giờ cao điểm - Lựa chọn các thiết bị có mức ồn thấp - Không bố trí các trạm bảo dưỡng xe trong phạm vi công trường. - Không sử dụng còi hơi tại các khu vực dân cư và còi trong thời gian nghỉ.	Theo Bảng 70 và Bảng 71	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công - Xây dựng 01 trạm rửa xe ô tô tại các cổng (kèm theo hệ thống thoát nước tạm thời và hố ga tách bùn)			
2	<u>Tác động đến môi trường nước</u> - Hoạt động của máy móc thi công xây dựng, - Các hoạt động thi công trên công trường xây dựng	- Ô nhiễm môi trường nước từ hoạt động bảo dưỡng và chất thải rắn cuối trôi từ công trường - Sinh hoạt của công nhân	- Xây dựng hoàn trả tuyến mương thay thế trước khu triển khai thi công xây dựng. - Kiểm soát dòng nước chảy tràn trên công trường - Kiểm soát nước thải từ các bãi tập kết nguyên liệu, máy móc, kho xưởng, khu vực trộn bê tông - Xây dựng 03 cụm nhà vệ sinh lưu động có bể chứa nước tiểu + phân bùn có thể tích: 5 m³/nhà	Theo Bảng 70 và Bảng 71	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án
3	<u>Tác động đến môi trường do CTR</u> - Hoạt động của máy móc thi công, - Các hoạt động trên công trường xây dựng - Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- Phế thải xây dựng gây mất mỹ quan môi trường - Chất thải sinh hoạt gây ô nhiễm mùi, mỹ quan đô thị - Chất thải nguy hại tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực	- Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải - Đổ bỏ đất đá, phế thải xây dựng đúng nơi quy định - Các thùng chứa CTR sinh hoạt - Bố trí khu lưu giữ rác thải tại công trường. - Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ VSMT để xử lý CTR sinh hoạt và chất thải nguy hại.			
II. GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ VẬN HÀNH						
4	<u>Tác động đến môi trường không khí</u> Hoạt động của dự án	Suy giảm chất lượng môi trường không khí do khí thải giao thông, sinh hoạt,	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải rắn, hố ga có nắp	Theo Bảng 70 và Bảng 71	Chủ dự án	Chủ dự án

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT, quản lý và ứng phó với sự cố rủi ro	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
		khí thải nhà bếp, máy phát điện dự phòng				
5	<u>Tác động đến môi trường nước</u> Hoạt động của dự án	Suy giảm chất lượng môi trường nước do nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn	- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải - Tổ chức nạo vét hố ga thoát nước mưa, hố ga của hệ thống thoát nước thải - Xây dựng các bể tự hoại - Xây dựng trạm XLNT tập trung, công suất 255 m ³ /ngày đêm	Theo Bảng 70 và Bảng 71	Chủ dự án	Chủ dự án
6	<u>Tác động đến môi trường do CTR</u> Hoạt động của dự án	- Suy giảm chất lượng môi trường không khí, nước mặt và nước dưới đất - Gây mất mỹ quan chung - Phát sinh các mầm bệnh	- Chủ dự án sẽ tổ chức thu gom rác thải phát sinh tại dự án. - Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao CTR phát sinh theo quy định.	Theo Bảng 70 và Bảng 71	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án
7	<u>Phòng ngừa và ứng cứu sự cố</u> Hoạt động của Dự án: cháy nổ, lũ lụt, hư hỏng hệ thống cấp nước, thoát nước,...	Khi xảy ra sự cố sẽ gây thiệt hại về người, vật chất	- Sự cố cháy nổ - Sự cố hệ thống cấp nước - Sự cố tắc nghẽn và tai nạn giao thông - Sự cố dịch bệnh - Sự cố hệ thống thu gom nước thải (vỡ ống, vỡ hố ga,...) - Sự cố trạm XLNT tập trung - Sự cố hệ thống xử lý khí thải	Theo Bảng 70 và Bảng 71	- Chủ dự án - Các nhà thầu thi công	Chủ dự án

5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.2.1.1. Chương trình giám sát môi trường không khí và tiếng ồn

Thực hiện giám sát môi trường không khí và tiếng ồn trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được thực hiện khi có kiến nghị của dân cư xung quanh công trường.

5.2.1.2. Giám sát nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải thi công, nước thải từ hoạt động rửa xe đều được thu về hố thu, lắng đất cát, dầu mỡ trong nước thải và sau đó được tái sử dụng cho phun rửa xe, rửa sân đường, phun ẩm bề mặt công trường giảm thiểu bụi và không phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

- Công nhân không ăn ở tại công trường, trên công trường sẽ trang bị các nhà vệ sinh lưu động, nước thải, phân bùn từ các bể chứa được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý nền cũng không phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

5.2.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên khi phát sinh.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận vận chuyển, xử lý chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.1.3. Chương trình quan trắc, giám sát các thành phần môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng

- Kiểm tra việc trồng và chăm sóc cây xanh
- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.
- Quan trắc hiện tượng trượt đất, xói lở và bồi lắng trên các tuyến thoát nước xung quanh khu vực thực hiện dự án.

5.2.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

5.2.2.1. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm trạm XLNT

Theo quy định tại Luật BVMT ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì dự án phải tiến hành vận hành thử nghiệm đối với trạm XLNT tập trung, công suất: 255 m³/ng.đêm. Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường được trình bày trong bảng sau:

Bảng 73. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống XLNT tập trung

TT	Nội dung	Thông số
1	Thời gian VHTN	Tối đa không quá 6 tháng kể từ khi dự án được cấp Giấy phép môi trường
2	Công suất trạm XLNT vận hành thử nghiệm	255 m ³ /ng.đêm
3	Thông số lấy mẫu	Các chỉ tiêu quan trắc gồm: 1- Lưu lượng nước thải sau khi xử lý 2- pH 3- BOD ₅ 4- COD 5- Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) 6- Amoni (tính theo N) Tổng chất rắn hòa tan(20 ⁰ C) 7- Tổng nitơ 8- Tổng photpho 9- Tổng coliform 10- Sunfua (S ₂ ⁻) 11- Dầu mỡ động, thực vật 12- Chất hoạt động bề mặt anion
4	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 14:2025/BTNMT, cột A, F<2.000 m ³ /ngày.đêm: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung
5	Tần suất lấy mẫu	Theo quy định Điểm c, Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ TNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: + 1 mẫu đơn nước thải trước khi xử lý + 1 mẫu đơn sau xử lý, trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

5.2.2.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT

Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT được trình bày trong bảng sau:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

Bảng 74. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Nội dung	Thông số	Ghi chú
1	Thời gian vận hành thử nghiệm	Tối đa không quá 6 tháng	Kể từ khi cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT
2	Công suất hệ thống xử lý khí thải	200 m ³ /h	
3	Vị trí lấy mẫu	Khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí	01 mẫu/lần
4	Thông số lấy mẫu	1) Lưu lượng khí thải, 2) H ₂ S 3) Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	
5	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 19:2024/BTNMT	Hệ số áp dụng K _p = 1,0 K _v = 1,0
6	Tần suất lấy mẫu	3 mẫu đơn khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành hiệu quả công trình xử lý khí thải.	Theo quy định Điểm d, Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ TNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.3.1. Giám sát nước thải

Lưu lượng nước thải của dự án là 255 m³/ngày.đêm, xét theo khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, công trình xử lý nước thải của dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc quan trắc nước thải định kỳ.

5.2.3.2. Giám sát khí thải

b) Giám sát khí thải

Lưu lượng xả khí thải của dự án là 200 m³/giờ, xét theo Điểm d Khoản 1 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, công trình xử lý khí thải của dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục hoặc quan trắc khí thải định kỳ. Chủ

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**
dự án không đề xuất quan trắc định kỳ đối với công trình xử lý khí thải tại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.2.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận vận chuyển, xử lý chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.4. Trách nhiệm thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ

- Chương trình quan trắc, giám sát cần phải xây dựng kế hoạch và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước trước ngày 31/12 của năm trước.
- Trách nhiệm thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường định kỳ do cơ quan, tổ chức được giao quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, trong đó có các công trình xử lý môi trường sau này theo quy định của pháp luật.
- Đơn vị được giao quản lý, vận hành sau này sẽ báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm trước ngày 31/01 của năm kế tiếp. Toàn bộ các kết quả giám sát sẽ được lưu giữ và gửi báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

**Chương VI:
KẾT QUẢ THAM VẤN**

6.1. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Chủ đầu tư đã tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tại UBND xã A Sào và tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình chịu tác động trong phạm vi dự án. Cụ thể quá trình tham vấn diễn ra như sau:

Bảng 75. Thông tin quá trình tổ chức tham vấn lấy ý kiến người dân

TT	Thông tin	Xã A Sào
I	Niêm yết công khai báo cáo ĐTM của dự án	
1	Thời gian	Ngày 20/09/2025
2	Địa điểm	UBND xã A Sào
3	Đại diện	Chủ dự án phối hợp với Chủ tịch UBND xã Ông: Bùi Đình Thao Ông: Nguyễn Sỹ Kiên Ông: Trần Quang Khải Ông: Nguyễn Văn Lợi
II	Số hộ chịu ảnh hưởng	122 hộ (Thông báo số 104/TB-UBND ngày 17/10/2025 của UBND xã A Sào)
III	Tổ chức họp tham vấn cộng đồng	
4	Thời gian	Ngày 01/10/2025
5	Địa điểm	Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm
6	Thành phần tham dự họp	- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã A Sào - Đại diện UBND xã A Sào, đại diện các ban ngành đoàn thể, MTTQ, cán bộ công chức xã,... - Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty CP Tư vấn ĐTXD và MT Hà Nội Green. - Đại diện của 54/122 hộ gia đình chịu tác động trực tiếp từ dự án thuộc xã A Sào (Tổng số hộ bị ảnh hưởng là 122 hộ có xác nhận của UBND xã A Sào) - Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn: 40 hộ.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Thông tin	Xã A Sào
7	Tỷ lệ số hộ chịu tác động trực tiếp tham gia họp tham vấn	Tỷ lệ số hộ gia đình tham gia họp tham vấn là 77,05%, đạt đủ 2/3 tổng số lượng người chịu tác động trực tiếp (<i>Theo quy định tại mục a, khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ</i>).
<u>Ghi chú:</u> Tại Thông báo số 104/TB-UBND ngày 17/10/2025, UBND xã A Sào đã xác nhận tổng số hộ gia đình chịu tác động trực tiếp của dự án là: 122 hộ.		

Dưới đây là một số hình ảnh được ghi lại trong quá trình diễn ra cuộc họp tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án:

Hình 35. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã A Sào



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**



6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

UBND xã A Sào đã gửi các văn bản, kèm theo hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án tới các cơ quan sau để đề nghị tham vấn:

- Công văn số 169/UBND-KT ngày 20/09/2025 của UBND xã A Sào về việc “*Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ*”

Sau 15 ngày kể từ khi các văn bản tham vấn ý kiến cho các cơ quan (theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 – Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), UBND xã A Sào đã nhận được các văn bản trả lời dưới đây:

- Công văn số 07/CV-MTTQ ngày 03/10/2025 của Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã A Sào về việc “*Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ*”;

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

6.2. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Sau quá trình tổ chức tham vấn bằng văn bản theo quy định, Chủ đầu tư nhận được các ý kiến tham vấn, lần lượt được trình bày trong bảng sau:

TT	Ý kiến góp ý		Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử			
		Không có ý kiến		
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến			
1	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư	Không có ý kiến		
2	Về tác động môi trường của dự án đầu tư	Không có ý kiến		
3	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường	Dự án đã triển khai giai đoạn I, đề nghị khi triển khai giai đoạn II sẽ rút kinh nghiệm của giai đoạn I để thực hiện giai đoạn II được tốt hơn.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông: Bùi Xuân Thảo – Thôn Đồng Tâm
		Đề nghị dự án giai đoạn II phải thu gom và xử lý triệt để nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.	Nước thải từ dự án sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1, cột A, F $\leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.	
		Đề nghị khi triển khai dự án giai đoạn II quan tâm đến công tác hoàn trả kênh mương thủy lợi, đảm bảo cho công tác canh tác của khu vực	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Ý kiến góp ý		Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		ruộng lúa xung quanh vùng dự án.		
		Trong trình bày của báo cáo dự án về công tác môi trường đảm bảo được quy chuẩn, quy định về xây dựng và môi trường. Tuy nhiên, tôi đề nghị dự án quan tâm đến vấn đề tiêu, thoát nước cho 2 thôn Đồng Tâm và Phú Xá phục vụ nước cho sản xuất và sinh hoạt.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông: Nguyễn Xuân Hưởng – Thôn Phú Xá
		Đề nghị Chủ dự án tính toán việc tiêu thoát nước tránh tình trạng ngập úng khi nước dâng cao vào mùa mưa lũ.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	
		Đề nghị Chủ dự án tính toán công quy hoạch đảm bảo đủ tiêu chí thoát nước và cấp nước cho bà con nhưng cũng phải làm hàng rào bảo vệ an toàn cho trẻ con khi đi qua lại và chơi xung quanh.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông: Phạm Văn Hiền – Thôn Đồng Tâm
4	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Không có ý kiến		
5	Các nội dung khác	Không có ý kiến		
III	Tham vấn bằng văn bản			
1	Về vị trí thực hiện	Không có ý kiến		MTTQ xã A Sào

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Ý kiến góp ý		Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	dự án đầu tư			
2	Về tác động môi trường của dự án đầu tư	Không có ý kiến		MTTQ xã A Sào
3	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường	- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã. - Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án. - Chủ dự án và các đơn vị thi công đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả. - Chủ dự án có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới – tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương. - Phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để	Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của MTTQ xã A Sào. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được MTTQ xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	MTTQ xã A Sào

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

TT	Ý kiến góp ý		Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.		
4	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Không có ý kiến		MTTQ xã A Sào
5	Các nội dung khác	Không có ý kiến		MTTQ xã A Sào

6.3. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, báo cáo ĐTM không thuộc đối tượng phải thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

Báo cáo ĐTM của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ nhìn chung đã nhận diện được tương đối đầy đủ các nguồn gây tác động đến môi trường và đã cố gắng dự báo chi tiết về tải lượng các nguồn thải trong quá trình thực hiện dự án cũng như nồng độ các chất thải để so sánh với các QCVN hiện hành.

Quy mô và mức độ tác động khi thực hiện dự án đến môi trường tự nhiên cũng như các yếu tố KT-XH ở mức độ lớn nếu như không thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, quản lý, giám sát,... được trình bày trong báo cáo ĐTM này cũng như các yêu cầu khác của pháp luật.

Báo cáo ĐTM cũng đã trình bày khá đầy đủ và cụ thể các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành dự án cũng như các biện pháp giám sát trong quá trình vận hành để luôn đảm bảo rằng mọi hoạt động của Dự án đều không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, các phát thải từ dự án đều nằm trong giới hạn cho phép và được kiểm soát chặt chẽ. Các biện pháp đưa ra trong báo cáo ĐTM là phù hợp về mặt tính toán lý thuyết cũng như thực tế. Chủ dự án hoàn toàn có đầy đủ năng lực về tài chính, con người,... để thực hiện tốt các biện pháp đã nêu.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường cũng đã được trình bày khá chi tiết và đầy đủ trong báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các rủi ro, sự cố môi trường là rất khó để dự báo, đặc biệt là các sự cố do thiên nhiên, nên Chủ dự án sẽ liên tục nghiên cứu, phối hợp với các nhà khoa học, chính quyền các cấp để hạn chế đến mức thấp nhất nếu xảy ra các sự cố và rủi ro môi trường.

2. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cơ quan chức năng, các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Chủ dự án trong quá trình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo ĐTM này. Kịp thời thông báo cho Chủ dự án khi có văn bản, chính sách mới về môi trường.

Kiến nghị các cơ quan chức năng tạo mọi điều kiện cho Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong báo cáo ĐTM này cũng như các quy định khác của pháp luật.

Công tác dự báo và đánh giá các tác động môi trường, các sự cố và rủi ro môi trường đã được nghiên cứu và trình bày trong phạm vi báo cáo ĐTM xong vẫn còn có khả năng xảy ra các tình huống mà báo cáo ĐTM chưa có thể bao quát

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

hết được. Vì vậy, kiến nghị các cơ quan chức năng, chính quyền cơ sở và cộng đồng dân cư phối hợp với Chủ dự án khi xảy ra các tình huống bên ngoài phạm vi báo cáo ĐTM này để nhanh chóng khắc phục các biện pháp BVMT.

3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án “*Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ*” là Ủy ban nhân dân xã A Sào cam kết:

- Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo ĐTM của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực thi công dự án nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT.

- Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển sẽ đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Nước thải:

- + Nước thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động đạt QCVN 14:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A, $F < 2.000 \text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Khí thải: Khí thải từ hoạt động xử lý nước thải đạt QCVN 05:2023/BTNMT, (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí).

- Chất thải rắn: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 02/2022/TTBTNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Cam kết đầu tư xây dựng đầy đủ các công trình xử lý chất thải theo báo cáo ĐTM được duyệt, lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án trước khi vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo luật định, trình cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép môi trường; sau đó vận hành các công trình xử lý chất thải theo quy định, gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến các cơ quan chức năng.

- Chủ dự án chỉ tiến hành thực hiện bán, chuyển nhượng các lô đất cho các cá nhân, tổ chức để xây dựng sau khi hoàn thiện đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành bàn giao đầy đủ các hồ sơ, công trình xử lý môi trường cho đơn vị tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ AN ĐỒNG – GIAI ĐOẠN 2, HUYỆN QUỲNH PHỤ**

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

Số: 51/NQ-HĐND

Quỳnh Phụ, ngày 08 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ
KHÓA XX, KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định cơ chế hỗ trợ nguồn thu tiền sử dụng đất Ngân sách cấp tỉnh được hưởng cho các địa phương trong giai đoạn 2024-2025;

Xét Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 08/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: **Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng-giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ**; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 08/10/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đầu tư

- Tạo dựng khu dân cư hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch chung, đảm bảo khả năng phục vụ cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã An Đồng nói riêng và huyện Quỳnh Phụ nói chung.
- Bổ sung quỹ đất ở, nhà ở góp phần nâng cao đời sống cho người dân.
- Tạo nguồn kinh phí cho các cấp ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội của địa phương.

2. Phạm vi và quy mô đầu tư

2.1. Phạm vi đầu tư

Dự án có diện tích khoảng 7,0ha với ranh giới cụ thể như sau:

+ Khu 1 - Tiếp giáp phía Bắc khu dân cư An Đồng.

- Phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

- Phía Nam giáp khu dân cư An Đồng.

- Phía Đông giáp đất nông nghiệp.

- Phía Tây giáp đường giao thông.

+ Khu 2 - Tiếp giáp phía Nam khu dân cư An Đồng.

- Phía Bắc giáp khu dân cư An Đồng.

- Phía Nam giáp khu dân cư hiện có.

- Phía Đông giáp đường giao thông.

- Phía Tây giáp trường mầm non.

2.2. Quy mô đầu tư:

Dự án được đầu tư với các hạng mục chính như sau:

- San lấp mặt bằng.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu hạ tầng phù hợp quy hoạch được Sở Xây dựng thỏa thuận và Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, trạm biến áp, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe, cây xanh, hệ thống ATGT... và các hạng mục công trình khác đảm bảo khớp nối hoàn chỉnh với khu vực xung quanh.

3. Nhóm dự án: Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp III, dự án nhóm B.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Quỳnh Phụ.

5. Địa điểm đầu tư: xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ.

6. Tổng mức đầu tư dự kiến: 127.068.480.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)

7. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách huyện (được đối trừ từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất của dự án) và các nguồn vốn hợp pháp khác

Giai đoạn 2021-2025 bố trí kinh phí là 21 tỷ, phần kinh phí còn lại bố trí vào các năm tiếp theo.

8. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm kể từ ngày khởi công. *Ước*

9. Tiến độ thực hiện dự án:

Sau khi dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, lập và trình thẩm định, phê duyệt Dự án.

Sau khi dự án được bố trí kế hoạch vốn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng; triển khai thi công công trình và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./. *Đã ký NO*

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
 - TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện;
 - Lãnh đạo UBND huyện;
 - Đại biểu HĐND huyện;
 - Các phòng, ban, ngành liên quan;
 - HĐND, UBND các xã, TT của huyện;
 - Lưu VT, TH, P.KTHT.
- gud*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhiễm
Nguyễn Văn Nhiễm



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/HQĐ-UBND

Quỳnh Phụ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v bàn giao dự án đầu tư: Xây dựng hạ tầng
khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 ban hành quy định phân cấp, phân công quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ;

Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy tại kỳ họp ngày 23/5/2025,

Căn cứ Công văn số 2964/UBND-NCKS ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện, cấp tỉnh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND huyện, thành phố quản lý về UBND xã, phường quản lý;



Theo đề nghị của phòng Tài chính Kế hoạch và phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuyển toàn bộ dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ từ Huyện về Ủy ban nhân dân xã A Sào với các nội dung sau:

- Chuyển nguyên trạng các nội dung của dự án (tổng mức đầu tư, quy mô, kết cấu, ...) theo đúng Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ.
- Chuyển cấp quyết định đầu tư từ Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ về Ủy ban nhân dân xã A Sào;
- Chuyển nhiệm vụ Chủ đầu tư từ Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ về UBND xã A Sào;
- Chuyển nhiệm vụ quản lý dự án từ Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ về Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ;
- Chuyển Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và các nội dung có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về UBND xã A Sào;

Điều 2. Trách nhiệm của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ và Ủy ban nhân dân xã A Sào

1. Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ: Bàn giao toàn bộ thủ tục, hồ sơ có liên quan của dự án trên cho Ủy ban nhân dân xã A Sào, cụ thể như sau:

- Các văn bản pháp lý của dự án;
- Các hồ sơ liên quan đến kỹ thuật, tình hình thực hiện dự án;
- Các hồ sơ về hợp đồng kinh tế;
- Các hồ sơ nghiệm thu khối lượng thực hiện, đối chiếu công nợ và thanh toán vốn đầu tư (nếu có) đến thời điểm bàn giao;
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân xã A Sào có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, triển khai thực hiện dự án được bàn giao bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế, Hạ tầng và đô thị; Nông nghiệp và Tài nguyên Môi trường; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc TTPT Quỹ đất, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A Sảo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / WD

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH, KTHTĐT.



CHỦ TỊCH

Trần Quang Thành



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A SÀO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1520/QĐ-UBND

A Sào, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A SÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch Đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 165/UBND-NC ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn áp dụng văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình sau 01/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới An Đồng đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã A Sào về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 2405/SXD-QHKT&PTĐT ngày 20/11/2025 của Sở Xây dựng Hưng Yên về việc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 55/BCTĐ-PKT ngày 21/11/2025 của Phòng Kinh tế xã A Sào về việc Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên với những nội dung sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.

II. Phạm vi, ranh giới, diện tích và quy mô dân số:

1. Phạm vi khu vực lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã A Sào, tỉnh Hưng Yên; ranh giới cụ thể:

* Đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư An Đồng 2 bao gồm 02 phân khu; cụ thể như sau:

Khu 1-Tiếp giáp phía Bắc khu dân cư An Đồng đã quy hoạch:

- + Phía Bắc : Giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Nam : Giáp khu dân cư An Đồng và đất nông nghiệp;
- + Phía Đông : Giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây : Giáp đất nông nghiệp.

Khu 2- Tiếp giáp phía Nam khu dân cư An Đồng đã quy hoạch:

- + Phía Bắc : Giáp khu dân cư An Đồng;
- + Phía Nam : Giáp khu dân cư hiện có;
- + Phía Đông : Giáp đường giao thông;
- + Phía Tây : Giáp trường mầm non.

2. Tổng diện tích lập quy hoạch là: 102.056,0m².

3. Quy mô dân số dự kiến: Khoảng 1.600 người ÷ 1.700 người.

III. Nội dung quy hoạch chi tiết:

1. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT								
STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa(%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở		43.244,3	42,4				421
	Đất ở liền kề 1	LK-01	1.260,0		84,4	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 2	LK-02	1.260,0		84,4	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 3	LK-03	1.260,0		84,4	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 4	LK-04	4.288,0		93,3	5	4,7	44
	Đất ở liền kề 5	LK-05	1.568,0		93,5	5	4,7	16
	Đất ở liền kề 6	LK-06	4.288,0		93,3	5	4,7	44
	Đất ở liền kề 7	LK-07	1.376,0		93,0	5	4,6	11
	Đất ở liền kề 8	LK-08	2.107,2		94,2	5	4,7	22

	Đất ở liền kề 9	LK-09	2.107,2		94,2	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 10	LK-10	2.107,2		94,2	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 11	LK-11	1.260,0		84,4	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 12	LK-12	1.260,0		84,4	5	4,2	10
	Đất ở liền kề 13	LK-13	1.260,0		84,4	6	5,1	10
	Đất ở liền kề 14	LK-14	3.724,8		92,8	7	6,5	38
	Đất ở liền kề 15	LK-15	902,4		92,2	8	7,4	12
	Đất ở liền kề 16	LK-16	806,4		92,0	9	8,3	8
	Đất ở liền kề 17	LK-17	3.724,8		92,8	10	9,3	38
	Đất ở liền kề 18	LK-18	2.278,4		89,3	11	9,8	22
	Đất ở liền kề 19	LK-19	2.291,8		89,1	12	10,7	22
	Đất ở liền kề 20	LK-20	1.842,8		89,4	13	11,6	18
	Đất ở liền kề 21	LK-21	2.271,3		89,4	14	12,5	22
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	3.647,2	3,6				
	Nhà văn hóa	NVH	288,0					
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	3.359,2					
3	Đất giao thông	GT	51.290,1	50,3				
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	889,2	0,9				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		2.985,2	2,9				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	300,0					
	Đất khe hạ tầng	KHT	2.685,2					
	TỔNG		102.056,0	100,0				

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết tại hồ sơ Thuyết minh và Đồ án quy hoạch kèm theo.

2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch san nền (theo hệ cao độ chuẩn quốc gia):

+ Cao độ giao thông quy hoạch toàn khu khoảng : +1.90m ÷ +2.10m.

b. Quy hoạch giao thông tại khu vực:

- Đường quy hoạch số 1, bố trí dạng đường đôi, có bề rộng 36,0m, bao gồm lòng đường mỗi bên rộng 10,5m, dải phân cách giữa rộng 5,0m, vỉa hè phía mỗi bên rộng 5,0m, mặt cắt (5,0 + 10,5 + 5,0 + 10,5 + 5,0).

- Đường quy hoạch số 2, số 4, số 5, số 6, số 8, số 9, số 11, số 14 có bề rộng 15,5m, bao gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,0m, mặt cắt (4,0 + 7,5 + 4,0).

- Đường quy hoạch số 3, số 7, số 10, có bề rộng 20,5m, bao gồm lòng đường rộng 10,5,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m, mặt cắt (5,0 + 10,5 + 5,0).

- Đường quy hoạch số 12, số 13 có bề rộng lòng đường 7,5m, vỉa hè phía đất ở mới rộng 4,0m, vỉa hè phía còn lại tối thiểu là 0,5m.

- Trong khu vực nghiên cứu quy hoạch bố trí các bãi đỗ xe tập trung, phân bố trong toàn khu, trong khuôn viên nhà ở riêng lẻ.

c. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước sạch dự kiến cung cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước hiện có của khu dân cư An Đồng 1.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới cấp nước cho khu quy hoạch là mạng vòng kết hợp mạng nhánh. Các đường ống cấp nước phân phối được thiết kế mạng vòng có đường kính 110 mm. Đường ống cấp nước dịch vụ được thiết kế mạng nhánh cụt có đường kính 50 mm cấp nước đến từng công trình.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả: Nước cứu hỏa lấy từ mạng vòng đường kính 110 mm thông qua các trụ cứu hoả dọc đường. Áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hoả là 10m cột nước.

d. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho các TBA của khu quy hoạch được lấy từ tuyến đường điện hiện có ở phía Nam của khu vực quy hoạch.

- Xây dựng mới trạm biến áp cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt cho khu dân cư. Sử dụng trạm hợp bộ (KIOS) hoặc trạm trụ một cột.

- Mạng lưới điện hạ áp 0,4KV cấp điện sinh hoạt của khu dân cư lấy từ trạm biến áp. Lưới điện chiếu sáng được thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị. Mạng lưới cấp điện chiếu sáng sử dụng hệ thống điện riêng đi ngầm, đèn chiếu sáng bố trí dọc theo các tuyến đường quy hoạch.

e. Quy hoạch thông tin liên lạc:

Cáp thông tin được ngầm hóa và đặt trong các ống kỹ thuật, từ đó cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho từng công trình.

f. Quy hoạch thoát nước:

- Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát: Nước mưa trong khu vực quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước chạy theo các tuyến giao thông sau đó thoát ra kênh mương ở phía Tây Bắc của khu vực quy hoạch.

- Thoát nước thải:

+ Mạng lưới thoát nước thải: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng. Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên thiết kế đường ống thoát nước theo nguyên tắc tự chảy, tạo nên mạng lưới thống nhất. Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại công trình (bằng bể tự hoại) được thoát vào hệ thống thoát nước thải riêng dẫn về trạm xử lý

tập trung của khu vực quy hoạch. Nước thải sau khi được xử lý tập trung tại trạm xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định.

g. Quy hoạch xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn được tập kết tại các thùng rác công cộng, sau đó được thu gom trong ngày, đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

(Nội dung chi tiết thể hiện trong hồ sơ bản vẽ quy hoạch kèm theo)

IV. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên kèm theo.

Điều 2. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, bản vẽ theo nội dung được phê duyệt để làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch, lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố công khai quy hoạch để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng Ban của Ban Quản lý dự án lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AE*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, KT. *H*



Đỗ Tiến Công



UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 2405 /SXD-QHKT&PTĐT

Hung Yên, ngày 20 tháng 11 năm 2025

V/v quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào,
tỉnh Hưng Yên.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã A Sào

Sở Xây dựng nhận được hồ sơ kèm theo Văn bản số 64/TTr-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã A Sào về việc thoả thuận quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Đồng 2, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên. Nội dung đề nghị của Ủy ban nhân dân xã A Sào:

Căn cứ quy hoạch chung đô thị mới An Đồng đến năm 2040 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 08/12/2022, Ủy ban nhân dân xã A Sào tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu dân cư An Đồng 2 trên diện tích đất 102.056,0 m² để tạo quỹ đất ở cho địa phương, là cơ sở quản lý xây dựng, đất đai theo quy hoạch. Tính chất của các khu quy hoạch: Gồm các khu nhà ở liền kề, cây xanh, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bãi đỗ xe khớp nối với hạ tầng kỹ thuật chung khu vực. Cụ thể cơ cấu sử dụng đất quy hoạch:

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà ở		43.244,3	42,4
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	3.647,2	3,6
	Đất nhà văn hóa	NVH	288,0	
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	3.359,2	
3	Đất giao thông	GT	51.290,1	50,3
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	889,2	0,9
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		2.985,2	2,9
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	300,0	
	Đất khe hạ tầng	KHT	2.685,2	
	TỔNG		102.056,0	100,0

Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Ngày 04/9/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 844/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Bình (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó, Ủy ban nhân

dân tình chuyển giao trách nhiệm chủ đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ cho Ủy ban nhân dân xã A Sào. Việc Ủy ban nhân dân xã A Sào tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu vực dự án là phù hợp với trách nhiệm chủ đầu tư theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Theo quy hoạch chung đô thị mới An Đồng đến năm 2040 được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 08/12/2022, vị trí lập quy hoạch dân cư An Đồng 2 được quy hoạch là khu đất ở mới. Việc Ủy ban nhân dân xã A Sào tổ chức lập quy hoạch chi tiết cho khu đất với tính chất là khu nhà ở, cây xanh, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ là phù hợp với chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chung đã được phê duyệt.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã A Sào đảm bảo một số nội dung sau trước khi quyết định việc phê duyệt quy hoạch:

- Về sự phù hợp với yêu cầu phát triển, đề nghị Ủy ban nhân dân xã A Sào nghiên cứu, đảm bảo 02 nội dung quan trọng sau:

+ Về chủ trương của tỉnh: Ngày 30/10/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 01-KL/TU về việc quy hoạch, triển khai các dự án khu đô thị, nhà ở trên địa bàn tỉnh; theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo cần tập trung rà soát, lập quy hoạch và thực hiện dự án phát triển nhà ở đối với các khu đô thị mới, khu dân cư quy mô lớn (đáp ứng tối thiểu một đơn vị ở hoặc diện tích từ 20 ha trở lên) có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, văn minh, sinh thái, kết nối hài hòa, thống nhất với khu vực lân cận; trong các khu đô thị, khu nhà ở phải dành diện tích đất đủ lớn để xây dựng các thiết chế văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và tăng diện tích không gian mở phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư, công viên, cây xanh, hồ nước, giải trí, thể dục, thể thao; giảm dần việc thực hiện các dự án giãn dân, đấu giá quyền sử dụng đất ở cấp xã.

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chi tiết Khu dân cư An Đồng 2 (102.056,0 m²) hiện chỉ bao gồm chủ yếu phần diện tích đất ở theo quy hoạch chung đô thị mới An Đồng, chưa bao gồm các lô đất cây xanh, công trình dịch vụ - công cộng lân cận, có thể ảnh hưởng đến tính đồng bộ của khu dân cư với không gian tổng thể đô thị; từ đó cũng đồng thời làm giảm khả năng thu hút các nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án khu đô thị xứng tầm để hạn chế dần việc đấu giá quyền sử dụng đất ở cấp xã theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

+ Về tổ chức không gian xã mới sau sáp nhập: Thực hiện chủ trương không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, khu vực đô thị mới An Đồng được sáp nhập với các xã An Hiệp, An Thái, An Khê hình thành xã A Sào; tổ chức các khu vực trung tâm, khu phát triển dân cư mới, khu sản xuất, khu dịch vụ - thương mại, ... của tổng thể khu vực xã A Sào sẽ cần được đánh giá, xác định trong quá trình tổ chức lập quy hoạch chung (đô thị hoặc nông thôn), đảm bảo phù hợp với vị trí, tính chất, vai trò và nhu cầu của xã sau sáp nhập. Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân xã A Sào đánh giá kỹ nhu cầu tại các vị trí đất ở đã được quy hoạch theo quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã cũ trong giai đoạn

hiện nay, chỉ tổ chức lập quy hoạch dân cư mới khi thực sự cần thiết, tránh lãng phí nguồn lực trong giai đoạn chưa tổ chức đánh giá, lập quy hoạch chung cho tổng thể khu vực xã sau sáp nhập; ưu tiên cho công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống cây xanh, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân cư hiện có đáp ứng chỉ tiêu quy hoạch theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Về kết nối hạ tầng kỹ thuật tỉnh: Vị trí dân cư An Đồng 2 không kết nối trực tiếp với hạ tầng kỹ thuật tỉnh, Ủy ban nhân dân xã A Sào căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của các quy hoạch cấp độ cao hơn tại khu vực xã An Đồng cũ để xác định phương án quy hoạch phù hợp.

- Về tuân thủ quy chuẩn quy hoạch, tiêu chuẩn áp dụng:

+ Việc bố trí cây xanh, vườn hoa, sân chơi đề nghị ưu tiên tại các vị trí trung tâm của khu quy hoạch, đảm bảo bán kính phục vụ không > 300 m. Đồng thời, việc bố trí đất cơ sở giáo dục mầm non cần đảm bảo phục vụ đủ cho khu vực dự án.

+ Yêu cầu về kiến trúc cảnh quan, bố cục các công trình đề nghị đảm bảo theo mục 2.6 Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

+ Chỉ giới xây dựng cần đảm bảo khoảng cách giữa cạnh mặt sau của dãy nhà liền kề $\geq 4m$, chiều dài mỗi dãy nhà không lớn hơn 60m.

- Về một số nội dung khác:

+ Về ranh giới, diện tích lập quy hoạch: Đề nghị khảo sát chi tiết, đảm bảo ranh giới, diện tích lập quy hoạch phù hợp với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất và quy hoạch giao thông khu vực quy hoạch.

+ Trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đề nghị đảm bảo theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, các Nghị định của Chính phủ: số 145/2025/NĐ-CP, số 178/2025/NĐ-CP và Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ Xây dựng; đảm bảo việc tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nội dung, thành phần hồ sơ quy hoạch đề nghị tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã A Sào tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu VT, QHKT&PTĐT (QĐ).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: SỞ XÂY DỰNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN
Bùi Huy Quang
Ngày ký: 20/10/2025 14:30:42

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Bình (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 4738/BTC-TH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Bình (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 139/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản (sau sáp nhập) 10 công trình, dự án tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản 02 công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý.

- Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản 07 công trình, dự án do cấp xã quản lý.

- Chuyển giao 01 công trình, dự án về cấp tỉnh quản lý và điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“4. Điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với 13 công trình, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý đã giao Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư về Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với 01 dự án thuộc cấp tỉnh quản lý đã giao Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư về Sở Xây dựng làm chủ đầu tư; chuyển giao 01 công trình, dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý về cấp tỉnh quản lý và điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư dự án về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

5. Chuyển giao 128 công trình, dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý về cấp xã quản lý và điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư về Ủy ban nhân dân cấp xã mới để tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Giao Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận công trình, dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với công trình, dự án bảo đảm theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Tài chính, Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 02, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, chủ đầu tư dự án và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH^{Din}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
04/09/2025 15:01:01

Nguyễn Quang Hưng

Phụ lục 01
ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP QUẢN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI CÁC PHỤ LỤC
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 310/QĐ-UBND NGÀY 16/7/2025 CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản tại Quyết định 310/QĐ-UBND	Điều chỉnh chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Danh mục tại Quyết định 310/QĐ-UBND	Ghi chú
I	<i>Dự án do cấp tỉnh quản lý</i>								
1	Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước thành phố Thái Bình	3683; 14/12/2016	UBND tỉnh	UBND thành phố Thái Bình	các phường: Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm	BQLDA ĐTXD số 02	Sở Xây dựng	STT 3 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
2	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2435; 28/9/2018	UBND tỉnh	UBND huyện Kiến Xương	xã Kiến Xương, xã Bình Thanh	UBND xã Kiến Xương	BQLDA ĐTXD số 02	STT 24 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
II	<i>Dự án chuyển giao về cấp xã quản lý</i>								
1	HTKT khu ĐFC Đồng Lôi (HM chưa thực hiện)	6021; 30/10/2015	UBND TP Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Lãm	STT 02 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	UBND phường Trần Lãm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường: Trần Hưng Đạo, Thái Bình và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình (trước sắp nhập) (như dự án tuyến đường tỉnh 454, đoạn từ đường Trần Thái Tông đến nút giao Quốc lộ 10 tại Khu công nghiệp TBS Sông Trà (BT), ...)
2	Đường QH số 2 thuộc QH Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình	4051; 29/10/2019	UBND TP Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Thái Bình	UBND phường Trần Hưng Đạo	STT 17 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
3	Đường vào khu Lăng mộ Thái úy Lưu Khánh Đàm, kết hợp làm đường cứu hộ cứu nạn đề bồi lưu xá xã Canh Tân	1874; 25/3/2025	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Ngự Thiên, xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	UBND xã Ngự Thiên	STT 201 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
4	Tuyến đường nối từ đường ĐH 66B với đường Tỉnh ĐT.468 (Đường Từ thái Bình - Hà Nam) đoạn từ 453 đến đường ĐH 66B	1626; 24/2/2025	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Long Hưng, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Lê Quý Đôn	UBND xã Long Hưng	STT 203 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
5	Cải tạo, sửa chữa khu lưu niệm chi bộ Thư Vũ	2836/QĐ-UBND 17/5/2024	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	Xã Thư Vũ	UBND xã Vũ Thư	UBND xã Thư Vũ	STT 310 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
6	Tu bổ, tôn tạo khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Tân Hòa)	09/NQ; 07/6/2024	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	phường Thái Bình	UBND xã Vũ Thư	UBND phường Thái Bình	STT 355 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
7	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.65A, ĐH.65B huyện Hưng Hà; Đoạn từ Quốc lộ 39 (Km46+100) đến đường ĐH.59 đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà	2189; 26/4/2024	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Long Hưng, xã Tiên La, xã Ngự Thiên	UBND xã Long Hưng	UBND xã Tiên La	STT 176 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
III	<i>Dự án chuyển giao về cấp tỉnh quản lý</i>								
1	Xây dựng Hầm trung tâm Sở chỉ huy cơ bản khu vực phòng thủ thành phố Thái Bình	Số 01; ngày 27/9/2024	UBND thành phố Thái Bình	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hưng Yên	STT 31 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	

Phụ lục 02

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ ĐIỀU CHUYỂN NHIỆM VỤ CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 844 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
I	Dự án do cấp tỉnh quản lý							
1	Xử lý cấp bách đề Tả Trà Lý đoạn từ K6+600 đến K7+600 xã Hồng Bạch, huyện Đông Hưng (nay là xã Tiên Hưng)	1721/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Đông Hưng	xã Hồng Bạch	xã Tiên Hưng	UBND xã Tiên Hưng	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 456 (đường trục 1) từ cầu Vô Hối đến Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3124; 31/10/2016	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Thụy Thanh, Thụy Duyên, Thụy Phong, Thụy Sơn, Thụy Bình, Thụy Liên, Diêm Điền	Tây Thụy Anh, Thụy Anh, Bắc Thụy Anh và Thái Thụy	Sở Xây dựng	
3	Xử lý khẩn cấp đề cửa sông Hữu Hóa đoạn từ K2+900 đến K7+000, huyện Thái Thụy	1406; 07/6/2017	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Hồng Dũng	Xã Đông Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	
4	Xử lý cấp bách kè bảo vệ đề phía sông, đoạn từ K10+350 đến K11+050 đề cửa sông Trà Lý địa phận xã Thái Thọ	3889; 31/12/2019	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Thọ	Xã Nam Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
5	Xử lý cấp bách nâng cấp cứng hóa mặt đề từ K0+450 đến K4+800 và làm tường chắn sóng đoạn từ K0+450 đến K1+050 đề cửa sông Diêm Hộ, địa phận xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy	97; 09/01/2020	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Nguyên	Xã Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
6	Xử lý cấp bách kè Thiên Kiều thuộc đề cửa sông Trà Lý đoạn từ K3+040 đến K4+000, huyện Thái Thụy	2527; 27/8/2020	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy	Xã Nam Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
7	Xử lý nạo vét và gia cố mái sông N2, huyện Thái Thụy	2018; 18/8/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thụy Quỳnh, xã Hồng Dũng	Xã Đông Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	
8	Xây dựng kè chống sạt lở bờ, bãi sông tả Trà lý đoạn từ K46+520 đến K46+650 và đoạn từ K47+200 đến K48+000 địa phận xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy	1115; 10/5/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Phúc	Xã Bắc Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
9	Xử lý cấp bách kè bảo vệ phía sông đề Hữu Hóa đoạn từ K20+165 đến Km20+575 thuộc địa phận xã Thụy Hưng và đoạn từ K24+840 đến Km25+330 thuộc địa phận xã Thụy Việt, xã Thụy Quỳnh, Thái Thụy	1641; 29/7/2022	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thụy Hưng, Xã Thụy Việt	Xã Bắc Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
10	Kè chống sạt lở đê bồi Lưu Xá, xã Canh Tân đoạn từ K3+250 đến K3+700 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà	1839; 29/7/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Canh Tân	xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
11	Xử lý cấp bách kè Nhâm Lang đoạn từ K9+100 đến K10+200 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà	1686; 13/7/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Hòa Tiến	xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
12	Đường trục xã nối từ đường 226 vào khu vực Đền Mẫu khu di tích lịch sử Nhà Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	2243; 23/9/2009	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Tiến Đức	xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
13	Xử lý cấp bách nạo vét sông Tân Việt và sông Bút Mực, huyện Hưng Hà	1532; 30/6/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Minh Tân, xã Thái Phương, xã Kim Trung	Lê Quý Đôn, Tiên La, Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
14	Nạo vét kênh Đô Kỳ, xã Tây Đô, huyện Hưng Hà	2894; 14/12/2022	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	Văn Cẩm, Thống Nhất, Đông Đô, Tây Đô	xã Diên Hà, xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
II	Dự án chuyển giao về cấp tỉnh quản lý							
1	Nhà Hội trường, nhà thể thao đa năng và các hạng mục phụ trợ của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đông Hưng	1527; 27/3/2024	UBND huyện Đông Hưng	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đông Hưng	Xã Nguyên Xá	Xã Đông Hưng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hưng Yên	

Phụ lục 03
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CHUYỂN GIAO VỀ UBND CẤP XÃ QUẢN LÝ
 (Kèm theo Quyết định số 844 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Ngọc - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ	50/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Ngọc	xã Ngọc Lâm	UBND xã Ngọc Lâm	
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ	34/NQ; 17/9/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã An Ninh	xã Phụ Dực	UBND xã Phụ Dực	
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hưng - giai đoạn 3, huyện Quỳnh Phụ	47/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Tài Giá, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	09/NQ, 14/3/2022; 56/NQ, 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
5	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Phúc Bồi, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	59/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
6	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Cầu Xá, xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ	48/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hải	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
7	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	32/NQ; 17/9/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hồng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
8	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Lượng Cù Bắc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	46/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hồng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
9	Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ	51/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã An Đồng	xã A Sào	UBND xã A Sào	
10	Đường vào nghĩa trang thôn Lang Trung và thôn An Lộc, xã Trung An, huyện Vũ Thư	7433/QĐ; 22/11/2023	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Trung An	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	
11	Xử lý cấp bách nâng cấp tuyến đê bổi Trà Giang - Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	1116/QĐ; 27/3/2015	UBND huyện Kiến Xương	BQLDA ĐTXD huyện Kiến Xương	xã Trà Giang, xã Hồng Thái	xã Trà Giang	UBND xã Trà Giang	
12	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống chạm bạc Đồng Xâm, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	990/QĐ; 20/9/2020	UBND huyện Kiến Xương	BQLDA ĐTXD huyện Kiến Xương	xã Hồng Thái	xã Trà Giang	UBND xã Trà Giang	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
13	Đường vào nhà máy đốt chất thải rắn phát điện công nghệ hiện đại tại xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy (nay là xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên)	1433; 19/5/2025	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	xã Thụy Trinh	xã Thái Thụy	UBND xã Thái Thụy	
14	Đường ĐH.87 đoạn từ ngã ba ông Đình đến chợ bái xã Thái An, huyện Thái Thụy	4307; 14/10/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thái An	Xã Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
15	Đầu tư xây dựng cầu Đen trên đường ĐH.87, huyện Thái Thụy	5443; 29/11/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thái Đô, Xã Mỹ Lộc	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
16	Xây dựng cầu Cơ Gỏi (Km0+960) trên đường Đh.98, huyện Thái Thụy	5164; 09/11/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Tân Học	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
17	Đầu tư xây dựng cầu Chiều trên đường ĐH.93F, huyện Thái Thụy	5789; 22/12/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Mỹ Lộc	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
18	Đầu tư xây dựng Hạ tầng khu tái định cư xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy	315; 16/02/2022	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thụy Liên	Xã Thái Thụy	UBND xã Thái Thụy	
19	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	698; 27/2/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Minh Tân, xã Thái Phương	Xã Tiên La, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Hưng Hà	
20	Dự án Xây dựng khẩn cấp cầu Đồng Lạc giai đoạn 2: Đường nối từ cầu Đồng Lạc đi ngã ba Cống Chén xã Tây Đô, huyện Hưng Hà	4918; 17/9/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Minh Khai, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
21	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60, đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	6312; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Văn Cẩm, Dân Chủ, Duyên Hải	Xã Diên Hà	UBND xã Diên Hà	
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60 đi đường ĐH.64, huyện Hưng Hà	336; 9/8/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Tây Đô, Đông Đô	Xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
23	Xây dựng đường trục huyện ĐH 71, đoạn từ đường ĐH.64A qua xã Hòa Bình, Tây Đô đến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) huyện Hưng Hà; Giai đoạn 2	1547; 10/3/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hòa Bình, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
24	Đường từ ĐT.454 vào khu di tích Hành cung Lỗ Giang xã Hồng Minh; Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2	8054; 30/10/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2	6313; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hòa Bình, Chi Lăng	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
26	Đường ĐH.64 huyện Hưng Hà (đoạn từ ĐT.452 đi đường ĐT.455); Giai đoạn 2: Đoạn từ Km3+500 đến cuối tuyến	6574; 28/9/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Thống Nhất, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
27	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	698; 24/2/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Thái Phương, Minh Tân	Xã Tiên La, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Hưng Hà	
28	Xây dựng chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới nâng cao xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà	6325; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
29	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 39 đi đê sông Hồng (đoạn qua khu Đặng Xá) thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà	6303; 30/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Nhân	Xã Long Hưng	UBND xã Hưng Hà	
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đẩu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	6314; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Tân Hòa, Hòa Tiến, Tân Tiến, Đoàn Hùng, TT Hưng Nhân, TT Hưng Hà	Long Hưng, Ngự Thiên, Tiên La, Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
31	Nạo vét khẩn cấp sông Bán, sông Ba Chai, xã Phúc Khánh	9450; 29/4/2022	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Phúc Khánh	xã Tiên La	UBND xã Hưng Hà	
32	Bảo tồn quần thể di tích kiến trúc thời Trần dưới lòng đất tại Khu di tích Hành cung Lỗ Gang xã Hồng Minh	6324; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
33	Đường cứu hộ cứu nạn, đoạn từ đường ĐT.454 xã Minh Hòa đi đê Trà Lý xã Hồng Minh (giai đoạn 2)	5340; 2/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Hồng Minh, xã Chí hòa	Xã Hồng Minh	UBND xã Hồng Minh	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	7238; 23/9/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã: Phúc Khánh, Hòa Tiến, Tân Hòa, Cộng Hòa, Canh Tân	xã Tiên La, xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
35	Nạo vét sông trục B đoạn từ ngã tư Thanh Lãng xã Minh Hòa đi cầu Chanh xã Chí Hòa	3878; 26/5/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã: Minh Hòa, Chí Hòa	Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
36	Xử lý cấp bách Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các hạng mục phụ trợ thuộc Trụ sở Huyện ủy, huyện Hưng Hà	6617; 03/10/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
37	Lắp đặt Camera an ninh tại các địa bàn trọng điểm phục vụ công tác phòng, ngừa, đấu tranh tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện - giai đoạn 1	8100; 17/11/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã trên địa bàn huyện	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
38	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vĩ Sỹ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diêu Dung công chúa, xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	5471; 16/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Hồng Minh, xã Chí hòa	Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
39	Xây dựng công trình đường vào đền Tiên La, huyện Hưng Hà; đoạn nối từ đường ĐH.59 (Km4+850) với đường ĐH.70B (tại Km3+300)	6315; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Tân Tiến, Đoàn Hùng	Xã Tiên La	UBND xã Tiên La	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
40	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phúc Lộc (giai đoạn 2), thị trấn Hưng Hà	5757; 10/8/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà, Xã Kim Trung	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
41	Tuyến đường T45 đoạn từ QL 39 (xã Liên Hiệp) đến khu DTLS Quốc gia đặc biệt đề thờ và lăng mộ các vị vua Triều Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	2127; 9/4/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Liên Hiệp, Tiến Đức, Thái Hưng	Xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
42	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà đến năm 2023	8443; 26/11/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
43	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà đến năm 2023	8444; 26/11/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Nhân	xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
44	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã, Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hưng Hà	6244; 9/6/2025	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
45	Dự án hạ tầng kỹ thuật dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà	2962; 28/4/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
46	Tu sửa một số hạng mục công trình Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà	6834; 19/6/2025	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
47	TT giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đông Hưng; hạng mục nhà học 3 tầng và các phòng chức năng	3612; 05/5/2021	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	TT Đông Hưng	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
48	Đường ĐH54 từ đê tả sông Trà Lý đến ngã tư Đông Giang	6212; 28/9/2020	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông Giang; Đông Vinh; Đông Á; Đông Phong; Đông Huy	Xã Đông Quan; Bắc Đông Quan	UBND xã Đông Hưng	
49	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ cứu nạn ĐH.48 từ đê tả Trà lý đến cầu Phiến, huyện Đông Hưng	7948; 01/11/2021	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Hồng Bạch; Hồng Giang	Xã Tiên Hưng; Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Hưng	
50	Đầu tư xây dựng công trình Trường THCS Phạm Huy Quang, hạng mục : Nhà lớp học 03 tầng 24 phòng học và nhà Hiệu bộ	1127; 25/3/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	TT Đông Hưng	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
51	Đường ĐH.53 đoạn từ cầu Lan xã Đông Vinh đến đường ĐT.396B xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng	3256; 06/7/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông Vinh; Đông Tân; Đông Kinh	Xã Đông Quan; Bắc Đông Quan	UBND xã Đông Hưng	
52	Đường cứu hộ, cứu nạn từ QL39 đến đê tả Trà lý qua xã Phú châu, xã Trọng quan, huyện Đông Hưng	3620; 15/7/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Phú Châu; Trọng Quan	Đông Tiên Hưng; Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Hưng	
53	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ huyện Đông Hưng Giai đoạn I	576; 16/2/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyễn Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
54	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ huyện Đông Hưng Giai đoạn 2	8249; 25/12/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyên Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
55	Xây dựng hạ tầng khu đất 5% dịch vụ tại thôn Bảo Châu xã Đông La	747; 06/02/2024	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông La	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
56	Đường ven sông Thống nhất đoạn từ đền thờ đại tướng Võ Nguyên Giáp đến cầu Thống Nhất, huyện Đông Hưng	6059; 02/10/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyên Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
57	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Xá	5876; 08/11/2022	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Đông Xá	Xã Bắc Đông Hưng	UBND xã Bắc Đông Hưng	
58	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Hợp Tiến	5879; 08/11/2022	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
59	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã An Châu	698; 20/02/2023	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Liên An Đô	xã Bắc Tiên Hưng	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
60	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Lô Giang	7668; 08/12/2023	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Lô Giang	xã Bắc Tiên Hưng	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
61	Khu tái định cư xã Đông Vinh phục vụ dự án ĐTXD tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngành	6842; 16/9/2023	UBND huyện Đông Hưng	Hội đồng GPMB tuyến đường bộ từ TP. Thái Bình đi cầu Ngành	xã Đông Vinh	xã Bắc Đông Quan	UBND xã Bắc Đông Quan	
62	Đường liên xã Chương Dương - Minh Phú giai đoạn 2	4811; 05/7/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	Xã Phong Dương Tiến, xã Minh Phú	Đông Tiên Hưng, Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
63	Xử lý cấp bách cống Trọng Phú	4371; 15/06/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	Xã Phú Châu, Trọng Quan	Đông Tiên Hưng, Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
64	Đường cứu hộ đoạn từ QL 39 đến đê Trà Lý xã Đông Hoàng	1985; 29/3/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Đông Hoàng	xã Nam Đông Hưng	UBND xã Nam Đông Hưng	
65	Cải tạo nc cầu Bái thôn Long Bối xã Đông Hợp	6225; 10/10/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Đông hợp	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
66	Cải tạo, nâng cấp cầu Hợp Tiến, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hưng	4945; 28/07/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
67	Cải tạo, nâng cấp cầu Chương Dương, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng	5870; 19/09/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
68	HTKT khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	Số 3628 ngày 25/12/2012	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
69	Các hạng mục còn lại khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	Số 3757 ngày 7/11/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
70	HTKT khu dân cư tiếp giáp khu TĐC Đồng Lôi và khu đất còn lại của quy hoạch TĐC Đồng Lôi, phường Kỳ Bá	Số 5939 ngày 30/10/2015	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Kỳ Bá	phường Trần Lâm	UBND phường Trần Lâm	UBND phường Trần Lâm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình (trước sắp nhập)
71	Đường Ngô Quyền (đoạn còn lại đến đường Lý Thường Kiệt), thành phố Thái Bình.	Số 5459 ngày 28/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lâm	phường Trần Lâm	UBND phường Trần Lâm	
72	Trường tiểu học Hoàng Diệu	Số 4697 ngày 30/11/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Hoàng Diệu	phường Trà Lý	UBND phường Trà Lý	Dự tạm ứng
73	Trường THCS Hoàng Diệu	Số 4421 ngày 15/11/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Hoàng Diệu	phường Trà Lý	UBND phường Trà Lý	
74	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Lê Đại Hành (Từ Lê Quý Đôn đến Lý Bôn)	Số 3434 ngày 24/8/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lâm	phường Trần Lâm	UBND phường Trần Lâm	Dự tạm ứng

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
75	Cầu Phạm Thế Hiển (Nối đường Phạm Thế Hiển)	Số 2460 ngày 12/7/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
76	Đường nối từ đường Trần Phú đến đường Phạm Thế Hiển (giáp công viên phía Nam thuộc công viên 30-6)	Số 853 ngày 11/4/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
77	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Số 4264 ngày 2/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bò Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
78	Trường tiểu học Tiền Phong, thành phố Thái Bình	Số 2576 ngày 4/8/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bò Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
79	Trường Tiểu học Phúc Khánh, thành phố Thái Bình	Số 3129 ngày 5/8/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Phúc Khánh	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	Dự tạm ứng
80	Cầu Máy Miến, thành phố Thái Bình	Số 4220 ngày 27/10/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
81	Cầu Phan Bội Châu, thành phố Thái Bình	Số 1119 ngày 04/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Liên phường	phường Trần Lâm - phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
82	HTKT nhóm nhà ở tại khu đất Ao chiến thắng cũ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình	Số 2712 ngày 30/6/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
83	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lòng đường, hệ thống thoát nước đường Bò Xuyên (từ Lý Thường Kiệt đến Lê Quý Đôn) và đường Đỗ Lý Khiêm	Số 3758 ngày 07/11/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bò Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
84	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ Cổng Tráng đến cầu Chu Văn An) và cải tạo, sửa chữa lan can đường Hùng Vương (đoạn từ nút giao Phúc Khánh đến hết địa phận thành phố Thái Bình)	Số 4184 ngày 4/12/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Quang Trung	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
85	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè phố Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Kỳ Đồng đến phố Lý Thường Kiệt) và đường Kỳ Đồng (đoạn từ đường Quang Trung đến phố Trần Hưng Đạo), thành phố Thái Bình	3107/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
86	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy	Số 5043 ngày 5/12/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm triển khai và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với Dự án để bàn giao tài sản công (trụ sở Thành ủy Thái Bình) cho Bảo tàng tỉnh Hưng Yên bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, tài sản công,...

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
87	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND và UBND thành phố	Số 1178 ngày 26/4/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
88	Cải tạo nâng cấp cầu Lương Thực	3543/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Phường Đề Thám	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	
89	Công viên Kỳ Bá	Số 2478 ngày 8/7/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Phường Kỳ Bá	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	Dự tạm ứng
90	Cầu qua sông 3-2 (nối đường Kỳ Bá với đường Ngô Quyền), thành phố Thái Bình		UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	Chưa PD DA
91	Hồ Ty Diệu	Số 4912 ngày 25/12/2020	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bồ Xuyên	Phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	
92	Xây dựng khu dân cư, TĐC và CTCC phường Trần Lãm	Số 297 ngày 06/02/2013	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
93	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và các công trình công cộng tại tổ 7 phường Phú Khánh (giai đoạn 2)	Số 4780 ngày 31/10/2018	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Phú Khánh	Phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	
94	Quy hoạch chi tiết hệ thống giao thông xã Phú Xuân	Số 1950 ngày 14/11/2014	UBND thành phố Thái Bình	UBND xã Phú Xuân	xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	
95	GPMB mở rộng KCN Phúc Khánh		UBND thành phố Thái Bình	Trung tâm PTQĐ TP. Thái Bình	phường Phú Khánh	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	DA thực hiện từ những năm 2002-2003
96	GPMB KCN Nguyễn Đức Cánh		UBND thành phố Thái Bình	Trung tâm PTQĐ TP. Thái Bình	xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	DA thực hiện từ những năm 2002-2003
97	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 (giai đoạn 2) đoạn từ đường Đại Đồng đến ĐT.462 xã Nam Trung, huyện Tiền Hải	337; 19/01/2021	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Nam Trung	Xã Hưng Phú	UBND xã Tiền Hải	
98	Cải tạo, nâng cấp đường Tây Ninh, Đông Phong, huyện Tiền Hải	4786; 28/6/2021	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Ninh, Đông Quang	Xã Tiền Hải, Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
99	Xây dựng, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn Đông Trà - Đông Xuyên kéo dài giao đường cứu hộ cứu nạn 221D (ĐH.31)	9886; 26/12/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Đông Trà, Đông Xuyên	Xã Đông Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
100	Cải tạo, mở rộng đường cứu hộ, cứu nạn ĐH.32 từ ĐT.464 ngã ba Đông Xuyên đi xã Đông Long đến đê biển số 6	1250; 10/3/2022	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Đông Xuyên, Đông Long	Xã Đông Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
101	Tôn tạo di tích khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Cường, huyện Tiên Hải (gđ2)	1995; 14/4/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Nam Cường	Xã Nam Cường	UBND xã Tiên Hải	
102	Xây dựng cầu Vũ Lăng trên đường Tây An - Vũ Lăng (ĐH.38), huyện Tiên Hải	2553; 29/4/2022	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Vũ Lăng	Xã Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
103	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối khu dân cư thôn Quan Trạch xã Tây Phong với đường huyện ĐH.30, huyện Tiên Hải	1738; 04/4/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Tây Phong	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiên Hải	
104	Đường liên xã từ đường 221D xã Đông Quý đi xã Đông Trà, huyện Tiên Hải.	1992; 14/4/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Đông Quý, Đông Trà	Xã Đông Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
105	Cải tạo bổ sung các HM NLV Huyện ủy-HĐND-UBND huyện Tiên Hải và các phòng chuyên môn. Hạng mục: Cải tạo BS NLV Huyện ủy và các phòng chuyên môn-UBND-phòng TNMT-TTPTQĐ&CCN-CNVĐKĐĐ-TTĐCT	4378; 27/6/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Thị trấn Tiên Hải	Xã Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
106	Hạ tầng khu dân cư khu đất cũ Nhà máy kéo tại thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải	5444; 21/7/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Thị trấn Tiên Hải	Xã Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
107	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Ái (Từ hiệu thuốc TL.458 đến TL.465)	611; 06/2/2024	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Thị trấn Tiên Hải	Xã Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
108	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã 3 Trường Tiểu học Đông Hải đến cổng An Long xã Đông Long.	920; 27/02/2024	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Đông Long	Xã Đông Tiên Hải	UBND xã Tiên Hải	
109	Xây dựng các hạng mục phụ trợ sân, cổng tường rào, rãnh thoát nước thuộc công trình phục vụ phòng, chống dịch và tiêm chủng mở rộng tại Trung tâm y tế huyện Tiên Hải	3519; 09/7/2024	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiên Hải	
110	Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Nam kênh Cổ Rồng xã Tây Giang, huyện Tiên Hải.	1100; 08/3/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiên Hải	
111	Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Bắc kênh Cổ Rồng xã Tây Giang, huyện Tiên Hải.	1101; 08/3/2023	UBND huyện Tiên Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiên Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiên Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
112	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - tái định cư tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hải, huyện Tiền Hải.	2309; 26/04/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Nam Hải	Xã Nam Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
113	Cải tạo Nhà làm việc Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện Tiền Hải và cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật.	926; 11/02/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
114	Xử lý khẩn cấp sạt lở đường vào khu quản lý Cồn Vành xã Nam Phú huyện Tiền Hải	1419; 06/3/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	xã Nam Phú	Xã Hưng Phú	UBND xã Tiền Hải	
115	Xây mới các cống qua đường trên tuyến đường ĐH.36 (Đoạn từ xã Đông Cơ đi xã Đông Trung) Hạng mục: Xây mới cống và cải tạo đường	1656; 17/3/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Đông Cơ, Đông Trung	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Đông Tiền Hải	
116	Xây dựng trạm bơm tưới xã Đông Phong, huyện Tiền Hải	69; 11/1/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Phong	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
117	Xây dựng cống Gốc Bàng xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải	64; 10/1/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Thịnh	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
118	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Nam Thịnh	7854; 03/11/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Thịnh	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
119	Xây mới trạm bơm tưới thôn Đông Hào, xã Nam Hà	8189; 18/11/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Hà	Xã Nam Tiền Hải	UBND Xã Nam Tiền Hải	
120	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	4518; 9/9/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Chính	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
121	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Đông Trà	3867; 29/7/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Trà	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
122	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Hưng	3868; 29/7/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Hưng	Xã Hưng Phú	UBND Xã Hưng Phú	
123	Kè nâng bãi, tạo hành lang bảo vệ để kết hợp sân bãi đổ xe, sân khấu ngoài trời đền Hưng Long, xã Đông Long	2255; 21/5/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Long	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
124	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Trung	7198; 10/10/2023	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Trung	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
125	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Phương Công	1737; 19/4/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Phương Công	Xã Tây Tiền Hải	UBND Xã Tây Tiền Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
126	Tuyến đường nối từ đường tỉnh Đ.463 vào Khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Keo	334; 01/02/2016	UBND huyện Vũ Thư	Ban QLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Vũ Tiến	xã Vũ Tiến	UBND xã Vũ Thư	
127	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 đường số 2 kéo dài và các khu dân cư hai bên đường số 2, huyện Vũ Thư	3872; 04/7/2017	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Minh Lăng, Minh Quang	xã Vũ Thư; xã Thư Trì	UBND xã Vũ Thư	
128	Đường vào nghĩa trang thôn Lang Trung và thôn An Lộc, xã Trung An, huyện Vũ Thư	1622; 29/3/2023	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Trung An	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A SÀO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 297/UBND-KT

A Sào, ngày 24 tháng 11 năm 2025

V/v cấp điện đầu nối cho dự án: Xây
dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng -
giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ

Kính gửi: Đội quản lý Điện lực khu vực Quỳnh Phụ.

Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng -giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 phù hợp với quy hoạch chung và đảm bảo khả năng phục vụ cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã A Sào nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

Ủy ban nhân dân xã đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án. Để đáp ứng nhu cầu cung cấp điện ổn định, liên tục và đảm bảo chất lượng điện năng cần thiết phải đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho dự án với những nội dung sau:

- Điểm đầu nối dự kiến: tại đường dây 22kV lộ 471 E11.8.
- Xây dựng đường cáp ngầm 22kV cấp điện 03 Trạm biến áp (Trạm biến áp số 1 công suất 400kVA – 22/0,4kV; Trạm biến áp số 2 công suất 630kVA – 22/0,4kV; Trạm biến áp số 3 công suất 320kVA – 22/0,4kV).
- Xây dựng đường cáp ngầm 0,4kV cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng khu dân cư.

Thực hiện đúng quy trình, quy phạm của ngành điện, Ủy ban nhân dân xã đề nghị Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ tạo điều kiện đồng ý cấp điện và thỏa thuận đầu nối cho dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng -giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ với những nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, KT, NVL.



Bùi Đình Thao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ A SÀO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 298/UBND-KT

A Sào, ngày 24 tháng 11 năm 2025

(V/v Thỏa thuận cấp nước sạch cho dự
án Xây dựng hạ tầng khu dân cư An
Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ.)

Kính gửi: Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng

Căn cứ vào nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 của HĐND huyện Quỳnh Phụ V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ;

Căn cứ vào Quyết định số 7317/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND huyện Quỳnh Phụ V/v bàn giao dự án đầu tư: Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ;

UBND xã đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án. Để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước ổn định, liên tục và đảm bảo chất lượng nước sạch cần thiết phải đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho dự án với những nội dung sau:

Theo quy hoạch nước sạch cấp cho An Đồng, xã A Sào được cấp nguồn từ mạng lưới cấp nước của Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng.

Theo hồ sơ thiết kế quy hoạch dự án trí điểm đầu nối cấp nước cho dự án tại 02 điểm trên đường QH10 theo yêu cầu thiết kế lưu lượng nước đảm bảo $Q = 700\text{m}^3/\text{h}$, $H = 25\text{m}$, áp lực nước $1.5\text{-}2\text{Kg}/\text{cm}^2$.

Để có cơ sở đảm bảo điều kiện cung cấp nước cho dự án sau này, UBND xã A Sào đề nghị Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng chấp thuận cung cấp nước sạch và bố trí điểm đầu nối.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT;

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Thao

Số: 06 /PA-UBND

A Sào, ngày 10 tháng 11 năm 2025

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất: Ủy ban nhân dân xã A Sào.

Địa chỉ: xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ.

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: 9,35 ha.

- Tổng diện tích thu hồi là khoảng 10,5 ha, trong đó: diện tích đất chuyên trồng lúa nước thuộc dự án (LUC) là 93.490 m². Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bóc tách là 89.120 m² (diện tích đất chuyên trồng lúa nước thuộc dự án là 93.490 m² trừ phần diện tích đất lúa không bóc tách thuộc phạm vi đất cây xanh 4.370 m²).

- Địa điểm sử dụng: thôn Vũ Xá, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: (diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách (m²) x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m)): 89.120 m² x 0,2 m = 17.824 m³

- Sử dụng máy ủi (máy xúc) nạo một lớp đất mặt đảm bảo độ sâu khoảng 20cm, khối lượng lớp đất này được vận chuyển ra khu vực trồng cây xanh của dự án và khu vực đất lưu không giao thông.

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a. Sử dụng trong khuôn viên dự án: 8.155 m³, cụ thể như sau:

+ 6.555 m³ để san tạo mặt bằng hiện trạng lên cao độ thiết kế với độ chênh cao trung bình 1,5 m tại các khu vực diện tích đất cây xanh công cộng là 4.370 m²;

+ 1.600 m³ tận dụng cho phần diện tích đắp vào ô đất trồng cây xanh vỉa hè, dự kiến khoảng 400 ô trồng cây.

Địa điểm sử dụng: thôn Vũ Xá, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.

b. Sử dụng ngoài khuôn viên dự án: 9.669 m³ tại bãi tập kết vật liệu trước khi vận chuyển đến khu vực có nhu cầu tận dụng đất hữu cơ cho mục đích nông nghiệp.

Địa điểm sử dụng: thôn A Sào, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên

(Có bản vẽ tổng thể trích lục khu vực dự án gửi kèm)

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa để tôn cao nền ruộng trồng thắp trên diện tích đất cây xanh công cộng, tận dụng cho phần diện tích đắp vào ô đất trồng cây xanh vỉa hè và cung cấp đất hữu cơ cho các khu vực có nhu cầu tận dụng cho mục đích nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân xã A Sào cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên./.

Nơi nhận:

- UBND xã A Sào;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Thao

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỀN

	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG
	Dc: LK 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, Yên Nghĩa, Hà Đông, TP. Hà Nội Tell: 0988177526 - 0333258686

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồigiờ, ngày 12 tháng 9 năm 2025.

Tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN**

Địa chỉ: Dự án: Xây dựng hạ tầng KDC An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ - Xã A Sào, tỉnh Hưng Yên

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN DỰ ÁN: UBND xã A Sào

1. Ông (bà): Trần Quang Khải, Chức vụ: Phó phòng kinh tế

2. Ông (bà):, Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN

1. Ông (bà): Hoàng Anh Đức, Chức vụ: Giám đốc

2. Ông (bà):, Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

3. Ông (bà): Nguyễn Tuấn Bình, Chức vụ: NV

4. Ông (bà):, Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

IV. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Thời tiết: Trời nắng

V. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

VI. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT:

Mẫu được thu, bảo quản đúng theo TCVN hiện hành và có niêm phong của các bên liên quan.

VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Stt	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ký hiệu mẫu
A	Nước mặt		

1	Mẫu nước mặt tại vị trí kênh hiện trạng tiếp giáp phía Tây Nam khu 1 dự án	X:2290171.1 Y:592017.6	NM1
2	Mẫu nước mặt tại vị trí kênh hiện trạng cách phía Đông khu 1 dự án khoảng 75m	X:2290366.6 Y:592389.7	NM2
B Không khí xung quanh			
1	Mẫu không khí phía Bắc tại khu 1 dự án	X:2290188.9 Y:592015.4	KK1
2	Mẫu không khí khu vực dân cư tiếp giáp phía Đông khu 2 dự án	X:2290114.5 Y:592562.1	KK2
3	Mẫu không khí giữa khu 1 và khu 2 dự án	X:2290219.7 Y:592246.9	KK3
C Đất			
1	Mẫu đất tại phía Bắc khu 1 dự án	X:2290195.3 Y:592048.1	D1
2	Mẫu đất tại phía Đông khu 2 dự án	X:2290128.6 Y:592535.4	D2

VII. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU :

- **Khí thải:** ☐ US EPA method 2, ☐ US EPA method 5, ☐ US EPA method 8, ☐ US EPA method 26, ☐ US EPA method 29, ☐ PD/ CEN 13649:2014,

- **Không khí:** ☐ QCVN 46:2012/BTNMT, ☐ TCVN 5067:1995, ☐ TTP.SPT.KXQ, ☐ TCVN 5971:1995, ☐ TCVN 6137:2009,

- **Nước Thải:** ☐ TCVN 6663:2016,

Việc đo đạc, lấy mẫu:

Bắt đầu hồi giờ Phút, ngày 15, tháng 9, năm 2015...

Kết thúc hồi giờ phút, ngày 15, tháng 9, năm 2015...

Quá trình lấy mẫu và bảo quản mẫu theo đúng trình tự, không làm ảnh hưởng đến chất lượng, số lượng và trạng thái mẫu.

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và được gửi cho các bên tham gia.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
LẤY MẪU**

Nguyễn Thảo Bình

ĐẠI DIỆN
UBND xã A. Sào



Trần Quang Khải

ĐẠI DIỆN
Đm 3997.33 vãn... ATM...



GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Đức



THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kỹ thuật môi trường và chất lượng

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 06857/2025/PKQ(25.4636)

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN
- Địa chỉ** : Lô số 9, ngách 16, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu** : Dự án: Xây dựng hạ tầng KDC An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ - Xã A Sào, tỉnh Hưng Yên
- Ngày lấy mẫu** : 13/09/2025
- Ngày trả kết quả** : 29/09/2025
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KXQ130925-011	KK1	Mẫu không khí phía Bắc tại khu 1 dự án (2290188,9; 592015,4)	Không khí xung quanh
2	KXQ130925-012	KK2	Mẫu không khí khu vực dân cư tiếp giáp phía Đông khu 2 dự án (2290114,5; 592562,1)	Không khí xung quanh
3	KXQ130925-013	KK3	Mẫu không khí giữa khu 1 và khu 2 dự án (2290219,7; 592246,9)	Không khí xung quanh

7. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/BTNMT TB 1h
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,7	28,5	29,3	-
2	Độ ẩm ^(b)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	57,8	55,6	56,2	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,6	0,5	-
4	Hướng gió ^(b)	-	QCVN 46:2022/BTNMT	Đông Bắc	Đông Nam	Tây Nam	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	92,6	109,3	90,8	300
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62,4	52,4	44,6	200
7	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	51,1	56,3	34,7	350
8	CO ^(b)	µg/Nm ³	TTP.SPT.KXQ.01	KPH (MDL = 3.480)	KPH (MDL = 3.480)	KPH (MDL = 3.480)	30.000
9	Tiếng ồn (LAeq) ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,8	56,7	57,5	70 ⁽¹⁾
10	Tiếng ồn (LAmax) ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	59,7	60,7	-

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- TB 1h: là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 06856/2025/PKQ(25.4636)

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN
2. Địa chỉ : Lô số 9, ngách 16, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Dự án: Xây dựng hạ tầng KDC An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ - Xã A Sào, tỉnh Hưng Yên
4. Ngày lấy mẫu : 13/09/2025
5. Ngày trả kết quả : 29/09/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NM130925-007	NM1	Mẫu nước mặt tại vị trí kênh hiện trạng tiếp giáp phía Tây Nam khu 1 dự án (2290171,1; 592017,6)	Nước mặt
2	NM130925-008	NM2	Mẫu nước mặt tại vị trí kênh hiện trạng cách phía Đông khu 1 dự án khoảng 75m (2290366,6; 592389,7)	Nước mặt

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 - Mức B
				NM1	NM2	
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20° C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	3,98	5,18	≤ 6
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	9,41	12,6	≤ 15
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	75	81	≤ 100
4	NH ₄ ⁺ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,13	0,12	0,3 ⁽¹⁾
5	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/l	TCVN 6194:1996	15,3	11,1	250 ⁽¹⁾
6	NO ₂ ⁻ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6178:1996	KPH (MDL = 0,004)	KPH (MDL = 0,004)	0,05 ⁽¹⁾
7	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114 B:2023	KPH (MDL = 0,0006)	KPH (MDL = 0,0006)	0,01 ⁽¹⁾
8	Tổng N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3.E:2023	0,53	0,5	≤ 1,5
9	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,066	0,053	≤ 0,3
10	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,05	0,07	0,5 ⁽¹⁾
11	E.coli ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH	KPH	20 ⁽¹⁾

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Bảng 2 - Mức B: Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.
- (1): Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

PGIÁM ĐỐC





Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 06858/2025/PKQ(25.4636)

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN
2. Địa chỉ : Lô số 9, ngách 16, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Dự án: Xây dựng hạ tầng KDC An Đồng – giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ - Xã A Sào, tỉnh Hưng Yên
4. Ngày lấy mẫu : 13/09/2025
5. Ngày trả kết quả : 29/09/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	Đ130925-007	Đ1	Mẫu đất tại phía Bắc khu 1 dự án (2290195,3; 592048,1)	Đất
2	Đ130925-008	Đ2	Mẫu đất tại phía Đông khu 2 dự án (2290128,6; 592535,4)	Đất

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 03:2023/ BTNMT
				Đ1	Đ2	Loại 2
1	As ^(b)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL = 0,1)	KPH (MDL = 0,1)	50
2	Cd ^(b)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	KPH (MDL = 0,60)	0,60	10
3	Cu ^(b)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	64,2	61,3	500
4	Pb ^(b)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	20,0	23,1	400
5	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	66,9	65,2	600

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất
- Loại 2: Bao gồm Nhóm đất rừng, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất thương mại, dịch vụ; Đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, và mặt nước chuyên dùng mà không sử dụng theo mục đích như nêu tại loại 1 và loại 3; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC




Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 01-08/2025/HĐNT

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BTNMT ngày 10/1/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ tài nguyên và môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư xây dựng và Môi trường Hà Nội Green và năng lực của Công ty cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát.

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2025, tại Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN

Địa chỉ : Lô số 9, ngách 16, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội
Người đại diện : Ông Hoàng Anh Đức
Chức vụ : Giám đốc
Mã số thuế : 0110300133
Điện thoại : 0988 772 941

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Trụ sở : LK423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội.
Người đại diện : Ông Khuất Anh Tuấn
Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 0815856611
Mã số thuế : 0107350127
Số tài khoản : 1007403832 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB)- PGD Cầu Diễn, Hà Thành



Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với các điều sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

1.1: Bên A thuê bên B quan trắc, phân tích chất lượng môi trường và lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường (nếu có) theo yêu cầu của bên A. Các chỉ tiêu quan trắc và phân tích của từng đợt do bên A xác định được thực hiện theo yêu cầu và thanh toán căn cứ khối lượng thực tế trong biên bản nghiệm thu và thanh lý từng đợt của hợp đồng.

1.2: Chất lượng công việc: Tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 2: Thời gian hoàn thành và sản phẩm bàn giao

- Thời gian tiến hành lấy mẫu: theo yêu cầu của bên A
- Thời gian hoàn thành: sau 25 ngày kể từ ngày kết thúc quan trắc tại hiện trường hoặc kể từ ngày nhận mẫu (trừ trường hợp với mẫu gửi nhà thầu phụ thực hiện);
- Sản phẩm bàn giao gồm:
 - + 03 phiếu kết quả quan trắc/01 đợt quan trắc;
 - + 03 quyển báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường/đợt (nếu cần).

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1: Hình thức hợp đồng, giá trị hợp đồng

3.1.1 Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, bao gồm: lấy các mẫu môi trường và phân tích các mẫu theo thực tế từng lần phát sinh và các chi phí khác (nếu có).

3.1.2 Giá trị hợp đồng:

Hợp đồng sẽ được thanh toán theo từng đợt quan trắc và phân tích mẫu môi trường dựa trên nội dung công việc và số lượng mẫu thực tế mà bên B thực hiện quan trắc và phân tích theo yêu cầu mà bên A đã gửi cho bên B (Báo giá từng đợt cụ thể bên B sẽ gửi theo yêu cầu của bên A). Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, chứng từ.

3.2: Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam theo hình thức thanh toán tiền mặt hoặc thanh toán chuyển khoản cho Bên B theo địa chỉ sau:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - + Đồng tiền thanh toán: VNĐ
 - + Phí chuyển tiền do bên A chịu

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, các chỉ tiêu quan trắc để Bên B thực hiện các công việc nêu tại **Điều 1** hợp đồng này;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ số tiền theo tiến độ ghi trong **Điều 3** của bản hợp đồng này.

- Cử người phối hợp với bên B để hoàn thành tốt công việc
- Đảm bảo các vị trí lấy mẫu đáp ứng đủ theo quy định hiện hành về quan trắc và lấy mẫu để hỗ trợ cho việc lấy mẫu được thuận lợi đúng quy định và có thể chụp hình ghi lại quá trình lấy mẫu.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ công việc theo nội dung của hợp đồng này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.
- Cam kết là đơn vị có đủ điều kiện, giấy phép theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc trong hợp đồng này.
- Cử cán bộ có đầy đủ năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo yêu cầu của hợp đồng này.
- Cam kết đảm bảo các sản phẩm giao nộp cho bên A hoàn toàn có giá trị pháp lý theo đúng Luật định của Nhà nước.

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết;
- Trường hợp không đạt được thỏa thuận, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc phát sinh phải được hai bên bàn bạc và thống nhất bằng văn bản. Bên nào đơn phương thay đổi, không tuân theo các điều khoản của Hợp đồng làm thiệt hại cho bên kia phải chịu bồi thường theo luật định.
- Mọi bổ sung hoặc thay đổi hợp đồng phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và được coi như là một phụ lục không thể tách rời khỏi hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực 1 năm kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này gồm 06 điều khoản, 03 trang, được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC
Hoàng Anh Đức



GIÁM ĐỐC
Khuất Anh Tuấn

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0107350127

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 14 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH
TRƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH TRUONG PHAT ENVIRONMENT
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Liền kề 423 Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 0975143061

Fax:

Email: *thinhtruongphat.vn@mail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 004090008648

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2606 - CT1 - Tòa nhà ICID Complex - C37 Khu C khu đô
thị hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 2606 - CT1 - Tòa nhà ICID Complex - C37 Khu C khu đô thị
hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam



Số: 31 /GCN-BNNMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 06/ĐĐN-TTP/2025 ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát

- Địa chỉ: Liền kề 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 081.585.6611

Email: TTP2022@thinhtruongphat.com.vn

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 316**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 06.. tháng 7... năm 2028. Kể từ ngày Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 20/GCN-BTNMT ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực thi hành.

4. Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở NN&MT Tp. Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, MT, CLMT(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục**PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG****Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát***(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)***1. Nước****1.1. Nước mặt****1.1.1. Quan trắc hiện trường**

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2023	4 ÷ 50°C
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325: 2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	TTP.SĐN.N.01	0 ÷ 100 g/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510.B:2023	0 ÷ 200 mS/cm
6.	Thế oxy hoá khử (ORP)	SMEWW 2580.B:2023	-1999 ÷ 1999 mV
7.	Độ đục	SMEWW 2130.B:2023	0 ÷ 1000 NTU
8.	Độ muối	SMEWW 2520.B:2023	0 ÷ 70 ‰
9.	Độ trong	TTP.SĐN.N.03	0 ÷ 1,5 m
10.	Độ màu	TTP.SĐN.N.02	0 ÷ 500 Pt-Co

*TTP.SĐN.N.01: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường**TTP.SĐN.N.02: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc Độ màu tại hiện trường**TTP.SĐN.N.03: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc Độ trong tại hiện trường.*

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-4:2020
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011
3.	Mẫu thực vật nổi	SMEWW 10200B:2023
4.	Mẫu động vật nổi	SMEWW 10200B:2023
5.	Mẫu động vật đáy	SMEWW 10500B:2023

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	1,3 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
4.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO ₃ .E:2023	0,15 mg/L
5.	Tổng Phosphor	TCVN 6202:2008	0,007 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
8.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D: 2023	0,02 mg/L
9.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
10.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
11.	Phosphate (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,007 mg/L
12.	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
13.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
14.	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6636-1:2000	6,0 mg/L
15.	Độ màu	TCVN 6185 (C) : 2015	4,0 Pt/Co
16.	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500.SO ₄ ²⁻ .E:2023	4,0 mg/L
17.	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,02 mg/L
18.	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C:2023	0,01 mg/L
19.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520.B:2023	1,3 mg/L
20.	Tổng Crom	TCVN 6222:2008	0,001 mg/L
21.	Crom (VI)	SMEWW 3500 – Cr.B:2023	0,002 mg/L
22.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
23.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,01 mg/L
24.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
25.	Asen (As)	SMEWW 3114 B:2023	0,0006 mg/L
26.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,09 mg/L
27.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
28.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112 B:2023	0,0003 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
29.	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0002 mg/L
30.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,0011 mg/L
31.	Mangan (Mn)	TCVN 6002:1995	0,004 mg/L
32.	Magie (Mg)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/L
33.	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	US EPAMethod 3510C+ US EPA Method 3630C+ US EPA Method 8081B	
	<i>Aldrin (C₁₂H₈Cl₆)</i>		0,003 µg/L
	<i>Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)</i>		0,006 µg/L
	<i>2,4'-DDT</i>		0,003 µg/L
	<i>4,4'-DDT</i>		0,003 µg/L
	<i>Dieldrin</i>		0,003 µg/L
	<i>Heptachlor & Heptachlorepoxyde</i>		0,003 µg/L
	<i>Lindane (C₆H₆Cl₆)</i>		0,003 µg/L
	<i>Hexachlorobenzene (C₆Cl₆)</i>		0,003 µg/L
	<i>Petachlorobenzen</i>		0,003 µg/L
34.	Hóa chất bảo vệ thực vật phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	
	<i>Diazinon</i>		0,03 µg/L
	<i>Parathion-methyl</i>		0,03 µg/L
	<i>Malathion</i>		0,03 µg/L
	<i>Parathion-ethyl</i>		0,03 µg/L
	<i>Chloropyrifos</i>		0,03 µg/L
	<i>Bromophos-methyl</i>		0,03 µg/L
	<i>Chlorfenvinphos</i>		0,03 µg/L
	<i>Bromophos-ethyl</i>		0,03 µg/L
	<i>Ethion</i>		0,03 µg/L
35.	Polyclobiphenyl (PCBs)	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3630C+ US EPA Method 3665A + US EPA Method 8082A	

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
	PCB18		0,0065 µg/L
	PCB 28		0,0065 µg/L
	PCB 52		0,0065 µg/L
	PCB 101		0,0065 µg/L
	PCB 118		0,0065 µg/L
	PCB 153		0,0065 µg/L
	PCB 138		0,0065 µg/L
	PCB 180		0,0065 µg/L
36.	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs)	EPA Method 5030C+ EPA Method 8260D	
	Tetrachloroethylene PCE (C ₂ Cl ₄)		1 µg/L
	1,4-Dioxane (C ₄ H ₈ O ₂)		1 µg/L
	Carbon tetrachloride (CCl ₄)		1 µg/L
	1,2 Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)		1 µg/L
	Methylene chloride (CH ₂ Cl ₂)		1 µg/L
	Benzene (C ₆ H ₆)		1 µg/L
	Chloroform (CHCl ₃)		1 µg/L
37.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 6053:2021	0,02 Bq/L
38.	Tổng hoạt động phóng xạ β	TCVN 6219:2021	0,2 Bq/L
39.	E.Coli	SMEWW 9221B&F:2023	1,8 MPN/100mL
40.	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	1,8 MPN/100mL
41.	Coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221B&E:2023	1,8 MPN/100mL
42.	Natri (Na)	SMEWW 3111B:2023	0,14 mg/L
43.	Kali(K)	SMEWW 3111B:2023	0,13 mg/L
44.	Chlorophyll a	TCVN 6662:2000	0,011 µg/m ³

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550.B:2023	4 ÷ 50 °C

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	TTP.SĐN.N.01	0 ÷ 100 g/L
4.	Clo dư	SMEWW 4500-Cl:2023	0 ÷ 5,0 mg/L
5.	Độ màu	TTP.SĐN.N.02	0 ÷ 500 Pt-Co
6.	Vận tốc nước thải	TTP.SĐN.N.04	0,1-14 m/s
7.	Lưu lượng của nước thải	TTP.SĐN.N.05	0-8000 m ³ /h

TTP.SĐN.N.01: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường

TTP.SĐN.N.02: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc Độ màu tại hiện trường

TTP.SĐN.N.04: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc Vận tốc nước thải tại hiện trường

TTP.SĐN.N.05: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc Lưu lượng nước thải tại hiện trường;

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	1,3 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	2,5 mg/L
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
4.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
5.	Tổng Phosphor	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
8.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,02 mg/L
9.	Nitrite (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
10.	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,07 mg/L
11.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,007 mg/L
12.	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	0,01 mg/L
13.	Độ màu	TCVN 6185.C:2015	4,0 Pt-Co